

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-BQP

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2026

Dự thảo 2
Ngày 21.5.2026

TỜ TRÌNH

Dự án Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ dự án Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Việc ban hành Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD) là yêu cầu cấp thiết nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy; bảo đảm quốc phòng, an ninh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi trước yêu cầu phòng ngừa, kiểm soát các nguy cơ an ninh truyền thống và phi truyền thống trong tình hình mới. Cụ thể:

- Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế đã xác định mục tiêu hội nhập quốc tế của Việt Nam là nhằm củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ tối đa các điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước nhanh và bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trong đó, khẳng định Việt Nam sẽ “*thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã thỏa thuận...*”.

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng: Tại khoản 1 mục II tầm nhìn và định hướng phát triển nêu rõ “(4) *Phát huy sức mạnh, bản lĩnh, trí tuệ của con người Việt Nam...; bảo vệ tổ quốc từ sớm, từ xa...*”, tại khoản 4 về định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026 - 2030 nêu rõ “(9) *Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, là thành viên*

có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế; phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới, tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hóa và vị thế của đất nước. Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả. Bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc, hợp tác bình đẳng cùng có lợi. Chủ động, tích cực đóng góp vào hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển trên tinh thần là bạn, là đối tác tin cậy, là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế...". Những định hướng này cho thấy yêu cầu hoàn thiện thể chế, pháp luật không chỉ nhằm ứng phó với các nguy cơ an ninh truyền thống mà còn phải chủ động phòng ngừa, kiểm soát các thách thức an ninh phi truyền thống, trong đó có nguy cơ phổ biến và tài trợ phổ biến WMD.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; trong đó, đề ra mục tiêu *"luật hóa đến mức tối đa những vấn đề quan trọng của đất nước thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội"*. Phòng, chống phổ biến WMD là một trong những vấn đề quan trọng của đất nước và thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

- Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong đó có *"xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển ứng dụng công nghệ sinh học; ...bảo đảm an toàn sinh học"* và *"chủ động ứng phó tình huống khủng bố bằng tác nhân sinh học, chiến tranh sử dụng vũ khí sinh học; xử lý chất độc hoá học; bảo đảm an ninh sinh học trong nghiên cứu, sản xuất, làm chủ công nghệ sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học đặc thù phục vụ quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới"*.

- Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về chiến lược bảo vệ quốc gia trong tình hình mới đề ra mục tiêu chung là *"Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ thành quả cách mạng, sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá; bảo vệ nền văn hoá và uy tín, vị thế quốc tế của đất nước; bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững, củng cố, tăng cường môi trường hoà bình để xây dựng, phát triển đất nước; đóng góp tích cực vào gìn giữ hoà bình khu vực, thế giới"* và đã nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về quốc phòng, an ninh, đáp ứng kịp thời những biến động nhanh, phức tạp của tình hình thế giới, đặc biệt là các mối đe dọa an ninh xuyên quốc gia. Đây là định hướng trực tiếp cho việc rà soát, bổ

sung và xây dựng các quy định pháp luật liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD theo hướng đồng bộ, hiện đại và hiệu quả. Bên cạnh đó, Đảng ta luôn nhất quán quan điểm bảo vệ Tổ quốc phải gắn liền với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã xác định quan điểm chỉ đạo là *“Phát triển nhanh và bền vững, từng bước tự chủ về công nghệ, nhất là công nghệ chiến lược, ưu tiên nguồn lực quốc gia đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”*, đồng thời đề ra giải pháp về thể chế với yêu cầu *“Có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra... Có cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước”*. Từ đó đặt ra vấn đề kiểm soát rủi ro an ninh từ công nghệ mới, công nghệ lưỡng dụng, qua đó làm rõ yêu cầu xây dựng cơ chế pháp lý vừa khuyến khích phát triển, vừa ngăn ngừa nguy cơ bị lợi dụng cho mục đích phổ biến WMD.

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới chỉ rõ *“Hội nhập quốc tế về chính trị, quốc phòng, an ninh sâu rộng, toàn diện và hiệu quả hơn, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”*, đồng thời nhấn mạnh nhiệm vụ *“nâng cao năng lực thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực thi và đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong nước”*. Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD, phù hợp với các nghĩa vụ quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đồng thời bảo đảm lợi ích quốc gia trong lĩnh vực phát triển kinh tế, đặc biệt là phát triển kinh tế tư nhân.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế, pháp luật theo hướng minh bạch, ổn định, bảo đảm quyền tự do kinh doanh và môi trường đầu tư an toàn lành mạnh, với mục tiêu *“Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu”*. Nghị quyết này đồng thời đặt ra nhiệm vụ *“Minh bạch, số hóa, thông minh hóa, tự động hóa, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính”*, cũng như yêu cầu *“rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân”*. Điều này đặt ra yêu cầu đối với pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD phải được thiết kế theo hướng quản lý rủi ro, có trọng tâm, trọng điểm; tránh tạo ra các

rào cản không cần thiết, bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia và thúc đẩy môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh.

- Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định mục tiêu: *“Bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia; cung cấp năng lượng đầy đủ, ổn định, chất lượng cao, giảm phát thải cho phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống người dân, bảo vệ môi trường sinh thái. Từng bước chuyển đổi năng lượng đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và cam kết quốc tế”*. Nghị quyết này tiếp tục khẳng định nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và đáp ứng phát triển đất nước với thực hiện các cam kết quốc tế.

- Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước với quan điểm chỉ đạo *“kinh tế nhà nước bảo đảm ổn định vĩ mô, các cân đối lớn của nền kinh tế, định hướng chiến lược phát triển, giữ vững quốc phòng, an ninh...cùng các thành phần kinh tế trong nước xây dựng nền kinh tế tự chủ, tự lực, tự cường, bảo đảm an ninh kinh tế, thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả”*. Do đó, để bảo đảm an ninh kinh tế cũng như thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả thì cần thiết quản lý rủi ro về phòng, chống phổ biến WMD phải có trọng tâm, trọng điểm; bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia và thúc đẩy môi trường đầu tư, kinh doanh để phát triển kinh tế.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đề ra nhiều định hướng cải cách lớn trong công tác xây dựng và thực thi pháp luật, nổi bật là 07 nhiệm vụ chiến lược, trong đó có nội dung *“Nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế, pháp luật quốc tế”*. Nhiệm vụ đặt ra yêu cầu hoàn thiện cơ chế, nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức Việt Nam, để bảo đảm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý quốc tế, định hình trật tự pháp lý quốc tế; tham gia tích cực vào việc xây dựng thể chế và pháp luật quốc tế; tận dụng hiệu quả, linh hoạt các lợi thế từ cam kết của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Từ tổng thể các nghị quyết nêu trên có thể khẳng định chủ trương, đường lối của Đảng đã hình thành một định hướng chính trị nhất quán và xuyên suốt, trong đó nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Đây chính

là cơ sở chính trị quan trọng, tạo tiền đề vững chắc cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD trong giai đoạn hiện nay.

b) Cơ sở pháp lý

- Điều 12 Hiến pháp Việt Nam năm 2013 khẳng định: *“Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; ... tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới”*.

- Một số luật có liên quan như: Bộ luật Hình sự; Luật Phòng, chống khủng bố; Luật Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Luật Tình trạng khẩn cấp; Luật Hàng không dân dụng Việt Nam; Luật Năng lượng nguyên tử; Luật Hóa chất; Luật Phòng, chống rửa tiền; Luật Chuyển giao công nghệ; Luật Thú y; Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Luật Phòng bệnh; Luật Quản lý ngoại thương; Luật Đầu tư; Luật Công nghệ; Luật Trí tuệ nhân tạo; Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Luật Thương mại; Luật Doanh nghiệp; Luật Hải quan; Luật Biên phòng; Luật Cảnh sát biển; Luật Xử lý vi phạm hành chính (chi tiết có trong Báo cáo rà soát).

- Các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên: Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT), Công ước cấm vũ khí hóa học (CWC) và Công ước cấm vũ khí sinh học và độc tố (BWC); các điều ước này đặt ra những nghĩa vụ cơ bản đối với quốc gia thành viên, bao gồm không phát triển, không sản xuất, không tàng trữ, không chuyển giao và không sử dụng các loại WMD tương ứng; đồng thời yêu cầu các quốc gia ban hành và thực thi các biện pháp pháp lý trong nước nhằm bảo đảm tuân thủ các cam kết quốc tế đã ký kết.

- Các Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc:

+ Nghị quyết 1540 ngày 28/4/2004 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có nội dung yêu cầu các quốc gia thành viên Liên hợp quốc phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây: Không được cung cấp bất kỳ hình thức hỗ trợ trực tiếp hay gián tiếp nào cho các chủ thể phi nhà nước đang tìm cách phát triển, thu nhận, chế tạo, sở hữu, vận chuyển, chuyển giao hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học và các phương tiện vận chuyển các vũ khí đó (Điều 1); ban hành và thực hiện các luật có hiệu lực thích hợp nhằm cấm các chủ thể phi nhà nước sản xuất, có được, sở hữu, phát triển, vận chuyển, chuyển giao hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân, hóa học hoặc sinh học và phương tiện mang và phát tán các vũ khí đó (Điều 2) và thực hiện các biện pháp hiệu quả để kiểm soát trong nước nhằm ngăn chặn phổ biến

vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học và các phương tiện mang và phát tán các vũ khí đó (Điều 3).

+ Trên cơ sở Nghị quyết 1540, trong các năm tiếp theo, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đã thông qua nhiều nghị quyết nhằm khẳng định, gia hạn và tăng cường cơ chế thực hiện Nghị quyết 1540, tiêu biểu như các Nghị quyết số 1673 (2006), 1810 (2008), 1977 (2011), 2325 (2016), 2622 (2022) và 2663 (2022). Các nghị quyết này tiếp tục nhấn mạnh trách nhiệm của các quốc gia trong việc hoàn thiện khuôn khổ pháp luật, tăng cường kiểm soát rủi ro phổ biến, cũng như đẩy mạnh phối hợp quốc tế và hỗ trợ kỹ thuật trong thực thi nghĩa vụ không phổ WMD.

- Các chuẩn mực FATF và cơ chế đánh giá của APG: Bên cạnh khuôn khổ pháp lý của Liên hợp quốc, yêu cầu về phòng, chống phổ biến WMD còn được cụ thể hóa thông qua các chuẩn mực quốc tế về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố do Lực lượng đặc nhiệm tài chính (FATF) ban hành, trong đó phòng, chống tài trợ phổ biến WMD được xác định là một trụ cột độc lập. Với tư cách là thành viên của Nhóm Phòng, chống rửa tiền Châu Á - Thái Bình Dương (APG), Việt Nam có nghĩa vụ tuân thủ và được đánh giá mức độ tuân thủ các chuẩn mực này (40 Khuyến nghị của FATF về các chuẩn mực quốc tế về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố và phổ biến vũ khí). Theo Khuyến nghị số 7 của FATF về các hình phạt tài chính mục tiêu liên quan đến phổ biến vũ khí, các quốc gia phải áp dụng đầy đủ, không chậm trễ các biện pháp trừng phạt tài chính nhằm thực thi các nghị quyết liên quan của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Các biện pháp này bao gồm việc đóng băng tài sản và ngăn chặn việc cung cấp, trực tiếp hoặc gián tiếp, tài sản hoặc dịch vụ tài chính cho các tổ chức, cá nhân bị chỉ định.

- Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

- Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.

- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.

- Nghị định số 295/2025/NĐ-CP ngày 10/10/2025 của Chính phủ về kiểm soát thương mại chiến lược.

- Nghị định số 316/2025/NĐ-CP ngày 10/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Năng lượng nguyên tử về nhà máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu.

- Nghị định số 340/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

- Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.

- Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 81/2019/NĐ-CP của Chính phủ về phòng, chống phổ biến WMD. Trong đó giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành, địa phương có liên quan đánh giá sơ kết kết quả thực hiện Nghị định số 81/2019/NĐ-CP và kiến nghị xây dựng Luật về phòng, chống phổ biến WMD.

- Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến WMD. Trong đó, mục tiêu của Kế hoạch là: *“Triển khai thực hiện và hoàn thành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến WMD với Lực lượng đặc nhiệm tài chính (FATF), sớm đưa Việt Nam ra khỏi Danh sách rà soát tăng cường (Danh sách xám) trên cơ sở bảo đảm tối đa lợi ích quốc gia”*. Tại Quyết định này, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng khung pháp lý về phòng, chống tài trợ phổ biến WMD.

- Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026. Trong đó, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, trình Chính phủ trong tháng 6/2026, trình Ủy ban TVQH trong tháng 8/2026 và trình Quốc hội Khóa XVI thông qua tại Kỳ họp thứ 2 (tháng 10/2026).

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý nêu trên, để đáp ứng yêu cầu chiến lược bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội gắn với củng cố tiềm lực quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời bảo đảm thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế của Việt Nam, việc nghiên cứu, xây dựng và ban hành Luật Phòng, chống phổ biến WMD là cần thiết, nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong phòng, chống phổ biến WMD.

2. Cơ sở thực tiễn

Thực tiễn quốc tế, khu vực và trong nước cho thấy nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến WMD tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, gắn với cạnh tranh

chiến lược, xung đột khu vực, khủng bố, tội phạm xuyên quốc gia, sự phát triển nhanh của khoa học, công nghệ và quá trình toàn cầu hóa chuỗi cung ứng. Các chủ thể phi nhà nước có thể lợi dụng hoạt động thương mại, logistics, đầu tư, hợp tác khoa học, chuyển giao công nghệ, tài chính số và hàng hóa, công nghệ lưỡng dụng để nghiên cứu, phát triển, vận chuyển, chuyển giao, sử dụng hoặc tài trợ cho phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Thực tiễn này đặt ra yêu cầu phải có khuôn khổ pháp lý đủ hiệu lực để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý từ sớm, từ xa các nguy cơ phát sinh.

Ở bình diện quốc tế, xu hướng nội luật hóa các cam kết về không phổ biến WMD ngày càng được đẩy mạnh; nhiều quốc gia trong khu vực đã ban hành luật chuyên ngành về phòng, chống phổ biến WMD. Các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là yêu cầu về trừng phạt tài chính mục tiêu, đóng băng tài sản và ngăn chặn việc cung cấp tiền, tài sản, dịch vụ tài chính cho tổ chức, cá nhân bị chỉ định, đòi hỏi quốc gia phải có cơ chế thực thi kịp thời, thống nhất và có hiệu lực pháp lý cao. Đối với Việt Nam, các yêu cầu này tác động trực tiếp đến hoạt động thương mại, đầu tư, thanh toán quốc tế, uy tín của hệ thống tài chính và mức độ tin cậy của môi trường pháp lý quốc gia.

Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, quy mô giao thương, logistics, đầu tư, chuyển giao công nghệ và giao dịch tài chính xuyên biên giới gia tăng nhanh, yêu cầu quản lý nhà nước đối với các hoạt động có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến hoặc tài trợ phổ biến WMD ngày càng cấp thiết. Việc Việt Nam đang thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến WMD và phải tiếp tục khắc phục các khuyến nghị của FATF cho thấy nhu cầu thực tiễn phải hoàn thiện pháp luật về cấm cung cấp tiền, tài sản cho phổ biến WMD, thiết lập cơ chế trừng phạt tài chính mục tiêu và bảo đảm thực thi “không chậm trễ”.

Thời gian qua, công tác phòng, chống phổ biến WMD đã đạt được một số kết quả quan trọng. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2019/NĐ-CP; Thủ tướng Chính phủ ban hành các kế hoạch, chương trình triển khai; Bộ Quốc phòng với vai trò cơ quan đầu mối quốc gia đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức tuyên truyền, tập huấn, huấn luyện, diễn tập, trao đổi thông tin, hợp tác quốc tế và từng bước hình thành cơ chế phối hợp liên ngành. Các bộ, ngành như Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan đã ban hành, tham mưu ban hành nhiều văn bản phục vụ phòng, chống khủng bố, phòng, chống rửa tiền, kiểm soát tài chính, thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học và kiểm soát các hoạt động chuyên ngành có liên quan.

Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cũng bộc lộ nhiều hạn chế. Khuôn khổ pháp lý hiện hành chủ yếu được quy định ở văn bản dưới luật, chưa tạo lập cơ sở pháp lý đầy đủ, ổn định ở cấp luật đối với các biện pháp có khả năng tác động đến

quyền con người, quyền công dân, quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh như phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch, tạm giữ, đình chỉ giao dịch, kiểm tra, thanh tra, giám sát. Pháp luật hiện hành còn thiếu quy định đầy đủ về hành vi bị nghiêm cấm, cơ chế kiểm soát ngoài danh mục, thẩm tra người sử dụng cuối cùng, kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể, kiểm soát tài trợ phổ biến, danh sách bị chỉ định và trừng phạt tài chính mục tiêu.

Bên cạnh đó, các quy định liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD đang phân tán trong nhiều lĩnh vực như quốc phòng, an ninh, ngoại thương, hải quan, hóa chất, năng lượng nguyên tử, khoa học và công nghệ, phòng, chống rửa tiền, tài chính, ngân hàng. Việc thiếu một khuôn khổ pháp lý thống nhất làm phát sinh nguy cơ chồng chéo, thiếu liên thông, khó xác định căn cứ áp dụng, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và cơ chế phối hợp khi xử lý các tình huống có yếu tố liên ngành, xuyên biên giới hoặc cần phản ứng nhanh.

Cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu, cảnh báo sớm và phối hợp liên ngành còn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn. Việc trao đổi thông tin giữa các cơ quan vẫn phụ thuộc nhiều vào cơ chế hành chính, chưa hình thành hệ thống dữ liệu dùng chung, chưa chuẩn hóa đầy đủ quy trình, định dạng dữ liệu, thời hạn phản hồi, phân quyền khai thác và cơ chế bảo mật thông tin nhạy cảm. Điều này ảnh hưởng đến khả năng nhận diện sớm rủi ro, phân loại đối tượng, kiểm soát giao dịch, kiểm soát hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ lưỡng dụng và thực thi kịp thời biện pháp trừng phạt tài chính mục tiêu.

Từ thực tiễn nêu trên, việc ban hành Luật Phòng, chống phổ biến WMD là cần thiết, nhằm khắc phục các khoảng trống, bất cập của pháp luật hiện hành; luật hóa các nguyên tắc, căn cứ, biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù; hoàn thiện cơ chế phòng, chống tài trợ phổ biến và trừng phạt tài chính mục tiêu; thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, chia sẻ thông tin, cảnh báo sớm, hợp tác quốc tế và bảo đảm nguồn lực thực thi. Qua đó, Luật tạo cơ sở pháp lý thống nhất, minh bạch, khả thi để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, bảo vệ quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, an ninh con người, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, đầu tư, sản xuất, kinh doanh hợp pháp.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích ban hành văn bản

- Thể chế hóa đúng, đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo vệ tổ quốc từ sớm, từ xa, hội nhập quốc tế, trong đó có chủ trương gia nhập các cơ chế đa phương về phòng, chống phổ biến WMD.

- Hoàn thiện khung pháp lý trong nước ở cấp Luật để Việt Nam thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết, nghĩa vụ quốc gia về phòng, chống phổ biến WMD theo: Hiến chương Liên hợp quốc; các nghị quyết của Hội đồng bảo an Liên hợp

quốc; Công ước vũ khí sinh học; Công ước vũ khí hóa học; Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân; các khuyến nghị của FATF và các điều ước, thỏa thuận quốc tế khác có liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên¹. Thúc đẩy hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong việc thực hiện các cam kết, nghĩa vụ quốc gia về phòng, chống phổ biến WMD.

- Tạo môi trường quốc tế thuận lợi để các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam tăng cường hợp tác về đầu tư, thương mại và công nghệ với các tổ chức, các nước trên thế giới, đặc biệt là các nền kinh tế lớn, thị trường quan trọng như Mỹ và Liên minh châu Âu.

2. Quan điểm xây dựng dự án Luật

Một là, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng; phù hợp với Hiến pháp, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an ninh kinh tế, an ninh con người và hội nhập quốc tế.

Hai là, xây dựng Luật theo hướng quy định những vấn đề mang tính nguyên tắc, khung pháp lý chung, ổn định và có hiệu lực lâu dài; luật hóa các nội dung liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân, quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh; giao Chính phủ quy định chi tiết các vấn đề kỹ thuật, quy trình, tiêu chí chuyên môn và tổ chức thực hiện.

Ba là, bảo đảm không làm thay, không thay thế pháp luật chuyên ngành; kế thừa, liên thông với các quy định hiện hành về quốc phòng, an ninh, ngoại thương, hải quan, hóa chất, năng lượng nguyên tử, khoa học và công nghệ, phòng, chống rửa tiền, phòng, chống khủng bố và pháp luật có liên quan; khắc phục khoảng trống, chồng chéo, thiếu thống nhất trong thực tiễn thi hành.

Bốn là, lấy phòng ngừa là chính; quản lý, kiểm soát trên cơ sở đánh giá rủi ro, có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm cần thiết, hợp lý, tương xứng; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi phổ biến và tài trợ phổ biến WMD, nhất là đối với hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ lưỡng dụng và giao dịch tài chính có nguy cơ bị lợi dụng.

¹ Cụ thể: Hiến chương Liên hợp Quốc (1945); Nghị định thư về cấm sử dụng trong chiến tranh các loại hơi độc, hơi ngạt hoặc các loại tương tự khác, các phương tiện chiến tranh sinh học - Nghị định thư Geneva (1925); Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân - NPT (1968); Hiệp ước cấm đặt vũ khí hạt nhân và các loại vũ khí giết người hàng loạt khác dưới đáy biển, đáy đại dương và thềm lục địa (1971); Công ước về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng vũ khí sinh học và độc tố - BWC (1972); Công ước bảo vệ an toàn vật liệu hạt nhân - CPPNM (1979); Công ước cấm hoặc hạn chế sử dụng một số loại vũ khí có thể gây thương vong cao hoặc gây hậu quả bừa bãi (1980); Công ước về cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng vũ khí hóa học và tiêu hủy chúng - CWC (1993); Sửa đổi Công ước về an toàn hạt nhân (1994); Hiệp ước cấm thử hạt nhân toàn diện - CTBT (1996); Công ước về trừng trị hành vi khủng bố bằng bom (1997); Công ước về việc trừng trị hành vi tài trợ khủng bố (1999); Nghị quyết 1540 ngày 28/4/2004; Công ước ASEAN về chống khủng bố (2007).

Năm là, bảo đảm thực hiện đầy đủ, kịp thời cam kết quốc tế của Việt Nam về không phổ biến WMD, phòng, chống tài trợ phổ biến và trừng phạt tài chính mục tiêu; tăng cường hợp tác quốc tế, chia sẻ thông tin, phối hợp liên ngành, góp phần củng cố uy tín, vị thế của Việt Nam là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế.

Sáu là, bảo đảm tính khả thi, minh bạch, dễ thực hiện; không tạo rào cản không cần thiết đối với hoạt động nghiên cứu, đầu tư, sản xuất, kinh doanh, chuyển giao công nghệ hợp pháp; đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho việc bố trí nguồn lực, xây dựng cơ sở dữ liệu, cảnh báo sớm, nâng cao năng lực thực thi và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Quốc phòng - Cơ quan đầu mối quốc gia Việt Nam về phòng, chống phổ biến WMD tổ chức tổng kết 6 năm (2019-2025) thực hiện Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến WMD và đề xuất với Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội đưa vào Chương trình lập pháp năm 2026 để xây dựng Luật Phòng, chống phổ biến WMD.

2. Thực hiện Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026 và Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ phân công Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo dự án Luật; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ban hành Quyết định số 6024/QĐ-BQP ngày 25/11/2025 thành lập Tổ soạn thảo; Tổ soạn thảo ban hành Kế hoạch số 7628/KH-TST ngày 25/11/2025 để triển khai xây dựng hồ sơ dự án Luật.

3. Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Bộ Quốc phòng đã gửi hồ sơ chính sách xin ý kiến các bộ, ngành, cơ quan liên quan và các Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Công văn số 8585/BQP-CPC ngày 30/12/2025; tổ chức Hội nghị tham vấn hồ sơ chính sách ngày 23/01/2026; thực hiện truyền thông chính sách trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Quốc phòng, Báo Quân đội nhân dân; tổng hợp, tiếp thu, chỉnh lý hồ sơ chính sách và gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo Công văn số 694/BQP-CPC ngày 01/02/2026.

4. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định số 69/BCTĐ-BTP ngày 26/02/2026 của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng đã tổ chức các cuộc họp, hội thảo để tiếp thu, chỉnh lý hồ sơ chính sách; tiếp tục tổ chức Hội nghị tham vấn hồ sơ chính sách lần thứ hai ngày 09/3/2026; gửi Bộ Tư pháp tiếp tục thẩm định theo Công văn số 1656/BQP-PC ngày 17/3/2026; sau khi có Báo cáo thẩm định số 103/BCTĐ-BTP

ngày 27/3/2026 của Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng đã nghiên cứu, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ chính sách báo cáo Chính phủ xem xét, thông qua.

5. Ngày 13/4/2026, Bộ Quốc phòng có Tờ trình số 2385/TTr-BQP ngày về chính sách của dự án Luật Phòng, chống phổ biến WMD và Báo cáo số 3047/BC-BQP ngày 09/5/2026 về việc tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ và chính lý, hoàn thiện hồ sơ chính sách dự án Luật. Ngày 18/5/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 130/NQ-CP về chính sách dự án Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

6. Căn cứ các chính sách của dự án Luật được Chính phủ thông qua, Bộ Quốc phòng đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng dự thảo Luật và hồ sơ dự án Luật; tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Luật theo Công văn số/BQP-PC ngày .../.../2026; đăng tải dự thảo Luật trên từ ngày .../.../2026 đến ngày .../.../2026; tổ chức các cuộc họp, hội thảo lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, chuyên gia, nhà khoa học và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp; gửi hồ sơ dự án Luật đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để phản biện xã hội; tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và chỉnh lý dự thảo Luật.

7. Ngày .../.../2026, Bộ Quốc phòng có Công văn số/BQP-PC gửi Bộ Tư pháp thẩm định hồ sơ dự án Luật. Ngày .../.../2026, Bộ Tư pháp có Báo cáo thẩm định số/BCTĐ-BTP đối với hồ sơ dự án Luật. Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Quốc phòng đã tiếp thu, giải trình, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật để trình Chính phủ tại/TTr-BQP; sau khi tiếp thu ý kiến Thành viên Chính phủ và kết luận của Chính phủ tại, Bộ Quốc phòng hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Dự thảo Luật quy định nguyên tắc, chính sách, biện pháp và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến WMD.

Phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật tập trung vào các nội dung: Quản lý rủi ro; biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù; kiểm soát tài trợ phổ biến; trừng phạt tài chính mục tiêu; chia sẻ thông tin, dữ liệu; cảnh báo sớm; phối hợp liên ngành; hợp tác quốc tế và bảo đảm nguồn lực trong phòng, chống phổ biến WMD.

Dự thảo Luật áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam có liên quan đến hoạt động phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến WMD.

2. Bố cục của dự thảo Luật

Dự thảo Luật gồm 04 chương, 40 điều, được bố cục như sau:

Chương I. Quy định chung, gồm 07 điều, quy định về: Phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; nguyên tắc áp dụng pháp luật; chính sách của Nhà nước; hành vi bị nghiêm cấm và hợp tác quốc tế.

Chương II. Biện pháp, chính sách về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, gồm 25 điều, được chia thành 03 mục, quy định về quản lý rủi ro; quản lý, kiểm soát đặc thù; kiểm soát tài trợ phổ biến; trừng phạt tài chính mục tiêu; thông tin, dữ liệu, cảnh báo sớm và phối hợp thực hiện. Cụ thể:

Mục 1. Biện pháp quản lý rủi ro và quản lý, kiểm soát đặc thù, gồm 12 điều, quy định về: Quản lý rủi ro quốc gia; danh mục kiểm soát; hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát; nguyên tắc, căn cứ áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù; biện pháp quản lý, kiểm soát đối với hoạt động thuộc diện kiểm soát; kiểm soát theo danh mục và ngoài danh mục; kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng; kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể; biện pháp ngăn chặn, phản ứng khẩn cấp; hệ thống tuân thủ nội bộ; chế độ ưu tiên đối với tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ và nghĩa vụ tuân thủ của tổ chức, cá nhân có liên quan.

Mục 2. Kiểm soát tài trợ phổ biến và trừng phạt tài chính mục tiêu, gồm 07 điều, quy định về: Kiểm soát tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; giao dịch đáng ngờ; danh sách đối tượng bị chỉ định; phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch; quyền của đối tượng bị chỉ định, bảo vệ bên thứ ba ngay tình và trách nhiệm của tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Mục 3. Thông tin, dữ liệu, cảnh báo sớm và phối hợp thực hiện, gồm 06 điều, quy định về: Chia sẻ thông tin, dữ liệu, chế độ báo cáo; cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; cơ chế cảnh báo sớm; cơ quan đầu mối quốc gia; cơ chế phối hợp liên ngành và cơ chế phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương III. Quản lý nhà nước, kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm và bảo đảm nguồn lực, gồm 06 điều, quy định về: Quản lý nhà nước; kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện và trách nhiệm giải trình; chế tài xử lý vi phạm pháp luật; lực lượng, phương tiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; bảo đảm nguồn lực và chế độ, chính sách đối với lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Chương IV. Điều khoản thi hành, gồm 02 điều, quy định về: Hiệu lực thi hành và quy định chuyên tiếp.

3. Nội dung cơ bản

Dự án Luật được xây dựng trên cơ sở thể chế hóa các chính sách đã được Chính phủ thông qua; kế thừa các quy định còn phù hợp của pháp luật hiện hành;

bổ sung những vấn đề mới phát sinh từ yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, chuẩn mực quốc tế về phòng, chống tài trợ phổ biến WMD; đồng thời bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với pháp luật về quốc phòng, an ninh, phòng, chống khủng bố, phòng, chống rửa tiền, hóa chất, năng lượng nguyên tử, quản lý ngoại thương, hải quan, khoa học, công nghệ và pháp luật chuyên ngành có liên quan.

a) Về thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước

Dự án Luật thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; bảo đảm quốc phòng, an ninh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số gắn với kiểm soát rủi ro an ninh phi truyền thống. Các định hướng tại Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023; Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 và các nghị quyết có liên quan được cụ thể hóa thành các nguyên tắc, chính sách, biện pháp quản lý, kiểm soát trong công tác phòng, chống WMD.

Dự án Luật cụ thể hóa chính sách của Nhà nước về xây dựng, hoàn thiện pháp luật; ưu tiên đầu tư, phát triển năng lực phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi phổ biến và tài trợ phổ biến WMD; phát triển nguồn nhân lực, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu và cảnh báo sớm; thực hiện quản lý theo rủi ro; khuyến khích tổ chức, cá nhân xây dựng hệ thống tuân thủ nội bộ; tăng cường tuyên truyền, đào tạo, hợp tác quốc tế, hỗ trợ kỹ thuật và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Đồng thời, dự án Luật thể chế hóa yêu cầu của Hiến pháp năm 2013, nhất là Điều 12 về thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; khoản 2 Điều 14 về nguyên tắc quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng. Theo đó, các biện pháp có khả năng tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân như phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch, tạm dừng hoạt động, kiểm soát ngoài danh mục, kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng được quy định nguyên tắc, căn cứ, phạm vi áp dụng ngay trong Luật; Chính phủ chỉ quy định chi tiết về tiêu chí kỹ thuật, trình tự, thủ tục và cơ chế phối hợp trong phạm vi luật giao.

b) Về những vấn đề chưa được pháp luật quy định hoặc đã có quy định nhưng chưa phù hợp

Hiện nay, pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD còn phân tán tại nhiều văn bản thuộc các lĩnh vực khác nhau như quốc phòng, an ninh, phòng, chống khủng bố, phòng, chống rửa tiền, hóa chất, năng lượng nguyên tử, quản lý ngoại thương, hải quan, khoa học và công nghệ. Nghị định số 81/2019/NĐ-CP đã tạo cơ sở bước đầu cho phối hợp liên ngành nhưng mới dừng ở cấp nghị định, chưa đủ cơ sở pháp lý để điều chỉnh đầy đủ các biện pháp có khả năng hạn chế quyền; chưa thiết lập khuôn khổ thống nhất ở cấp Luật về quản lý rủi ro, kiểm soát đặc thù, kiểm soát tài trợ phổ biến và trừng phạt tài chính mục tiêu.

Dự án Luật bổ sung các vấn đề còn thiếu hoặc chưa được quy định đầy đủ, gồm: Khái niệm, phạm vi, nguyên tắc áp dụng pháp luật; quản lý rủi ro quốc gia; danh mục kiểm soát; kiểm soát theo danh mục và ngoài danh mục; kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng; kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể; biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp; hệ thống tuân thủ nội bộ của tổ chức, doanh nghiệp; kiểm soát tài trợ phổ biến; giao dịch đáng ngờ; danh sách đối tượng bị chỉ định; phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch; quyền của đối tượng bị chỉ định; bảo vệ bên thứ ba ngay tình; chia sẻ thông tin, dữ liệu; cơ sở dữ liệu quốc gia; cảnh báo sớm; phối hợp liên ngành; quản lý nhà nước, kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm và bảo đảm nguồn lực thực hiện.

Dự án Luật không thay thế pháp luật chuyên ngành mà xác lập khuôn khổ pháp lý chung để nhận diện, phòng ngừa, kiểm soát nguy cơ phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Trường hợp pháp luật chuyên ngành đã quy định về quản lý, cấp phép, khai báo, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, giám sát thì tiếp tục thực hiện theo pháp luật chuyên ngành; Luật này chỉ áp dụng biện pháp kiểm soát đặc thù khi có căn cứ xác định nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

c) Về vướng mắc, bất cập từ thực tiễn

Thực tiễn thi hành Nghị định số 81/2019/NĐ-CP và các văn bản có liên quan cho thấy nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến WMD ngày càng phức tạp, có thể phát sinh thông qua hoạt động thương mại, logistics, đầu tư, tài chính, chuyển giao công nghệ, nghiên cứu khoa học, đào tạo, hợp tác quốc tế và các hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ lưỡng dụng. Trong khi đó, cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan còn phân tán; việc cảnh báo, xác minh, xử lý tình huống có nguy cơ cao chưa có khuôn khổ pháp lý thống nhất; cơ sở dữ liệu, hệ thống cảnh báo sớm, cơ chế tiếp nhận và xử lý thông tin còn thiếu đồng bộ.

Một số biện pháp cần thiết để thực hiện nghĩa vụ quốc tế, nhất là trừng phạt tài chính mục tiêu, phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch, đưa vào và đưa ra khỏi

danh sách đối tượng bị chỉ định, bảo vệ bên thứ ba ngay tình, giải tỏa tài sản phục vụ nhu cầu thiết yếu, nhân đạo chưa được quy định đầy đủ ở cấp Luật. Điều này có thể ảnh hưởng đến yêu cầu thực hiện “không chậm trễ” theo nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và Khuyến nghị số 7 của FATF về trừng phạt tài chính mục tiêu liên quan đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Dự án Luật khắc phục các bất cập nêu trên bằng việc thiết lập cơ chế quản lý theo rủi ro; quy định rõ nguyên tắc, căn cứ áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù; xác định trách nhiệm chia sẻ thông tin, dữ liệu, cảnh báo sớm, phối hợp liên ngành; tạo cơ sở pháp lý cho cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; đồng thời quy định cơ chế bảo đảm nguồn lực, kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện.

d) Về nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự án Luật được xây dựng theo nguyên tắc không đặt ra thủ tục hành chính trùng lặp, không tạo thêm rào cản không cần thiết đối với hoạt động nghiên cứu, đầu tư, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển giao công nghệ và giao dịch hợp pháp. Đối với hoạt động, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ đã được pháp luật chuyên ngành điều chỉnh đầy đủ thì tiếp tục thực hiện theo pháp luật chuyên ngành; không thiết lập cơ chế cấp phép, khai báo, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, giám sát song song theo Luật này.

Dự án Luật định hướng đơn giản hóa thủ tục thông qua quản lý theo rủi ro; lồng ghép việc cung cấp, khai thác, chia sẻ thông tin với cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin hiện có; tăng cường sử dụng phương thức điện tử; áp dụng cơ chế ưu tiên, đơn giản hóa phương thức kiểm tra, giám sát, báo cáo, khai báo đối với tổ chức, doanh nghiệp có hệ thống tuân thủ nội bộ tốt, lịch sử chấp hành pháp luật tốt và mức độ rủi ro thấp. Đối với trường hợp rủi ro cao, biện pháp kiểm soát được áp dụng có trọng tâm, trọng điểm, đúng căn cứ, đúng phạm vi, đúng thời hạn và có cơ chế rà soát, khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Chính phủ được giao quy định chi tiết biểu mẫu, phương thức tiếp nhận, xử lý thông tin, cơ chế phối hợp, chế độ ưu tiên, miễn, giảm, đơn giản hóa thủ tục hoặc hậu kiểm phù hợp; việc quy định chi tiết không được đặt ra thêm căn cứ, điều kiện hoặc biện pháp hạn chế quyền ngoài quy định của Luật.

đ) Về nội dung phân quyền, phân cấp

Dự án Luật quy định Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết việc phân công, phân cấp, phối hợp giữa bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan. Cách tiếp cận này bảo đảm Luật giữ vai trò là đạo luật khung, quy định nguyên tắc, căn cứ, chính sách, biện pháp và trách nhiệm chung; không quy định cứng nhiệm vụ cụ

thể của từng bộ, ngành ngay trong Luật, để bảo đảm linh hoạt trong tổ chức thực hiện và phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước từng thời kỳ.

Dự án Luật xác lập cơ chế cơ quan đầu mối quốc gia do Chính phủ quy định, có chức năng tham mưu, giúp Chính phủ chỉ đạo, điều phối, tổ chức thực hiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Các bộ, ngành, địa phương tiếp tục thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo pháp luật chuyên ngành; đồng thời có trách nhiệm phối hợp, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cảnh báo, kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm và bảo đảm nguồn lực theo phân công của Chính phủ.

Việc phân quyền, phân cấp trong dự án Luật được thiết kế theo hướng phân định rõ trách nhiệm, bảo đảm không bỏ trống nhiệm vụ, không chồng chéo thẩm quyền, không làm thay chức năng quản lý chuyên ngành; đồng thời nâng cao trách nhiệm giải trình, hiệu quả phối hợp liên ngành và năng lực phản ứng kịp thời trước các nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

e) Về vấn đề còn ý kiến khác nhau cần xin ý kiến cấp có thẩm quyền và kiến nghị phương án giải quyết

(nội dung này sẽ tiếp tục được hoàn thiện sau khi lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương và đối tượng chịu tác động)

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO VĂN BẢN GỬI THẨM ĐỊNH:

(Nội dung này sẽ bổ sung sau khi có ý kiến thẩm định)

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

Việc thi hành Luật cơ bản được tổ chức trên cơ sở kế thừa tổ chức bộ máy, nhân lực, cơ sở vật chất, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, trang bị, phương tiện và nguồn lực hiện có của các bộ, ngành, địa phương; đồng thời từng bước củng cố, bổ sung nguồn lực cần thiết để đáp ứng yêu cầu quản lý rủi ro, kiểm soát đặc thù, kiểm soát tài trợ phổ biến, trừng phạt tài chính mục tiêu, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cảnh báo sớm, phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế.

Về nguồn lực tài chính, kinh phí thi hành Luật được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công, quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan. Việc bố trí, quản lý, sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch, tránh trùng lặp, lãng phí; ưu tiên lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ đang triển khai về quốc phòng, an ninh, phòng, chống khủng bố, phòng, chống rửa tiền, hải quan, quản lý ngoại thương, hóa chất, năng lượng nguyên tử, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và hợp tác quốc tế.

Bên cạnh ngân sách nhà nước, việc thi hành Luật được huy động từ nguồn viện trợ, hỗ trợ kỹ thuật, tài trợ, đóng góp hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; ưu tiên các nguồn lực phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, chuyển giao kỹ thuật, xây dựng năng lực, hoàn thiện hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, cảnh báo sớm và nâng cao năng lực thực thi các nghĩa vụ quốc tế về phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Về tổ chức bộ máy và nhân lực, Luật không đặt ra yêu cầu thành lập mới tổ chức bộ máy chuyên trách ở Trung ương và địa phương, mà thực hiện trên cơ sở phân công, phân cấp, phối hợp giữa các cơ quan hiện có. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; quy định cụ thể cơ quan đầu mối quốc gia, trách nhiệm phối hợp của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan. Các bộ, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao để kiện toàn đầu mối tham mưu, nâng cao năng lực cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm không chồng chéo, không bỏ trống trách nhiệm, không làm phát sinh biên chế không cần thiết.

Về điều kiện kỹ thuật, thông tin, dữ liệu, việc thi hành Luật cần bảo đảm điều kiện xây dựng, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu, hệ thống cảnh báo sớm và cơ chế phối hợp liên ngành về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Việc đầu tư, nâng cấp hệ thống kỹ thuật phải thực hiện theo lộ trình phù hợp, tận dụng tối đa hạ tầng số, cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành hiện có; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Về xây dựng văn bản quy định chi tiết và tổ chức thi hành, sau khi Luật được thông qua, Chính phủ, các bộ, ngành có liên quan có trách nhiệm rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; bảo đảm đồng bộ với pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống khủng bố, quản lý ngoại thương, hải quan, hóa chất, năng lượng nguyên tử, khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước và pháp luật chuyên ngành có liên quan. Việc quy định chi tiết phải bám sát phạm vi được Luật giao, không đặt ra biện pháp hạn chế quyền, điều kiện, thủ tục hoặc nghĩa vụ tuân thủ mới ngoài căn cứ đã được Luật quy định.

Về tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và đào tạo, các cơ quan có thẩm quyền tổ chức quán triệt, phổ biến nội dung của Luật và văn bản quy định chi tiết cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, tổ chức tài chính, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và cá nhân có liên quan; chú trọng tập huấn nghiệp vụ về nhận diện rủi ro, kiểm soát hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ lưỡng dụng, kiểm soát người sử dụng cuối cùng, kiểm soát tài trợ phổ biến, trừng phạt tài chính mục

tiêu, phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch, chia sẻ thông tin, dữ liệu và phối hợp xử lý tình huống.

Nhìn chung, việc thi hành Luật không làm phát sinh yêu cầu lớn về tổ chức bộ máy mới; nguồn lực thực hiện chủ yếu được bảo đảm thông qua việc sắp xếp, lồng ghép, sử dụng hiệu quả nguồn lực hiện có, kết hợp với bố trí ngân sách hằng năm và huy động nguồn lực hợp pháp khác. Việc bảo đảm nguồn lực được thực hiện theo lộ trình, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước, yêu cầu thực tiễn và nhiệm vụ thực hiện điều ước quốc tế, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, chuẩn mực quốc tế về phòng, chống tài trợ phổ biến WMD mà Việt Nam có trách nhiệm thực hiện.

2. Thời gian trình thông qua

Quốc hội thông qua dự án Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Kỳ họp thứ 2 (dự kiến tháng 10/2026). Cụ thể:

- Thời gian trình Chính phủ: Tháng 6/2026.
- Thời gian trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Tháng 8/2026;
- Thời gian trình Quốc hội thông qua: Tháng 10/2026.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, Bộ Quốc phòng kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; (2) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản QPPL, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật; (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc; (5) Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách; (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để ph/h trình);
- Bộ Tư pháp;
- Đ/c Bộ trưởng BQP (để b/cáo);
- Đ/c TTMT - Thứ trưởng BQP;
- Đ/c Thứ trưởng Nguyễn Văn Gấu;
- BTTM, TCCT;
- C20, C79;
- Binh chủng Hóa Học;
- Lưu: VT. Tm.....

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Luật số:...../2026/QH16

Dự thảo 2
Ngày 21.5.2026

LUẬT
PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về nguyên tắc, biện pháp, chính sách, nguồn lực, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vũ khí hủy diệt hàng loạt* là vũ khí có khả năng gây thiệt hại trên diện rộng đối với con người, tài sản, môi trường, bao gồm vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí phóng xạ và loại vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự.

2. *Phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt* là hành vi cố ý thực hiện, tham gia, hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp hoạt động nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chế tạo, mua, bán, tàng trữ, vận chuyển, chuyển giao, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trung chuyển, chuyển tải, sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ liên quan đến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. *Tài trợ cho phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt* là việc cung cấp, huy động, chuyển giao, quản lý hoặc sử dụng tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, trực tiếp hoặc gián tiếp, nhằm thực hiện, hỗ trợ hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. *Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát* là hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ có khả năng được sử dụng để nghiên cứu, phát triển, sản xuất, vận chuyển, vận hành, bảo dưỡng, sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt, bao gồm cả hàng hóa lưỡng dụng.

5. *Kiểm soát ngoài danh mục* là biện pháp kiểm soát áp dụng đối với hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ không thuộc danh mục kiểm soát nhưng có căn cứ cho thấy có thể được sử dụng, toàn bộ hoặc một phần, cho hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

6. *Người sử dụng cuối cùng* là tổ chức, cá nhân tiếp nhận, quản lý, khai thác, sử dụng cuối cùng hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát.

7. *Chuyển giao công nghệ phi vật thể* là việc chuyển giao dữ liệu kỹ thuật, phần mềm, bí quyết công nghệ, bản vẽ, quy trình, thông tin chuyên môn hoặc tri thức kỹ thuật thông qua phương tiện điện tử, mạng viễn thông, nền tảng số hoặc hình thức phi vật chất khác.

8. *Đối tượng bị chỉ định* là tổ chức, cá nhân có tên trong danh sách do Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc ban hành hoặc danh sách do Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của Việt Nam xác lập có liên quan đến phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

9. *Trùng phạt tài chính mục tiêu* là biện pháp áp dụng đối với đối tượng bị chỉ định nhằm phong tỏa ngay tiền, tài sản, nguồn lực tài chính thuộc sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp, gián tiếp của đối tượng đó; đồng thời cấm cung cấp tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, dịch vụ kinh tế cho đối tượng đó hoặc vì lợi ích của đối tượng đó.

10. *Hệ thống tuân thủ nội bộ* là hệ thống quy định, quy trình, biện pháp kiểm soát do tổ chức, cá nhân thiết lập, thực hiện nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn hành vi vi phạm quy định về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

11. *Kiểm soát đặc thù* là việc áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát theo quy định của Luật này đối với hoạt động, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ, giao dịch có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, trên cơ sở đánh giá rủi ro, nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

12. *Kiểm soát tài trợ phổ biến* là việc nhận diện, đánh giá, giám sát, phát hiện, báo cáo, ngăn chặn, tạm dừng giao dịch, phong tỏa tài sản hoặc áp dụng biện

pháp cần thiết khác theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan đối với tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, dịch vụ kinh tế có nguy cơ được sử dụng để phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

13. *Bên thứ ba ngay tình* là cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến tài sản, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ bị áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát, phong tỏa, hạn chế giao dịch theo quy định của Luật này nhưng không biết hoặc không thể biết việc tài sản, giao dịch, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ đó có liên quan đến phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 3. Nguyên tắc phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; bảo đảm lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

2. Lấy phòng ngừa là chính; chủ động phát hiện, cảnh báo sớm, ngăn chặn, xử lý kịp thời nguy cơ phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; thực hiện quản lý, kiểm soát trên cơ sở đánh giá rủi ro.

3. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh hợp pháp của tổ chức, cá nhân; biện pháp có nội dung hạn chế quyền chỉ được áp dụng khi có căn cứ do Luật này quy định, bảo đảm cần thiết, hợp lý, tương xứng, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

4. Hoạt động phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt không thay thế chức năng quản lý nhà nước theo pháp luật chuyên ngành; không đặt ra cơ chế quản lý, cấp phép, khai báo, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, giám sát trùng lặp.

5. Bảo đảm phối hợp liên ngành, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cảnh báo rủi ro kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng mục đích; bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

6. Trừng phạt tài chính mục tiêu, phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch đối với đối tượng bị chỉ định phải được thực hiện ngay, không chậm trễ, đúng căn cứ, đúng đối tượng, đúng phạm vi; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba ngay tình và người có quyền, lợi ích liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng pháp luật

1. Hoạt động phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trên lãnh thổ Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp luật khác ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có quy định khác về hoạt động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, kiểm soát, xử

lý hành vi phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà không trái với nguyên tắc của Luật này thì thực hiện theo quy định của luật đó.

3. Trường hợp luật khác ban hành sau ngày Luật này có hiệu lực thi hành cần quy định đặc thù về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khác với quy định của Luật này thì phải xác định cụ thể nội dung thực hiện hoặc không thực hiện theo quy định của Luật này, nội dung thực hiện theo quy định của luật đó.

4. Trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, bảo đảm đồng bộ với pháp luật có liên quan và phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Ưu tiên đầu tư, phát triển năng lực phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Phát triển nguồn nhân lực; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu, cảnh báo sớm phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Thực hiện quản lý theo rủi ro; áp dụng đồng bộ biện pháp kiểm soát hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ, tài chính và giao dịch có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân tuân thủ pháp luật, xây dựng hệ thống tuân thủ nội bộ, chủ động phòng ngừa, phát hiện, báo cáo và phối hợp xử lý rủi ro.

6. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, tập huấn, hợp tác quốc tế và hỗ trợ kỹ thuật trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

7. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân tham gia phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; khen thưởng tổ chức, cá nhân có thành tích theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hành vi bị nghiêm cấm

1. Nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chế tạo, mua, bán, tàng trữ, lưu giữ, sở hữu, sử dụng, vận chuyển, chuyển giao vũ khí hủy diệt hàng loạt, trừ trường hợp được phép theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và pháp luật có liên quan.

2. Cung cấp, huy động, chuyển giao, quản lý, sử dụng tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc cung cấp cho đối tượng chỉ định, vì lợi ích của đối tượng bị chỉ định.

3. Lợi dụng hoạt động kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học, công nghệ, đào tạo, hợp tác quốc tế, nhân đạo để phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Che giấu, giả mạo, cung cấp thông tin sai lệch, tiêu hủy trái pháp luật hồ sơ, chứng từ, dữ liệu nhằm trốn tránh biện pháp quản lý, kiểm soát theo quy định của Luật này.

5. Cản trở, chống đối, không chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra, giám sát, áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát, biện pháp ngăn chặn, trừng phạt tài chính mục tiêu, phong tỏa tài sản hoặc hạn chế giao dịch theo quy định của Luật này.

6. Tiết lộ trái pháp luật bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân, thông tin cảnh báo, thông tin điều tra, xác minh trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

7. Hành vi khác theo quy định của pháp luật hoặc điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

Điều 7. Hợp tác quốc tế

1. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

2. Nội dung hợp tác quốc tế gồm:

a) Trao đổi, chia sẻ thông tin phục vụ phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nguy cơ phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng năng lực quản lý, kiểm soát;

c) Phối hợp kiểm soát hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ, tài chính và giao dịch có liên quan;

d) Phối hợp xác minh, truy vết, phong tỏa, giải tỏa, xử lý tài sản, giao dịch liên quan đến đối tượng bị chỉ định;

đ) Thực hiện điều ước quốc tế và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan;

e) Nội dung hợp tác quốc tế khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

BIỆN PHÁP, CHÍNH SÁCH VỀ PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Mục 1

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ RỦI RO VÀ QUẢN LÝ, KIỂM SOÁT ĐẶC THÙ

Điều 8. Quản lý rủi ro quốc gia trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Việc quản lý rủi ro quốc gia được thực hiện trên cơ sở các yếu tố chủ yếu sau đây:

a) Chủ thể có liên quan, bao gồm tổ chức, cá nhân, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế, bên trung gian, bên môi giới, bên nhận ủy thác, bên đại diện;

b) Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ có liên quan;

c) Quốc gia, vùng lãnh thổ, địa bàn, tuyến vận chuyển, chuỗi cung ứng, chuỗi chuyển giao có liên quan;

d) Phương thức, hành vi, giao dịch, quan hệ giao dịch bất thường; người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;

d) Thông tin cảnh báo trong nước, quốc tế; kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm;

e) Yếu tố kỹ thuật khác phục vụ nhận diện, đánh giá rủi ro do Chính phủ quy định, nhưng không được sử dụng làm căn cứ độc lập để áp dụng biện pháp có nội dung hạn chế quyền ngoài quy định của Luật này.

2. Kết quả đánh giá rủi ro là căn cứ để xác định đối tượng, hoạt động thuộc diện kiểm soát; lựa chọn biện pháp quản lý, kiểm soát; thiết lập cơ chế cảnh báo, giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn và phản ứng phù hợp.

3. Phương pháp đánh giá, phân loại, cập nhật rủi ro; chế độ chia sẻ thông tin và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có liên quan do Chính phủ quy định.

Điều 9. Danh mục kiểm soát

1. Danh mục kiểm soát gồm: Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Danh mục kiểm soát được xây dựng trên cơ sở:

a) Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

b) Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan;

- c) Yêu cầu bảo vệ quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;
- d) Kết quả đánh giá rủi ro quốc gia và thực tiễn quản lý;
- đ) Pháp luật chuyên ngành có liên quan.

3. Danh mục kiểm soát được phân loại theo mức độ rủi ro để áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát phù hợp theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

4. Danh mục kiểm soát được rà soát, cập nhật định kỳ hoặc đột xuất trên cơ sở quy định tại khoản 2 Điều này và thông tin cảnh báo rủi ro trong nước, quốc tế.

5. Việc công bố, khai thác, sử dụng Danh mục kiểm soát phải bảo đảm minh bạch để cơ quan, tổ chức, cá nhân biết, thực hiện; trường hợp nội dung thuộc bí mật nhà nước, bí mật quốc phòng, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân hoặc thông tin nghiệp vụ thì được quản lý, khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

6. Danh mục kiểm soát, cơ chế cập nhật, công bố, khai thác, sử dụng danh mục do Chính phủ quy định.

Điều 10. Hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát

1. Hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát gồm: Xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh, trung chuyển, chuyển tải; nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chế tạo, lưu giữ, sử dụng, vận chuyển, tiêu hủy; chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ; giao dịch tài chính và hoạt động khác có liên quan.

2. Hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này thuộc diện quản lý, kiểm soát khi liên quan đến hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ thuộc danh mục kiểm soát hoặc tuy không thuộc danh mục kiểm soát nhưng có căn cứ cho thấy nguy cơ bị lợi dụng nhằm phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Tiêu chí xác định hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát và phân công cơ quan thực hiện do Chính phủ quy định.

Điều 11. Nguyên tắc, căn cứ áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù

1. Biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù được áp dụng khi có căn cứ xác định hoạt động, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ hoặc giao dịch có nguy cơ bị lợi dụng nhằm phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Việc áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù phải dựa trên kết quả đánh giá rủi ro; có căn cứ do Luật này quy định; bảo đảm cần thiết, hợp lý, tương xứng, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, đúng thời hạn và có khả năng kiểm tra, giám sát.

3. Biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù được lồng ghép với cơ chế quản lý của pháp luật chuyên ngành; không đặt ra cơ chế cấp phép, khai báo, báo cáo, kiểm

tra, thanh tra, giám sát trùng lặp đối với cùng một hoạt động, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ đã được pháp luật chuyên ngành điều chỉnh đầy đủ.

4. Tổ chức, cá nhân bị tác động bởi biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù có quyền khiếu nại, khởi kiện; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền rà soát, sửa đổi, hủy bỏ, giải tỏa hoặc chấm dứt biện pháp khi không còn căn cứ áp dụng.

Điều 12. Biện pháp quản lý, kiểm soát đối với hoạt động thuộc diện kiểm soát

1. Hoạt động thuộc diện kiểm soát được áp dụng một hoặc một số biện pháp quản lý, kiểm soát phù hợp với tính chất hoạt động, đối tượng quản lý, mức độ rủi ro và yêu cầu phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, gồm:

- a) Cấp phép, chấp thuận, xác nhận theo quy định của pháp luật chuyên ngành;
- b) Khai báo, báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi cần thiết để xác định, đánh giá, xử lý nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- c) Lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu có liên quan đến hoạt động thuộc diện kiểm soát;
- d) Xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng;
- đ) Áp dụng hệ thống tuân thủ nội bộ phù hợp với lĩnh vực, quy mô, mức độ rủi ro của tổ chức, cá nhân;
- e) Tạm dừng, từ chối, hạn chế hoạt động, giao dịch khi có căn cứ cụ thể theo quy định của Luật này;
- g) Biện pháp khác được quy định cụ thể tại Luật này.

2. Việc áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát phải bảo đảm đúng căn cứ, đúng đối tượng, tương xứng với mức độ rủi ro; không đặt ra thủ tục trùng lặp với pháp luật chuyên ngành, không làm phát sinh gánh nặng tuân thủ bất hợp lý đối với tổ chức, cá nhân.

3. Việc tạm dừng, từ chối, hạn chế hoạt động, giao dịch chỉ được áp dụng khi có một trong các căn cứ sau:

- a) Hoạt động, giao dịch có liên quan trực tiếp đến đối tượng bị chỉ định;
- b) Hoạt động, giao dịch có căn cứ xác thực cho thấy nguy cơ trực tiếp phục vụ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- c) Hoạt động, giao dịch có dấu hiệu che giấu người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng hoặc tuyên chuyển giao nhằm né tránh biện pháp kiểm soát theo quy định của Luật này;

d) Có yêu cầu thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc yêu cầu khẩn cấp về quốc phòng, an ninh theo quy định của Luật này.

4. Quyết định tạm dừng, từ chối, hạn chế hoạt động, giao dịch phải được lập bằng văn bản, xác định rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, thời hạn, trách nhiệm thực hiện, cơ chế rà soát và quyền khiếu nại, khởi kiện của tổ chức, cá nhân bị tác động. Trường hợp không còn căn cứ áp dụng thì phải chấm dứt ngay biện pháp; trường hợp áp dụng trái pháp luật gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

5. Biểu mẫu, phương thức tiếp nhận, xử lý thông tin, phân công cơ quan thực hiện, cơ chế miễn, giảm, đơn giản hóa thủ tục hoặc chế độ ưu tiên đối với hoạt động có mức độ rủi ro thấp do Chính phủ quy định.

Điều 13. Kiểm soát theo danh mục và ngoài danh mục

1. Hoạt động liên quan đến hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ thuộc danh mục kiểm soát được quản lý, kiểm soát theo quy định của Luật này, pháp luật chuyên ngành và điều ước quốc tế có liên quan.

2. Biện pháp kiểm soát ngoài danh mục chỉ được áp dụng khi có căn cứ rủi ro cụ thể, có khả năng kiểm chứng; không được áp dụng trên cơ sở suy đoán, cảnh báo không rõ nguồn gốc hoặc thông tin chưa được đánh giá, xác minh. Việc áp dụng biện pháp kiểm soát ngoài danh mục không làm phát sinh thủ tục cấp phép, điều kiện đầu tư, kinh doanh hoặc cơ chế quản lý độc lập nếu yêu cầu kiểm soát có thể được thực hiện thông qua thủ tục chuyên ngành hiện hành.

3. Căn cứ áp dụng biện pháp kiểm soát ngoài danh mục gồm một hoặc một số căn cứ sau:

- a) Thông tin, tài liệu do cơ quan có thẩm quyền thu thập, xác minh;
- b) Kết quả đánh giá rủi ro;
- c) Cảnh báo trong nước hoặc quốc tế có nguồn gốc rõ ràng;
- d) Yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc;

đ) Dấu hiệu về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, tuyến đường, giao dịch, bên thụ hưởng có liên quan đến phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Biện pháp kiểm soát ngoài danh mục không được áp dụng trên cơ sở suy đoán, cảnh báo không rõ nguồn gốc hoặc thông tin chưa được đánh giá, xác minh theo quy định của Luật này.

5. Quyết định áp dụng biện pháp kiểm soát ngoài danh mục phải được lập bằng văn bản, xác định rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, biện pháp, thời hạn áp dụng,

cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện và thời điểm rà soát; được thông báo cho tổ chức, cá nhân có liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác để bảo vệ bí mật nhà nước, quốc phòng, an ninh hoặc yêu cầu xử lý khẩn cấp.

6. Biện pháp kiểm soát ngoài danh mục phải được rà soát định kỳ hoặc khi có thông tin, tài liệu mới làm thay đổi căn cứ áp dụng. Trường hợp tiếp tục áp dụng thì phải có căn cứ rủi ro được cập nhật; trường hợp không còn căn cứ áp dụng thì phải sửa đổi, hủy bỏ hoặc chấm dứt ngay biện pháp kiểm soát.

7. Biểu mẫu, phương thức thông báo, cơ chế phối hợp trong áp dụng, rà soát, sửa đổi, hủy bỏ biện pháp kiểm soát theo danh mục và ngoài danh mục do Chính phủ quy định.

Điều 14. Kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thuộc diện kiểm soát có trách nhiệm cung cấp trung thực, đầy đủ, kịp thời thông tin về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng, tuyến đường vận chuyển, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế và thông tin khác có liên quan trực tiếp đến việc xác định nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Cơ quan có thẩm quyền được yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp, bổ sung, giải trình thông tin, tài liệu về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng đối với hoạt động thuộc diện kiểm soát hoặc trường hợp có căn cứ rủi ro cụ thể; không áp dụng đại trà đối với hoạt động hợp pháp, thông thường. Trước khi yêu cầu cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm rà soát, kế thừa, sử dụng thông tin, tài liệu đã có trong hồ sơ, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; chỉ yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp, bổ sung thông tin, tài liệu khi thông tin hiện có chưa đủ để xác định, đánh giá, xác minh, xử lý nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Việc tạm dừng hoạt động hoặc áp dụng biện pháp kiểm soát có khả năng hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân phải được lập thành văn bản, nêu rõ căn cứ, phạm vi, thời hạn, trách nhiệm thực hiện và cơ chế rà soát, khiếu nại, khởi kiện.

4. Việc kiểm soát người sử dụng cuối cùng và mục đích sử dụng cuối cùng phải dựa trên đánh giá rủi ro, không làm phát sinh nghĩa vụ trùng lặp với pháp luật chuyên ngành.

5. Biểu mẫu, tiêu chí xác định rủi ro, phân công cơ quan thực hiện và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể có liên quan do Chính phủ quy định.

Điều 15. Kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể

1. Chuyển giao công nghệ phi vật thể thuộc diện kiểm soát khi có căn cứ rủi ro cụ thể cho thấy việc chuyển giao có thể trực tiếp phục vụ nghiên cứu, thiết

kế, phát triển, sản xuất, chế tạo, vận hành, bảo dưỡng, sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc phương tiện mang vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Nội dung kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể gồm: Dữ liệu kỹ thuật, phần mềm, mã nguồn, bản vẽ, quy trình, bí quyết công nghệ, mô hình trí tuệ nhân tạo, hệ thống điện toán đám mây và hình thức truyền tải công nghệ qua môi trường số hoặc phương tiện điện tử có khả năng ứng dụng trực tiếp vào hoạt động quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể được thực hiện theo mức độ rủi ro, tính chất công nghệ, đối tượng tiếp nhận, mục đích sử dụng, phạm vi chuyển giao, phương thức truyền tải và khả năng bị lợi dụng để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

4. Không áp dụng cơ chế kiểm soát đặc thù đối với thông tin công khai, hoạt động nghiên cứu cơ bản, giảng dạy, trao đổi học thuật thông thường, giáo trình phổ thông, công bố khoa học hoặc chuyển giao tri thức hợp pháp, trừ trường hợp có căn cứ rủi ro cụ thể cho thấy việc chuyển giao có thể trực tiếp phục vụ hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Đối với dữ liệu kỹ thuật, phần mềm, bản vẽ, quy trình, bí quyết công nghệ thuộc bí mật nhà nước, bí mật quân sự thì việc quản lý, kiểm soát, chuyển giao, khai thác, sử dụng được thực hiện theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về quốc phòng, pháp luật có liên quan và quy định của Luật này.

6. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động chuyển giao công nghệ phi vật thể thuộc diện kiểm soát có trách nhiệm đánh giá mục đích sử dụng, đối tượng tiếp nhận, phạm vi chuyển giao; áp dụng biện pháp kiểm soát nội bộ phù hợp; cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong phạm vi cần thiết để xác định, đánh giá, xử lý nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

7. Việc tạm dừng, từ chối hoặc hạn chế chuyển giao công nghệ phi vật thể chỉ được thực hiện khi có căn cứ cụ thể theo quy định của Luật này; phải bảo đảm cần thiết, tương xứng với nguy cơ, đúng thẩm quyền, có thời hạn, được lập bằng văn bản và có cơ chế rà soát, khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.

8. Tiêu chí đánh giá rủi ro, phạm vi thông tin phải cung cấp, phương thức thực hiện và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể do Chính phủ quy định.

Điều 16. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp

1. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp chỉ được áp dụng khi có căn cứ xác thực, cụ thể xác định nguy cơ trực tiếp, hiện hữu và có khả năng xảy ra ngay về phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà nếu không áp

dụng ngay biện pháp ngăn chặn thì có thể gây thiệt hại nghiêm trọng đối với quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, trật tự, an toàn xã hội hoặc việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam.

2. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp gồm:

- a) Tạm dừng hoạt động, giao dịch có liên quan trực tiếp đến nguy cơ;
- b) Phong tỏa tài khoản nghi vấn theo quy định của pháp luật;
- c) Tạm giữ hàng hóa, tài liệu, phương tiện theo quy định của pháp luật;
- d) Yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trong phạm vi cần thiết để xử lý nguy cơ;
- đ) Cảnh báo, yêu cầu áp dụng biện pháp kiểm soát nội bộ;
- e) Biện pháp khác được quy định cụ thể tại Luật này.

3. Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp phải có quyết định bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp cần áp dụng ngay để ngăn chặn nguy cơ trực tiếp, hiện hữu. Quyết định phải nêu rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi, biện pháp, thời hạn, trách nhiệm thực hiện và cơ chế rà soát.

4. Trường hợp cần áp dụng ngay biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp, cơ quan có thẩm quyền phải ban hành quyết định bằng văn bản trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ thời điểm áp dụng biện pháp; người ra quyết định chịu trách nhiệm cá nhân về căn cứ, phạm vi, thời hạn và tính hợp pháp của biện pháp được áp dụng.

5. Việc tạm giữ hàng hóa, tài liệu, phương tiện phải đúng thẩm quyền, đúng thời hạn, có biên bản, được niêm phong, bảo quản theo quy định của pháp luật; trường hợp áp dụng trái pháp luật gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

6. Biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp phải được áp dụng trong thời hạn ngắn nhất cần thiết để xử lý nguy cơ; được rà soát, gia hạn, sửa đổi hoặc hủy bỏ khi không còn căn cứ áp dụng. Việc gia hạn phải được lập bằng văn bản, nêu rõ lý do, thời hạn gia hạn và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền.

7. Tổ chức, cá nhân bị tác động bởi biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp có quyền khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; trường hợp không còn căn cứ áp dụng thì cơ quan có thẩm quyền phải chấm dứt ngay biện pháp và khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng.

8. Biểu mẫu, cơ chế phối hợp và hậu kiểm trong áp dụng biện pháp ngăn chặn và phản ứng khẩn cấp do Chính phủ quy định.

Điều 17. Hệ thống tuân thủ nội bộ của tổ chức, doanh nghiệp

1. Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát có trách nhiệm xây dựng, áp dụng hệ thống tuân thủ nội bộ phù hợp với quy mô, lĩnh vực hoạt động, loại hình hàng hóa, công nghệ, dịch vụ và mức độ rủi ro.

2. Hệ thống tuân thủ nội bộ gồm:

- a) Chính sách, quy trình kiểm soát nội bộ;
- b) Cơ chế nhận diện, đánh giá, phân loại, quản lý rủi ro;
- c) Kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, bên thụ hưởng;
- d) Kiểm soát giao dịch, chuyển giao hàng hóa, công nghệ, dịch vụ;
- đ) Lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu, chế độ báo cáo;
- e) Đào tạo, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người lao động;
- g) Cơ chế phát hiện, báo cáo, xử lý vi phạm nội bộ.

3. Hệ thống tuân thủ nội bộ là căn cứ để đánh giá mức độ tuân thủ, phân loại rủi ro và xác định phương thức quản lý, kiểm soát phù hợp đối với tổ chức, doanh nghiệp.

4. Tiêu chí, nội dung, phương thức đánh giá hệ thống tuân thủ nội bộ đối với từng nhóm tổ chức, doanh nghiệp, lĩnh vực và mức độ rủi ro do Chính phủ quy định.

Điều 18. Đánh giá, công nhận và áp dụng chế độ ưu tiên đối với tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ

1. Tổ chức, doanh nghiệp có hệ thống tuân thủ nội bộ đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều 17 của Luật này, có lịch sử tuân thủ tốt thì được xem xét đánh giá, công nhận và áp dụng chế độ ưu tiên trong quản lý, kiểm soát hoạt động thuộc diện kiểm soát.

2. Việc đánh giá, công nhận chế độ ưu tiên được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, dựa trên mức độ tuân thủ, lịch sử chấp hành pháp luật, mức độ rủi ro của hoạt động và khả năng phòng ngừa, phát hiện, báo cáo, xử lý rủi ro.

3. Chế độ ưu tiên gồm: Giảm tần suất kiểm tra, giám sát; đơn giản hóa chế độ khai báo, báo cáo; ưu tiên xử lý hồ sơ, giao dịch; áp dụng cơ chế hậu kiểm phù hợp và biện pháp hỗ trợ tuân thủ khác theo quy định của Chính phủ.

4. Tổ chức, doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên có trách nhiệm duy trì điều kiện tuân thủ; cung cấp thông tin trung thực, đầy đủ, kịp thời; chịu kiểm tra, giám sát, hậu kiểm theo quy định của pháp luật; bị tạm đình chỉ, chấm dứt

hoặc hủy bỏ chế độ ưu tiên khi không còn đáp ứng điều kiện hoặc vi phạm quy định của Luật này.

5. Tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đánh giá, công nhận, duy trì, tạm đình chỉ, chấm dứt, hủy bỏ chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều này do Chính phủ quy định.

Điều 19. Nghĩa vụ tuân thủ của tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động thuộc diện kiểm soát hoặc giao dịch, hoạt động có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có trách nhiệm tuân thủ Luật này và pháp luật có liên quan; cung cấp đầy đủ, trung thực, kịp thời thông tin, tài liệu, dữ liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện chế độ khai báo, báo cáo, lưu giữ hồ sơ, chứng từ, dữ liệu theo quy định của pháp luật; áp dụng biện pháp kiểm soát nội bộ phù hợp với lĩnh vực hoạt động, mức độ rủi ro và yêu cầu quản lý.

3. Tổ chức, cá nhân phải chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra, giám sát, áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát, biện pháp ngăn chặn, phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật này; chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm.

4. Chế độ, thời hạn, phương thức thực hiện nghĩa vụ tuân thủ đối với từng nhóm chủ thể theo quy định của Luật này do Chính phủ quy định.

Mục 2

KIỂM SOÁT TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VÀ TRỪNG PHẠT TÀI CHÍNH MỤC TIÊU

Điều 20. Kiểm soát tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. T. iểm soát tài trợ. iểm soát tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạtn chế quyền có trách nhitài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng ro tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Luật này và pháp luật về phòng, chống rửa tiền; không cung cấp, huy động, chuyển giao, quản lý hoặc sử dụng tiền, tài sản, dịch vụ tài chính nhằm thực hiện hành vi phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này phải áp dụng biện pháp nhận biết khách hàng, xác minh thông tin về khách hàng, bên thụ hưởng; giám sát giao dịch; lưu giữ hồ sơ; báo cáo giao dịch đáng ngờ; áp dụng biện pháp tạm ngừng giao dịch, phong tỏa tài sản theo quy định của Luật này và pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

3. Khi phát hiện giao dịch, hành vi có dấu hiệu tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tổ chức, cá nhân phải báo cáo ngay cho cơ quan có thẩm quyền;

thực hiện tạm dừng giao dịch, phong tỏa tiền, tài sản theo quy định; phối hợp kiểm tra, xác minh, xử lý.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thuộc diện báo cáo; quy trình nhận diện, đánh giá rủi ro tài trợ phổ biến; chế độ báo cáo và phối hợp xử lý theo quy định tại Điều này do Chính phủ quy định.

Điều 21. Đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Chính phủ thống nhất quản lý việc đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp tổ chức đánh giá, cập nhật, khai thác, sử dụng kết quả đánh giá rủi ro.

2. Đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện định kỳ 05 năm một lần hoặc đột xuất khi phát sinh nguy cơ, phương thức, thủ đoạn mới, yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, yêu cầu thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc khuyến nghị của tổ chức quốc tế có liên quan.

3. Nội dung đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm:

a) Nguy cơ từ đối tượng bị chỉ định, tổ chức, cá nhân, bên thụ hưởng, chủ sở hữu hưởng lợi, chủ thể kiểm soát thực tế, bên trung gian, bên đại diện, bên nhận ủy thác;

b) Nguy cơ từ sản phẩm, dịch vụ tài chính, dịch vụ kinh tế, phương thức thanh toán, kênh phân phối, giao dịch xuyên biên giới, giao dịch điện tử, tài sản ảo hoặc hình thức chuyển giao giá trị khác theo quy định của pháp luật;

c) Nguy cơ từ quốc gia, vùng lãnh thổ, tuyến vận chuyển, lĩnh vực, ngành, nghề, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ có liên quan;

d) Nguy cơ từ việc che giấu, giả mạo thông tin khách hàng, bên thụ hưởng, mục đích giao dịch, nguồn gốc tài sản, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng;

đ) Mức độ dễ bị lợi dụng của tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan và tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

e) Hiệu quả của biện pháp phòng ngừa, phát hiện, báo cáo, tạm dừng giao dịch, phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch, chia sẻ thông tin và phối hợp xử lý.

4. Kết quả đánh giá rủi ro là căn cứ để xây dựng, cập nhật chính sách, biện pháp kiểm soát tài trợ phổ biến; áp dụng quản lý theo rủi ro; hướng dẫn tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghĩa vụ nhận diện, đánh giá, kiểm soát rủi ro; phục vụ

cảnh báo sớm, chia sẻ thông tin, phối hợp liên ngành, hợp tác quốc tế và áp dụng trừng phạt tài chính mục tiêu.

5. Phương pháp, tiêu chí, cơ chế phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong đánh giá, cập nhật, khai thác, sử dụng kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do Chính phủ quy định.

Điều 22. Giao dịch đáng ngờ liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Giao dịch đáng ngờ liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là giao dịch có căn cứ xác thực, thông tin, tài liệu hoặc dấu hiệu cụ thể cho thấy tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính được sử dụng hoặc có nguy cơ trực tiếp được sử dụng để thực hiện, hỗ trợ hoạt động phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Dấu hiệu giao dịch đáng ngờ được xác định trên cơ sở một hoặc một số nhóm dấu hiệu sau đây:

a) Khách hàng, bên thụ hưởng, người đại diện, người kiểm soát hoặc người có liên quan thuộc Danh sách đối tượng bị chỉ định, danh sách cảnh báo hoặc có dấu hiệu che giấu, giả mạo danh tính;

b) Giao dịch không phù hợp với hồ sơ khách hàng, mục đích kinh tế, lĩnh vực hoạt động, năng lực tài chính hoặc lịch sử giao dịch;

c) Giao dịch liên quan đến quốc gia, vùng lãnh thổ, tuyến vận chuyển, đối tác, hàng hóa, công nghệ, dịch vụ có nguy cơ cao về phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Giao dịch có dấu hiệu chia nhỏ, chuyển tiếp qua nhiều trung gian, sử dụng cấu trúc sở hữu, thanh toán hoặc bên thụ hưởng phức tạp nhằm che giấu nguồn gốc, mục đích hoặc người hưởng lợi cuối cùng;

đ) Giao dịch liên quan đến hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ thuộc danh mục kiểm soát hoặc có dấu hiệu kiểm soát ngoài danh mục;

e) Dấu hiệu cụ thể khác do Chính phủ quy định trên cơ sở các nhóm dấu hiệu quy định tại khoản này.

3. Việc báo cáo, tiếp nhận, phân tích, xử lý giao dịch đáng ngờ liên quan đến tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện theo Luật này, pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật có liên quan.

4. Phương thức báo cáo, cơ chế tiếp nhận, phân tích, xử lý, chia sẻ thông tin và phối hợp giữa các cơ quan có liên quan do Chính phủ quy định.

Điều 23. Danh sách đối tượng bị chỉ định

1. Danh sách đối tượng bị chỉ định là danh sách tổ chức, cá nhân bị áp dụng biện pháp trừng phạt tài chính mục tiêu, phong tỏa tài sản và biện pháp hạn chế giao dịch khác theo nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và quy định của Luật này.

2. Căn cứ đưa tổ chức, cá nhân vào Danh sách đối tượng bị chỉ định gồm:

a) Nghị quyết, quyết định, danh sách chỉ định của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc;

b) Yêu cầu thực hiện điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

c) Căn cứ xác định tổ chức, cá nhân thực hiện, hỗ trợ, tài trợ, chỉ đạo, kiểm soát hoặc hành động thay mặt, theo sự chỉ đạo, vì lợi ích của tổ chức, cá nhân có liên quan đến phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Căn cứ đưa tổ chức, cá nhân ra khỏi Danh sách đối tượng bị chỉ định gồm:

a) Quyết định đưa ra khỏi danh sách của cơ quan, tổ chức quốc tế có thẩm quyền;

b) Không còn căn cứ áp dụng biện pháp chỉ định;

c) Có nhầm lẫn về danh tính;

d) Tổ chức đã chấm dứt hoạt động, cá nhân đã chết;

đ) Trường hợp khác do Luật này hoặc điều ước quốc tế có liên quan quy định.

4. Việc đưa vào, đưa ra khỏi Danh sách đối tượng bị chỉ định phải được thực hiện bằng quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền; phải nêu rõ căn cứ, đối tượng, phạm vi biện pháp, thời điểm có hiệu lực, trách nhiệm thực hiện; được cập nhật, công bố kịp thời trong phạm vi cần thiết.

5. Danh sách đối tượng bị chỉ định phải được rà soát định kỳ hoặc đột xuất; tổ chức, cá nhân bị chỉ định có quyền kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện; bên thứ ba ngay tình được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

6. Phương thức cập nhật, công bố, rà soát Danh sách đối tượng bị chỉ định được quy định tại Luật này do Chính phủ quy định.

Điều 24. Phong tỏa tài sản và hạn chế giao dịch

1. Biện pháp phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch được áp dụng đối với tiền, tài sản, nguồn lực tài chính hoặc lợi ích kinh tế thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của đối tượng bị chỉ định; tổ chức, cá nhân hành động thay mặt, theo sự chỉ đạo hoặc vì lợi ích của đối tượng bị chỉ định.

2. Việc phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch chỉ được áp dụng đối với tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, lợi ích kinh tế thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát

trực tiếp hoặc gián tiếp của đối tượng bị chỉ định; tổ chức, cá nhân hành động thay mặt, theo sự chỉ đạo hoặc vì lợi ích của đối tượng bị chỉ định. Việc phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch không làm chuyển quyền sở hữu tài sản và không làm mất quyền, lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, người quản lý, bên thứ ba ngay tình, trừ phần quyền bị hạn chế theo quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

3. Căn cứ áp dụng biện pháp phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch gồm:

- a) Đối tượng thuộc Danh sách đối tượng bị chỉ định;
- b) Yêu cầu thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;
- c) Quyết định hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật này.

4. Cơ quan nhà nước, tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan và tổ chức, cá nhân khác có trách nhiệm thực hiện ngay, không chậm trễ biện pháp phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch khi có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Việc phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch phải đúng căn cứ, đúng đối tượng, đúng phạm vi, kịp thời, có khả năng rà soát; quyết định hoặc thông báo áp dụng phải xác định rõ đối tượng, tài sản, giao dịch bị áp dụng, thời điểm có hiệu lực, trách nhiệm thực hiện và cơ chế rà soát, khiếu nại, khởi kiện.

6. Việc phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch phải bảo đảm:

- a) Chỉ áp dụng trong phạm vi cần thiết để ngăn chặn nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;
- b) Không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba ngay tình;
- c) Được rà soát định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu, khi phát sinh thông tin mới hoặc khi có căn cứ cho rằng biện pháp không còn cần thiết;
- d) Được giải quyết khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7. Tài sản, giao dịch bị phong tỏa, hạn chế được giải tỏa toàn bộ hoặc một phần trong trường hợp không còn căn cứ áp dụng; có nhầm lẫn về danh tính; tài sản, giao dịch không thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của đối tượng bị chỉ định; cần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bên thứ ba ngay tình; hoặc thuộc trường hợp được phép sử dụng cho nhu cầu thiết yếu, y tế, giáo dục, pháp lý, nhân đạo theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

8. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm rà soát việc phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch định kỳ hoặc khi có yêu cầu, kiến nghị, thông tin mới; trường

hợp không còn căn cứ áp dụng thì phải chấm dứt ngay biện pháp, giải tỏa tài sản, giao dịch và khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng.

9. Biểu mẫu, phương thức thông báo, chế độ báo cáo, cơ chế phối hợp, trình tự rà soát, giải tỏa và cho phép sử dụng tài sản cho nhu cầu thiết yếu, y tế, giáo dục, pháp lý, nhân đạo trên cơ sở căn cứ, phạm vi, điều kiện và nguyên tắc do Chính phủ quy định.

Điều 25. Quyền của đối tượng bị chỉ định và bảo vệ bên thứ ba ngay tình

1. Đối tượng bị chỉ định có quyền được thông báo về việc bị chỉ định, phạm vi biện pháp áp dụng, trừ trường hợp việc thông báo ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, nghĩa vụ quốc tế hoặc bí mật nhà nước.

2. Đối tượng bị chỉ định có quyền kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu xem xét lại, sửa đổi, hủy bỏ quyết định chỉ định hoặc biện pháp phong tỏa, hạn chế giao dịch theo quy định của pháp luật.

3. Đối tượng bị chỉ định, người phụ thuộc hoặc bên có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan được đề nghị giải tỏa một phần tài sản để phục vụ nhu cầu thiết yếu, y tế, giáo dục, pháp lý, nhân đạo hoặc nghĩa vụ hợp pháp khác theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Bên thứ ba ngay tình, người có quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến tài sản, giao dịch bị phong tỏa, hạn chế có quyền cung cấp tài liệu chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của mình; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền rà soát, giải tỏa toàn bộ hoặc một phần tài sản, giao dịch; yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu biện pháp được áp dụng trái pháp luật.

5. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, trả lời kiến nghị, yêu cầu rà soát, giải tỏa trong thời hạn do Chính phủ quy định; trường hợp từ chối phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục kiến nghị, rà soát, giải tỏa tài sản, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng bị chỉ định, người có quyền, lợi ích liên quan và bên thứ ba ngay tình trên cơ sở quyền, căn cứ và điều kiện đã được quy định tại Luật này.

Điều 26. Trách nhiệm của tổ chức tài chính và tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan và tổ chức, cá nhân khác có trách nhiệm:

a) Rà soát khách hàng, bên thụ hưởng, giao dịch, tài sản để phát hiện đối tượng bị chỉ định hoặc giao dịch có dấu hiệu tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Phong tỏa ngay tiền, tài sản, nguồn lực tài chính thuộc sở hữu, kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của đối tượng bị chỉ định mà không cần thông báo trước;

c) Không cung cấp tiền, tài sản, nguồn lực tài chính, dịch vụ tài chính, dịch vụ kinh tế cho đối tượng bị chỉ định hoặc vì lợi ích của đối tượng bị chỉ định;

d) Tạm dừng, từ chối, chấm dứt giao dịch khi có căn cứ theo quy định của Luật này;

đ) Báo cáo kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền;

e) Không tiết lộ việc báo cáo, rà soát, áp dụng biện pháp kiểm soát cho đối tượng bị chỉ định hoặc người có liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

g) Xây dựng, thực hiện quy định nội bộ, đánh giá rủi ro và đào tạo nhân sự về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Việc nhận biết khách hàng, thu thập, cập nhật, xác minh thông tin, lưu giữ hồ sơ, báo cáo, kiểm soát nội bộ được thực hiện theo Luật này, pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật có liên quan.

4. Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm, quy trình, phương thức thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều này.

Mục 3 **THÔNG TIN, DỮ LIỆU, CẢNH BÁO SỚM** **VÀ PHỐI HỢP THỰC HIỆN**

Điều 27. Chia sẻ thông tin, dữ liệu và chế độ báo cáo

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm chia sẻ, trao đổi, cung cấp, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng thẩm quyền, đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thông tin, dữ liệu được chia sẻ gồm:

a) Thông tin về tổ chức, cá nhân có dấu hiệu liên quan đến phổ biến hoặc tài trợ cho phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Giao dịch tài chính, dòng tiền, tài sản có dấu hiệu liên quan;

c) Hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ và hoạt động có nguy cơ;

d) Danh sách đối tượng bị chỉ định, danh mục kiểm soát, thông tin cấp phép, khai báo, kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm;

đ) Cảnh báo từ tổ chức quốc tế, cơ quan nước ngoài, cơ quan trong nước;

e) Thông tin, dữ liệu khác phục vụ quản lý rủi ro, cảnh báo sớm và tổ chức thực hiện Luật này.

3. Việc chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phải bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân; không sử dụng thông tin, dữ liệu trái mục đích hoặc vượt quá phạm vi được phép.

4. Cơ quan nhà nước được yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu đã được báo cáo, cập nhật, chia sẻ hợp pháp trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước trong trường hợp cần xác minh, cập nhật hoặc pháp luật có quy định khác.

5. Nội dung, thời hạn, biểu mẫu, trách nhiệm chia sẻ thông tin, dữ liệu và chế độ báo cáo; cơ chế kết nối, sử dụng lại dữ liệu báo cáo giữa các cơ quan nhà nước; trách nhiệm cập nhật, bảo mật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt do Chính phủ quy định.

Điều 28. Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là hệ thống thông tin phục vụ quản lý nhà nước, kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan có liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia gồm:

- a) Dữ liệu về danh sách đối tượng bị chỉ định;
- b) Danh mục hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát;
- c) Thông tin cấp phép, khai báo, kiểm soát xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trung chuyển, chuyển tải, chuyển giao có dấu hiệu liên quan;
- d) Dữ liệu về giao dịch tài chính, tài sản có dấu hiệu liên quan;
- đ) Kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm;
- e) Dữ liệu cảnh báo rủi ro, phân tích xu hướng;
- g) Dữ liệu khác phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Việc quản lý, kết nối, cập nhật, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia phải bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

4. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, cập nhật, kết nối, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện do Chính phủ quy định.

Điều 29. Cơ chế cảnh báo sớm về nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cơ chế cảnh báo sớm được thiết lập nhằm phát hiện, nhận diện, phân tích, đánh giá và cảnh báo kịp thời nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Cơ chế cảnh báo sớm gồm:

- a) Thu thập, phân tích, đánh giá thông tin từ nguồn trong nước và quốc tế;

- b) Xây dựng tiêu chí, chỉ số nhận diện rủi ro;
- c) Phát hành cảnh báo đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;
- d) Thiết lập quy trình phản ứng nhanh khi phát hiện dấu hiệu vi phạm;
- d) Theo dõi, cập nhật, thu hồi cảnh báo khi không còn căn cứ.

3. Việc phát hành, cập nhật, thu hồi cảnh báo phải có căn cứ, đúng thẩm quyền, đúng phạm vi, đúng mục đích; không được sử dụng thông tin cảnh báo để áp dụng biện pháp hạn chế quyền ngoài căn cứ, điều kiện do Luật này quy định.

4. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục phát hành, cập nhật, thu hồi cảnh báo; cơ chế tiếp nhận, xử lý, phản hồi cảnh báo; phân công cơ quan thực hiện và trách nhiệm của các chủ thể có liên quan do Chính phủ quy định.

Điều 30. Cơ quan đầu mối quốc gia

1. Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt có trách nhiệm tham mưu, giúp Chính phủ chỉ đạo, điều phối, đôn đốc, theo dõi, tổng hợp tình hình, hướng dẫn tổ chức thực hiện pháp luật về công tác phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Cơ quan đầu mối quốc gia thực hiện chức năng điều phối, không làm thay, không thay thế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương và cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan đầu mối quốc gia được yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi có căn cứ, yêu cầu cụ thể; nội dung yêu cầu phải bằng văn bản, xác định rõ mục đích, phạm vi, loại thông tin, thời hạn cung cấp, trách nhiệm bảo mật, trừ trường hợp khẩn cấp theo quy định của Luật này.

4. Chính phủ quy định chi tiết nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế hoạt động và điều kiện bảo đảm hoạt động của Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 31. Cơ chế phối hợp liên ngành

1. Cơ chế phối hợp liên ngành được thiết lập nhằm bảo đảm chỉ đạo, điều hành thống nhất, kịp thời, hiệu quả trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, trách nhiệm, thời hạn và phương thức phối hợp.

2. Nội dung phối hợp liên ngành gồm:

- a) Trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu;
- b) Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm;
- c) Kiểm tra, thanh tra, giám sát;

- d) Thực hiện biện pháp quản lý, kiểm soát, trừng phạt tài chính mục tiêu;
- đ) Ứng phó tình huống khẩn cấp;
- e) Hợp tác quốc tế;
- g) Nội dung khác phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

3. Việc phối hợp liên ngành phải đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức có liên quan; bảo đảm kịp thời, thống nhất, hiệu quả; không trùng lặp, chồng chéo, không làm thay hoặc thay thế trách nhiệm quản lý nhà nước theo pháp luật chuyên ngành.

4. Việc chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt phải bảo đảm phân loại thông tin, phân quyền truy cập, sử dụng đúng mục đích, đúng phạm vi, đúng thẩm quyền; bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Cơ quan nhà nước được yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, hồ sơ, dữ liệu đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoặc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận, trong trường hợp cần cập nhật, xác minh hoặc có căn cứ rủi ro cụ thể.

6. Quy trình phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo, thời hạn xử lý, biểu mẫu, cơ chế phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp do Chính phủ quy định.

Điều 32. Cơ chế phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức tài chính, doanh nghiệp, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

2. Nội dung phối hợp gồm:

- a) Cung cấp, xác minh thông tin, tài liệu, dữ liệu;
- b) Tiếp nhận, xử lý, phản hồi cảnh báo;
- c) Thực hiện biện pháp quản lý, kiểm soát;
- d) Tham gia đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật;
- đ) Phối hợp phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm.

3. Việc phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan phải đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng phạm vi yêu cầu; bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

4. Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm, phương thức phối hợp, cơ chế tiếp nhận, xử lý thông tin và công tác bảo đảm thực hiện.

Chương III

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, KIỂM TRA, THANH TRA, GIÁM SÁT, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ BẢO ĐẢM NGUỒN LỰC

Điều 33. Quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm:

a) Ban hành, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch;

b) Tổ chức quản lý rủi ro, áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù, kiểm soát tài trợ phổ biến và trừng phạt tài chính mục tiêu;

c) Xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ chế cảnh báo sớm, cơ chế phối hợp liên ngành;

d) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực;

đ) Kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm;

e) Hợp tác quốc tế, thực hiện điều ước quốc tế và nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan;

g) Bảo đảm nguồn lực thực hiện Luật này.

3. Chính phủ quy định chi tiết việc phân công, phân cấp, phối hợp giữa bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan trong quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 34. Kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện và trách nhiệm giải trình

1. Việc kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện thường xuyên hoặc đột xuất, bảo đảm kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Nội dung kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá gồm:

- a) Việc chấp hành quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;
- b) Việc thực hiện biện pháp quản lý, kiểm soát, phòng ngừa, cảnh báo, ngăn chặn và xử lý vi phạm;
- c) Việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo, chia sẻ thông tin, cập nhật dữ liệu, bảo mật thông tin;
- d) Hiệu quả tổ chức thực hiện, mức độ đáp ứng yêu cầu quản lý rủi ro và trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện thuộc lĩnh vực quản lý; thực hiện chế độ báo cáo và cung cấp thông tin theo quy định.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm giải trình về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, nghĩa vụ được giao khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Việc kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình phải bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền, không trùng lặp, chồng chéo với hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát theo pháp luật có liên quan.

6. Chính phủ quy định chi tiết cơ chế kiểm tra, thanh tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện; chế độ báo cáo, trách nhiệm giải trình, xử lý kết quả kiểm tra, thanh tra, giám sát và phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện.

Điều 35. Chế tài xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này thì tùy tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Ngoài hình thức xử lý quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, bao gồm: Buộc chấm dứt hành vi vi phạm; buộc cung cấp, cải chính thông tin; buộc thu hồi, xử lý hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ, giao dịch có liên quan; buộc hoàn trả lợi ích bất hợp pháp; bồi thường thiệt hại và biện pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cản trở hoạt động hợp pháp, bao che vi phạm hoặc trục lợi thì tùy tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính

hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Việc xử lý vi phạm phải kịp thời, nghiêm minh, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục; bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân và bên thứ ba ngay tình.

Điều 36. Lực lượng, phương tiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Lực lượng phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm lực lượng nòng cốt, lực lượng chuyên trách và lực lượng rộng rãi.

2. Lực lượng nòng cốt là cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu, chỉ đạo, điều phối, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Lực lượng chuyên trách là cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ trực tiếp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, kiểm soát, xác minh, xử lý nguy cơ, hành vi phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Lực lượng rộng rãi là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thông qua việc tuân thủ pháp luật, cung cấp thông tin, báo cáo dấu hiệu rủi ro, phối hợp, hỗ trợ cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Việc phân công, phối hợp, huy động lực lượng, phương tiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt phải bảo đảm thống nhất, kịp thời, hiệu quả; không làm phát sinh tổ chức bộ máy, biên chế, đầu mối trung gian hoặc nhiệm vụ chồng chéo.

6. Phương tiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được trang bị, quản lý, sử dụng, điều động, huy động đúng mục đích, đúng thẩm quyền, phù hợp tiêu chuẩn, định mức, yêu cầu nhiệm vụ và khả năng ngân sách nhà nước; bảo đảm an toàn, bảo mật, tiết kiệm, hiệu quả.

7. Việc phân công, phối hợp, điều động, huy động lực lượng; quản lý, sử dụng, điều động, huy động phương tiện phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của Điều này do Chính phủ quy định.

Điều 37. Bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Nhà nước bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, gồm: Kinh phí, nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, đào tạo, bồi dưỡng và hợp tác quốc tế.

2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan; được huy động từ nguồn viện trợ, hỗ trợ kỹ thuật, tài trợ, đóng góp hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Việc quản lý, sử dụng nguồn lực phải đúng mục đích, hiệu quả, công khai, minh bạch, tiết kiệm, chống lãng phí và chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

4. Chính phủ quy định chi tiết cơ chế lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán, huy động, tiếp nhận, khai thác nguồn lực; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan trong bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Chế độ, chính sách đối với lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Người trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo phân công, điều động, huy động hoặc quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền được hưởng chế độ, chính sách phù hợp với tính chất, yêu cầu, mức độ nguy hiểm, độc hại, phức tạp, đột xuất, khẩn cấp của nhiệm vụ được giao.

2. Nhà nước bảo đảm điều kiện cần thiết để lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt thực hiện nhiệm vụ, bao gồm đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, trang thiết bị, phương tiện, hạ tầng kỹ thuật, thông tin, dữ liệu và điều kiện bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật.

3. Người trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà bị thương, bị bệnh, bị suy giảm sức khỏe, bị thiệt hại về tài sản hoặc hy sinh trong khi thực hiện nhiệm vụ thì bản thân hoặc thân nhân được hưởng chế độ, chính sách, hỗ trợ, bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm thì được xem xét hỗ trợ, bồi thường, khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

5. Việc thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Điều này phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng tính chất nhiệm vụ, công khai, minh bạch, không trùng lặp với chế độ, chính sách đã được pháp luật chuyên ngành quy định.

6. Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, điều kiện, chế độ, chính sách, nguồn kinh phí, trình tự, thủ tục và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện Điều này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Chính phủ tổ chức thi hành Luật này; ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Luật này để bảo đảm thực hiện thống nhất hoạt động phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 40. Quy định chuyển tiếp

1. Giấy phép, chấp thuận, quyết định, văn bản xác nhận và hoạt động đang được thực hiện hợp pháp trước ngày Luật này có hiệu lực thì tiếp tục được thực hiện đến hết thời hạn, trừ trường hợp phải áp dụng biện pháp theo quy định của Luật này để phòng, chống nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.
2. Trường hợp cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, chuyển đổi hoặc áp dụng bổ sung biện pháp theo quy định của Luật này thì việc thực hiện phải bảo đảm không làm gián đoạn hoạt động hợp pháp và không tạo gánh nặng tuân thủ bất hợp lý cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.
3. Chính phủ quy định chi tiết việc xử lý chuyển tiếp đối với từng nhóm hoạt động, giấy phép, thủ tục, cơ chế phối hợp và phân công cơ quan thực hiện.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG
Ngày ký: 17-03-2026
16:33:51 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *1661* /BC-BQP

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

**Tổng kết thi hành pháp luật về phòng, chống phổ biến
vũ khí hủy diệt hàng loạt từ năm 2019 đến năm 2025**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Quyết định số 432/QĐ-TTg ngày 27/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD), Bộ Quốc phòng đã tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 81/2019/NĐ-CP từ năm 2019 đến năm 2025 (sau đây viết gọn là Nghị định số 81/2019/NĐ-CP) và kiến nghị xây dựng Luật về phòng, chống phổ biến WMD, như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Giai đoạn 2019-2025 thế giới có những biến động lớn như: Đại dịch Covid-19, xung đột vũ trang Nga-Ukraine, Israel-Hamas, căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên... với nhiều diễn biến phức tạp, khó lường tác động mạnh mẽ và sâu sắc đến tình hình an ninh chính trị thế giới. Cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, WMD đã trở thành con bài chính trị, vũ khí răn đe của nhiều quốc gia. Trong bối cảnh các cơ chế kiểm soát WMD bị suy yếu do mâu thuẫn chính trị giữa các quốc gia ngày càng sâu sắc, một số quốc gia tiếp tục tìm cách sở hữu, nghiên cứu, phát triển, hiện đại hoá vũ khí hạt nhân; các tổ chức khủng bố vẫn luôn tìm cách tiếp cận, sở hữu các loại WMD bằng nhiều cách thức, thủ đoạn tinh vi. Các hoạt động liên quan đến phổ biến WMD tiếp tục diễn ra phức tạp với nhiều hình thức khác nhau trên thế giới. Đặc biệt là những thành tựu khoa học, công nghệ trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư như: Trí tuệ nhân tạo, robot thông minh, công nghệ điện toán đám mây, vật liệu tiên tiến, công nghệ in 3D, công nghệ gen thế hệ mới, công nghệ sinh học tổng hợp... đang tạo ra những thách thức mới trong phòng, chống phổ biến WMD. Các hoạt động tài trợ phổ biến WMD cũng đang ngày càng trở nên tinh vi hơn thông qua sự phát triển của công nghệ tiền kỹ thuật số (Bitcoin, Ethereum...), ví điện tử.

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương có vị trí trọng yếu trên thế giới, tiếp tục là động lực quan trọng của kinh tế toàn cầu, song luôn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định do cạnh tranh chiến lược, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên. Tình hình khu vực ASEAN cơ bản ổn định, nhưng tiềm ẩn nhiều nguy cơ phức tạp,

nhất là xung quanh vấn đề Myanmar, Biển Đông với nhiều diễn biến phức tạp, khó lường, đe dọa nghiêm trọng đến hoà bình, ổn định trong khu vực.

Trong nước, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định, kinh tế giữ được đà tăng trưởng; quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường, chủ quyền quốc gia được giữ vững. Việt Nam luôn nhất quán đường lối không phổ biến WMD; tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia khác, bảo đảm công khai, minh bạch trong việc sử dụng các vật liệu hạt nhân, tác nhân sinh học, hóa học vì mục đích hòa bình; luôn tạo điều kiện phát triển các sáng kiến nhằm ngăn chặn việc nghiên cứu, phát triển, sản xuất, tàng trữ và sử dụng WMD và nghiêm cấm mọi hành vi phổ biến và tài trợ phổ biến WMD.

Tuy nhiên, cùng với sự hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, Việt Nam cũng đứng trước những nguy cơ bị các nhân tố nhà nước, phi nhà nước lợi dụng để tiến hành các hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến WMD. Mặt khác, các thế lực thù địch, phản động vẫn đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc chống phá Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang, phá hoại môi đại đoàn kết quân tộc; không loại trừ khả năng các thế lực thù địch, phản động âm mưu sử dụng WMD nhằm khủng bố, vu cáo Việt Nam tàng trữ, sử dụng WMD, tạo cơ can thiệp quân sự vào Việt Nam.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 81/2019/NĐ-CP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai

Ngày 27/3/2020 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 432/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 81/2019/NĐ-CP (Quyết định số 432/QĐ-TTg), trong đó giao các bộ, ngành, địa phương tuyên truyền, phổ biến nội dung của Nghị định và các thông tin, văn bản có liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến WMD, hoạt động phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến WMD; rà soát, đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm phù hợp, thống nhất với Nghị định; nâng cao năng lực cho các cơ quan, đơn vị, lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống phổ biến WMD. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản, kế hoạch để thực hiện các quy định pháp luật có liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD như: Quyết định số 828/QĐ-TTg ngày 31/5/2021 ban hành Đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến WMD; Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 05/8/2022 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến WMD giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 23/2/2024 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến WMD. Ngoài ra, ngày 10/9/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1494/QĐ-

TTg phê duyệt Chương trình “Nâng cao năng lực hệ thống y học dự phòng Quân đội”, trong đó giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng liên quan đến phòng, chống vũ khí sinh học.

Trên cơ sở kế hoạch do Thủ tướng Chính phủ ban hành, các bộ, ngành, địa phương đã có những kế hoạch cụ thể triển khai có hiệu quả các hoạt động phòng, chống phổ biến WMD như tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức của người dân về phòng, chống phổ biến WMD, xây dựng kế hoạch ngăn chặn hoạt động phổ biến WMD; phương án ứng phó, khắc phục hậu quả của việc phổ biến WMD trong huấn luyện và diễn tập ở các cấp.

Bộ Quốc phòng - Cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đã ban hành nhiều văn bản, công văn hướng dẫn các đơn vị đầu mối, các bộ, ngành thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD; ban hành các văn bản quy định về tổ chức và hoạt động của Cơ quan đầu mối quốc gia, Cơ quan thường trực của Cơ quan đầu mối quốc gia (Cơ quan thường trực 81); quy định về nhiệm vụ của các lực lượng chức năng, chuyên môn tham gia phòng, chống phổ biến WMD; ban hành hướng dẫn về mặt chuyên môn, nghiệp vụ trong phòng, chống phổ biến WMD làm căn cứ xử lý tình huống liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến WMD; hướng dẫn các Đơn vị đầu mối về phòng, chống phổ biến WMD thực hiện chế độ trao đổi thông tin, báo cáo định kỳ; đến nay, công tác báo cáo đã đi vào nề nếp.

Việc ban hành kế hoạch và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo kịp thời triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD đã giúp cho hoạt động quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến WMD có hiệu lực, hiệu quả, các quy định pháp luật đi vào thực tiễn cuộc sống, nâng cao ý thức của người dân, doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước đối với hoạt động phòng, chống phổ biến WMD.

2. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến

Thực hiện các quy định của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật, Luật Tiếp cận thông tin và nhằm nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức và người dân trong hoạt động phòng, chống phổ biến WMD cũng như bảo đảm công dân có quyền được thông tin về pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực này trong những năm qua đạt được kết quả sau:

Bộ Quốc phòng đã chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tổ chức các hội nghị quán triệt, phổ biến các quy định pháp luật trong lĩnh vực này đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cho cán bộ, công chức của các cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động phòng, chống phổ biến WMD như lĩnh vực hoạt động quản lý nhà nước về hạt nhân, phóng xạ, sinh học và hóa học. Bên cạnh

đó, hằng năm, Bộ Quốc phòng cũng tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu, chuyên đề về công tác phòng, chống phổ biến WMD. Bộ Quốc phòng đã ban hành Quyết định số 3511/QĐ-BQP ngày 06/10/2021 phê duyệt Đề án “Tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến WMD giai đoạn 2021-2025”; đưa nội dung Nghị định số 81/2019/NĐ-CP vào chương trình giáo dục chính trị cho các đối tượng trong toàn quân và lực lượng dân quân tự vệ; thiết lập, duy trì và quản lý có hiệu quả hoạt động các trang thông tin về phòng, chống phổ biến WMD trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng và Cơ quan thường trực 81, cung cấp các tiện ích tra cứu thông tin, văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng, phát hành nhiều phim tài liệu liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD; đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền về phòng, chống phổ biến WMD trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Các bộ, ngành địa phương thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD bằng nhiều hình thức như tổ chức hội thảo phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố, tình huống về WMD; đưa các nội dung phòng, chống phổ biến WMD vào các chương trình giáo dục quốc phòng; quán triệt các điều ước quốc tế, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về phòng, chống phổ biến WMD; tạo điều kiện cho công chức của bộ, ngành tham gia đầy đủ các hội nghị phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng do Bộ Quốc phòng tổ chức. Ngoài ra, các bộ, ngành quản lý về tài chính, tín dụng cũng chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến cho các đối tượng là tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành nghề phi tài chính có liên quan trong công tác phòng, chống tài trợ phổ biến WMD. Các hoạt động thông tin, tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cơ quan, cán bộ, nhân dân về WMD và hoạt động phòng, chống phổ biến WMD.

3. Công tác tham mưu hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản liên quan

Để hướng dẫn thực hiện các quy định của các luật có liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD như Luật Phòng, chống rửa tiền, Nghị định số 81/2019/NĐ-CP, thực hiện các điều ước quốc tế có liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD mà Việt Nam là thành viên, Cơ quan đầu mối quốc gia đã phối hợp với các bộ, ngành xây dựng, ban hành theo thẩm quyền, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các nghị định, thông tư hướng dẫn chi tiết, cụ thể:

Bộ Quốc phòng đã tham mưu Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; ngày 05/8/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 218/2025/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc

phòng, cơ yếu trong đó bổ sung quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến WMD. Đồng thời, Bộ Quốc phòng đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành như: Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Phòng, chống phổ biến WMD trình các cấp thẩm quyền theo quy định.

Bộ Công an đã ban hành Thông tư số 38/2021/TT-BCA ngày 09/4/2021 quy định cơ quan, đơn vị trong Công an nhân dân thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố trong đó bổ sung nhiệm vụ phòng, chống phổ biến WMD vào chức năng, nhiệm vụ của lực lượng phòng, chống khủng bố; tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quan hệ phối hợp của Ban chỉ đạo phòng, chống khủng bố các cấp; tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định số 93/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 quy định về tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý đối với tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; xác lập danh sách tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2024.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền, trong đó có các quy định về áp dụng biện pháp tri hoãn giao dịch liên quan đến tài trợ phổ biến WMD, đối tượng báo cáo áp dụng các biện pháp tri hoãn giao dịch và thông báo đến Cơ quan đầu mối, đơn vị đầu mối thực hiện phòng, chống phổ biến WMD khi có căn cứ đề nghị ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan đến giao dịch thuộc Danh sách đen. Để bổ sung các chế tài hành chính, cụ thể hóa các biện pháp xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi bị cấm liên quan đến tài trợ phổ biến WMD, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 340/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng; trong đó, đã bổ sung một số quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống phổ biến WMD. Ngoài ra, việc kiểm soát quy trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán hoặc bất kỳ phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt dùng chấp nhận thanh toán hàng hóa, dịch vụ tài trợ phổ biến WMD cũng được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại Thông tư 15/2024/TT-NHNN quy định về cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

Bộ Công Thương đã xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định 33/2024/NĐ-CP quy định về thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng

trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học (CWC). Nghị định này là công cụ pháp lý hữu hiệu để Việt Nam thực thi CWC, thể hiện nỗ lực của Việt Nam trong việc hoàn thành nghĩa vụ quốc gia, quản lý và khai báo việc xuất, nhập khẩu hóa chất bảng và tình hình sản xuất hóa chất hữu cơ riêng biệt DOC, DOC-PSF, khẳng định quyết tâm của Việt Nam trong việc thực hiện các công ước liên quan đến WMD mà Việt Nam là thành viên.

Về hình sự hóa tội phạm về phòng, chống phổ biến WMD, Bộ Quốc phòng đã kiến nghị với Bộ Công an bổ sung 02 tội danh, gồm tội phổ biến và tội tài trợ phổ biến WMD vào nội dung sửa đổi, bổ sung Bộ luật Hình sự.

Các quy định pháp luật này đã góp phần tăng cường công tác giám sát tuân thủ việc thực hiện nghĩa vụ về chống tài trợ phổ biến WMD, tăng tính hiệu lực, hiệu quả cho công tác phòng, chống phổ biến WMD.

4. Công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương

Thực hiện các quy định pháp luật về trách nhiệm phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong hoạt động phòng, chống phổ biến WMD, Bộ Quốc phòng đã xây dựng, tổ chức đưa vào hoạt động Trang thông tin điện tử về phòng, chống phổ biến WMD và đường dây nóng kết nối với Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Đơn vị đầu mối để trao đổi và cung cấp thông tin liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD; phối hợp với Bộ Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức xác minh xác tài sản, tiền khi có nghi ngờ vi phạm nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Đồng thời, Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc các bộ, ngành có liên quan ký kết nhiều quy chế, chương trình phối hợp, như: Quy chế phối hợp số 4707/QCPH-CQTTGSNH-BDBP ngày 19/10/2023 giữa Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng và Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng; Chương trình phối hợp số 8102/CTr-BCHH-ANND ngày 05/12/2023 giữa Binh chủng Hoá học và Cục An ninh nội địa. Bộ Quốc phòng đã trình Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định ban hành Quy chế phối hợp trong đấu tranh, ngăn chặn hoạt động trốn tránh các biện pháp trừng phạt tài chính mục tiêu liên quan đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (Tờ trình số 7027/TTr-BQP ngày 05/11/2025).

Bên cạnh đó, Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo Cơ quan thường trực 81 thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các đơn vị của các bộ, ngành hữu quan như: Vụ các Tổ chức quốc tế (Bộ Ngoại giao); Cục Hóa chất, Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương); Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ); Cục Hải quan (Bộ Tài chính); Cục Y tế dự phòng (Bộ Y tế), Cục Phòng, chống rửa tiền (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) để triển khai thực hiện các điều ước quốc tế về phòng, chống phổ biến WMD và tổ chức, trao đổi, cung cấp thông tin,

nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện, ứng phó các nguy cơ sự cố hóa học, sinh học, bức xạ và hạt nhân (CBRN), nghiên cứu hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD.

Các bộ, ngành, địa phương cũng đã thực hiện tốt cơ chế phối hợp ngoài việc trao đổi và cung cấp thông tin, còn phối hợp thực hiện kiểm tra, giám sát các tổ chức, trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD. Bộ Ngoại giao đã phối hợp, cung cấp và trao đổi thông tin nhằm thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD với Bộ Quốc phòng qua nhiều cách thức như: Thông qua các cơ chế liên ngành, đặc biệt là trong thời gian Việt Nam đảm nhiệm vai trò ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2020-2021 và thành viên Hội đồng Thống đốc Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) nhiệm kỳ 2021-2023; phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng và các cơ quan liên quan trong quá trình xác minh các vụ việc khi có nghi ngờ vi phạm các quy định về phòng, chống phổ biến WMD theo các nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; thường xuyên theo dõi, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham gia các diễn đàn, cơ chế phòng, chống phổ biến WMD. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng đã chỉ đạo Cục Phòng, chống rửa tiền ký Bản ghi nhớ (MOU) về trao đổi thông tin với Văn phòng Interpool Việt Nam, Cục Đối ngoại, (Bộ Công an), Cục Thuế (Bộ Tài chính). Chính quyền các địa phương trong phạm vi, chức năng nhiệm vụ được giao đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành liên quan trong việc thực hiện các hoạt động như tiếp nhận thông tin, cung cấp thông tin và thông báo các cơ quan chức năng khi có sự việc nghi ngờ liên quan đến phổ biến WMD, phối hợp thực hiện các cuộc thanh tra, kiểm tra liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD.

5. Công tác nâng cao năng lực cho lực lượng chuyên môn

Thực hiện trách nhiệm quy định tại Nghị định số 81/2019/NĐ-CP về việc Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, các cơ quan, tổ chức có liên quan ban hành và tổ chức thực hiện quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác phòng, chống phổ biến WMD; xây dựng chương trình, tổ chức huấn luyện, diễn tập ứng phó với các tình huống phổ biến WMD, Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo Cơ quan thường trực 81 phối hợp với các cơ quan của các bộ, ngành địa phương liên quan tổ chức các hoạt động tập huấn, huấn luyện nhằm nâng cao năng lực của các lực lượng chuyên môn, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trong giám sát, nhận diện, đấu tranh, xử lý, ứng phó WMD và thực hiện hoạt động phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến WMD. Qua đó, đã cung cấp kiến thức thực tế về các mối đe dọa liên quan đến WMD từ các thực thể phi nhà nước, các tổ chức khủng bố nhằm mục đích nâng cao nhận thức và năng lực cho các Đơn vị đầu mối trong nhận diện, ngăn chặn, xử lý hàng hóa, vật liệu liên

quan đến việc nghiên cứu, phát triển và sản xuất các loại vũ khí sinh học, hóa học, phóng xạ và hạt nhân; cung cấp cho lực lượng thực thi pháp luật, người làm công tác quản lý tài chính kiến thức, kinh nghiệm và phương pháp điều tra cần thiết để có thể phát hiện, xử lý, ngăn chặn hoạt động tài trợ phổ biến WMD, các hoạt động trốn tránh các lệnh trừng phạt của Hội đồng bảo an Liên hợp quốc về phòng, chống phổ biến WMD tại Việt Nam và kiến nghị Cơ quan đầu mối quốc gia đưa vào danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định.

Hàng năm, Cơ quan đầu mối quốc gia đã chỉ đạo tổ chức huấn luyện, tập huấn, diễn tập cho các lực lượng ứng phó tình huống phổ biến WMD, qua đó nâng cao năng lực tham mưu của các cơ quan chuyên môn; nâng cao năng lực chỉ đạo, tổ chức chỉ huy điều hành, phối hợp, hiệp đồng và kỹ năng thực hành của các lực lượng chuyên môn trong phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý, ứng phó, khắc phục hậu quả của hoạt động phổ biến, tài trợ phổ biến WMD, giảm thiểu rủi ro hoặc tác nhân nguy hiểm.

Bộ Công an đã chủ trì phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế tổ chức diễn tập phương án cấp cứu nạn nhân vụ khủng bố bằng chất phóng xạ phục vụ bảo đảm an ninh, an toàn Đại hội Đảng toàn quốc lần XIII năm 2021. Bộ Giao thông vận tải đã phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và các bộ, ngành, địa phương xây dựng, huấn luyện, diễn tập, tổ chức thực hiện các phương án phòng, chống phổ biến WMD trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa và các phương tiện giao thông công cộng khác cho các lực lượng chuyên môn. Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức các đợt tập huấn cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến phòng ngừa, ứng phó nguy cơ sự cố, khủng bố CBRN và bảo đảm an toàn và an ninh hạt nhân. Cục Hải quan/Bộ Tài chính đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra hải quan, kiểm tra hồ sơ hải quan, các chứng từ, tài liệu liên quan và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải hàng hóa lưỡng dụng, cũng như công tác kiểm soát hải quan về tuần tra, điều tra, xác minh để phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa lưỡng dụng có thể sử dụng để nghiên cứu, phát triển, sản xuất WMD. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã xây dựng chương trình đào tạo, tập huấn chuyên sâu nâng cao nhận thức của các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng báo cáo của Luật Phòng, chống rửa tiền có các phương pháp xử lý các tình huống tài trợ phổ biến WMD. Bộ Ngoại giao đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia các khóa tập huấn, diễn tập nhằm nâng cao năng lực và nhận thức về phòng, chống phổ biến WMD.

Ngoài ra, nhiều địa phương đã tổ chức tập huấn nhằm nâng cao hiểu biết về các quy định pháp luật liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến WMD cho lực lượng vũ trang, cán bộ, công chức của các sở ban ngành; tập huấn về các nguy cơ, phương pháp xử lý và tổ chức diễn tập các tình huống liên quan đến hóa

chất độc, sinh học, phóng xạ cho các đối tượng chuyên môn trong lực lượng vũ trang. Từ đó nâng cao năng lực cho các lực lượng, kịp thời phát hiện, xử trí các hoạt động bất hợp pháp có thể dẫn đến hoạt động phổ biến WMD.

6. Công tác hợp tác quốc tế

Để thực hiện các quy định pháp luật về hợp tác quốc tế trong phòng, chống phổ biến WMD, trong thời gian qua, các bộ, ngành đã hợp tác với các tổ chức quốc tế, tổ chức, cơ quan nước ngoài trong lĩnh vực kiểm soát xuất khẩu, kiểm soát biên giới, phòng chống khủng bố, ứng phó sự cố liên quan đến WMD và các tác nhân CBRN. Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo Cơ quan thường trực 81 tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế theo hướng tiếp tục hợp tác với các đối tác truyền thống, đồng thời đa dạng hóa các đối tác, mở rộng nội dung hợp tác nhằm trao đổi, chuyển giao thông tin, kinh nghiệm và tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế, các mô hình có tính hiệu quả trong phòng, chống phổ biến WMD. Trong các hoạt động hợp tác quốc tế, các bộ, ngành, địa phương đều tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình, thủ tục, phương thức hợp tác quốc tế về phòng, chống phổ biến WMD theo theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế giữa Việt Nam với nước ngoài và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trong thời gian qua, Cơ quan thường trực 81 đã phối hợp với các cơ quan như Cục Hải quan (Bộ Tài chính), Cục An toàn bức xạ và hạt nhân (Bộ Khoa học và Công nghệ), Cục An ninh nội địa (Bộ Công an) hợp tác với các tổ chức nước ngoài trong Chương trình Kiểm soát xuất khẩu và An ninh biên giới (EXHS) của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Chương trình Kiểm soát xuất khẩu hàng hóa lưỡng dụng của Liên minh Châu Âu (EU 2P2), Văn phòng Liên hợp quốc về giải trừ quân bị (UNODA) tổ chức nhiều cuộc tập huấn, hội thảo tại Việt Nam qua hoạt động trao đổi, chuyển giao, cung cấp thông tin, hỗ trợ kỹ thuật để hoàn thiện khung pháp luật toàn diện và thực thi hiệu quả hoạt động phòng, chống phổ biến WMD.

Trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố có liên quan đến WMD, Bộ Công an, đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài ngành tổ chức 03 hội thảo về rửa tiền, tài trợ khủng bố; tham gia 03 dự án của INTERPOL liên quan đến WMD, qua đó nâng cao năng lực về hợp tác quốc tế phòng, chống tội phạm khủng bố bằng việc sử dụng vũ khí hạt nhân, vũ khí sinh học, vũ khí hóa học; phối hợp với INTERPOL và các quốc gia thành viên trong chia sẻ thông tin, đấu tranh phòng, chống tội phạm sử dụng WMD để khủng bố.

Về lĩnh vực năng lượng nguyên tử liên quan đến WMD, Bộ Khoa học và Công nghệ đã hợp tác với IAEA, Sáng kiến CBRN của EU, Bộ Năng lượng Hoa Kỳ (DOE) để triển khai các hoạt động nhằm nâng cao nhận thức, năng lực xử lý; trao đổi, chuyển giao thông tin, đẩy mạnh việc thực thi các cam kết quốc tế của

Việt Nam; hoàn thiện quy định pháp luật trong lĩnh vực bảo đảm an ninh, an toàn phóng xạ, hạt nhân và phòng ngừa, phát hiện, chuẩn bị và ứng phó với các nguy cơ, sự cố về phóng xạ, hạt nhân có liên quan đến WMD.

Về lĩnh vực kiểm soát xuất khẩu và kiểm soát biên giới, Cục Hải quan (Bộ Tài chính) đã tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế với các đối tác như Chương trình EXBS, Chương trình cảng lớn (Megaport), Chương trình phòng chống ma túy quốc tế (INL), EU 2P2, IAEA và Cơ quan phòng chống tội phạm và ma túy của Liên hợp quốc (UNODC) và tiếp nhận tài trợ từ các tổ chức này các trang thiết bị phát hiện chất phóng xạ, thiết bị đào tạo nhận diện hàng hóa lưỡng dụng và cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn nhằm tăng cường và nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống phổ biến WMD trong ngành hải quan; tham gia các chiến dịch, chương trình, dự án chuyên đề như Chiến dịch chống buôn bán trái phép các chất hóa học, sinh học, phóng xạ, hạt nhân và hàng hóa lưỡng dụng (Chiến dịch Cosmo) do Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO) tổ chức; Dự án Geiger về phòng, chống khủng bố và sử dụng vật liệu phóng xạ, hạt nhân khu vực Đông Nam Á.

Liên quan đến thực thi Công ước vũ khí sinh học, Bộ Y tế đã hợp tác, phối hợp với Văn phòng thực thi Công ước Vũ khí sinh học (BWC) của Liên hợp quốc tổ chức hội thảo về vũ khí sinh học tại Việt Nam lần thứ nhất, qua đó cung cấp, trao đổi, thảo luận, chuyển giao các thông tin, kinh nghiệm và khả năng hợp tác giữa các bên về thực hiện các quy định của công ước và nội luật hóa đầy đủ công ước này ở Việt Nam này trong thời gian tới.

Về hợp tác phòng, chống tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến WMD, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chỉ đạo Cục Phòng, chống rửa tiền phối hợp với các quốc gia và tổ chức quốc tế như: Cơ quan Phòng, chống tội phạm và ma túy của Liên hợp quốc (UNODC), Ngân hàng thế giới (WB), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Bộ Tài chính Hoa Kỳ, Văn phòng Tổng Chương lý Úc triển khai hiệu quả nhiều hoạt động về phòng, chống tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến WMD tại Việt Nam.

Trong hoạt động thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD, Bộ Ngoại giao thường xuyên có hoạt động hợp tác quốc tế với các quốc gia, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ để tiếp nhận, cung cấp, chuyển giao và phối hợp xác minh thông tin về các trường hợp tổ chức, cá nhân bị nghi ngờ vi phạm các quy định về phòng, chống phổ biến WMD. Bên cạnh đó, Bộ Ngoại giao cũng đã tham gia các hoạt động đối ngoại, các diễn đàn quốc tế nhằm thông tin, đề cao chủ trương, lập trường của Việt Nam về phòng, chống phổ biến WMD, đồng thời đóng góp vào các nỗ lực chung nhằm phòng, chống phổ biến WMD trong khuôn khổ Liên hợp quốc (Ủy ban về giải trừ quân bị và An ninh quốc tế, Ủy ban giải trừ quân bị, Hội nghị giải trừ quân bị), Hội

ngợi các điều ước quốc tế về WMD mà Việt Nam là thành viên, ASEAN, IAEA và các diễn đàn, cơ chế khác như Sáng kiến chống phổ biến (PSI), Hội nghị quan chức cấp cao Châu Á về không phổ biến vũ khí hạt nhân (ASTOP). Ngoài ra, Bộ Ngoại giao cũng tiến hành tiếp xúc song phương, trao đổi với các đối tác quan trọng như Hoa Kỳ, Anh, Úc, Nhật, Nga nhằm thúc đẩy hợp tác quốc tế; đồng chủ trì tổ chức Hội thảo trong khuôn khổ Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF) với chủ đề “Chống phổ biến hạt nhân, các tiêu chuẩn an ninh, an toàn hạt nhân và sử dụng công nghệ hạt nhân vì mục đích hòa bình” thu hút được sự tham gia của nhiều nước thành viên ARF, qua đó, tiếp tục khẳng định vấn đề phòng, chống phổ biến vũ khí hạt nhân và ứng dụng công nghệ hạt nhân vì hòa bình là một trọng tâm hợp tác của ASEAN nói riêng và ARF nói chung.

III. HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Những hạn chế, bất cập

1.1 Những tồn tại, hạn chế trong quy định pháp luật

Bộ luật Hình sự hiện hành chưa quy định tội phổ biến, tội tài trợ phổ biến WMD; chưa có quy định pháp luật đầy đủ về xử lý đối với các hành vi vi phạm trong phòng, chống phổ biến WMD. Mặc dù Nghị định số 81/2019/NĐ-CP đã xây dựng một số khung pháp lý cơ bản, song thiếu các quy định về cấm cung cấp tiền, tài sản cho các tổ chức, cá nhân bị chỉ định, quy định hướng dẫn về cơ chế thông báo danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định; hướng dẫn phong tỏa, giải tỏa tiền, tài sản; thủ tục công khai để yêu cầu ra khỏi danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định. Để khắc phục các hạn chế trên, không thể xây dựng nghị định khác để hướng dẫn thi hành Nghị định số 81/2019/NĐ-CP. Thực tế cũng chứng minh, một số nhiệm vụ đã thực hiện theo Quyết định số 194/QĐ-TTg ngày 23/2/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến WMD liên quan đến vấn đề này vẫn chưa được FATF công nhận kết quả và giải quyết dứt điểm. Một số văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng trên căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022, Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013 chưa có nội dung quy định trực tiếp về phòng, chống tài trợ phổ biến WMD.

Một số quy định xử lý vi phạm hành chính mới chỉ trong phạm vi hẹp liên quan đến chống tài trợ phổ biến WMD, chưa bao quát toàn diện các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực này như việc vận chuyển, sử dụng, môi giới hàng hóa lưỡng dụng một cách trái phép, hay vi phạm các quy định về xây dựng Chương trình tuân thủ nội bộ (ICP), vi phạm các nội dung của giấy phép. Do vậy, việc thiếu các quy định xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực phòng, chống phổ biến WMD đã làm hạn chế tính hiệu lực, hiệu quả trong thực thi pháp luật trong lĩnh vực này.

Hiện nay, pháp luật chưa có các quy định cụ thể về các hành vi bị cấm trong hoạt động phòng, chống WMD và việc xử lý các hành vi này như thế nào. Việc thiếu các quy định mang tính nguyên tắc về các hành vi bị cấm liên quan đến việc phòng, chống WMD đã hạn chế việc thực thi và xử lý các cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật về phòng, chống WMD. Còn thiếu một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến WMD dẫn đến cách hiểu không thống nhất và gây khó khăn trong triển khai các quy định pháp luật liên quan đến WMD.

Các quy định về phòng, chống phổ biến WMD hiện hành mới chỉ quy định mang tính nguyên tắc và áp dụng chung cho các loại WMD. Tuy nhiên, mỗi loại WMD có tính chất, mức độ nguy hiểm khác nhau; khả năng gây thiệt hại về cơ sở vật chất, môi trường, con người khác nhau. Do vậy, việc thiếu các quy định mang tính đặc thù đối với hoạt động phòng, chống phổ biến đối với từng loại WMD cũng như thiếu quy định cấp luật về kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng có thể dẫn đến việc áp dụng các biện pháp kiểm soát quá chặt chẽ làm tăng chi phí tuân thủ và thực thi pháp luật từ đó làm giảm hiệu quả và tính khả thi của pháp luật về hoạt động này, đồng thời ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Các thủ tục hành chính liên quan đến cấp, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến phòng, chống WMD, kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng, về phát hiện tài trợ hoạt động phổ biến WMD, quản lý danh sách các tổ chức, cá nhân liên quan đến phổ biến, tài trợ WMD vẫn còn thiếu và chưa được quy định cụ thể trong văn bản quy phạm pháp luật, mới chỉ dừng lại ở các văn bản hành chính mang tính hướng dẫn nội bộ ngành. Ngoài các quy định về cấp phép đối với hóa chất trong thực hiện Công ước vũ khí hóa học, các quy trình cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ; cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ; tổ chức cấp, thu hồi đăng ký hoạt động và chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử liên quan tới an toàn bức xạ và hạt nhân, pháp luật hiện hành vẫn còn thiếu các quy định liên quan đến cấp phép đối với tác nhân sinh học hoặc độc tố liên quan đến vũ khí sinh học. Việt Nam đã tham gia Công ước vũ khí sinh học và thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Quốc phòng đã tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ Cơ quan đầu mối thực hiện Công ước cấm vũ khí sinh học từ Bộ Y tế. Bộ Quốc phòng giao Binh chủng Hóa học làm Cơ quan thường trực giúp Bộ thực hiện công tác này. Tuy nhiên, hiện chưa có đầy đủ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để triển khai thực hiện Công ước này; còn thiếu các quy định thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam trong thực hiện Công ước vũ khí sinh học; việc thiếu các quy định quản lý, cấp phép đối với việc sử dụng, nghiên cứu, phát triển các tác nhân sinh học và độc tố vì mục đích hòa bình sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam theo Công ước này.

Các quy định về thanh tra, kiểm tra, trong phòng, chống WMD chưa được quy định đầy đủ, dẫn đến khó khăn trong công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động phòng, chống phổ biến WMD. Cơ chế, hướng dẫn thanh tra, kiểm tra, giám sát các cơ quan, tổ chức và cá nhân, trong đó có các tổ chức tài chính, tổ chức cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan trong thực hiện nghĩa vụ phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến WMD nói chung, nghĩa vụ trừng phạt tài chính mục tiêu nói riêng chưa cụ thể. Bên cạnh đó, việc phối hợp với các đoàn thanh sát quốc tế khi tiến hành các cuộc kiểm tra mới chỉ có quy định trong lĩnh vực hạt nhân, phóng xạ và hóa học, chưa có quy định trong lĩnh vực sinh học nên làm hạn chế kết quả thực hiện trong triển khai các quy định pháp luật về phòng, chống WMD một cách toàn diện.

Một số quy định của Nghị định số 81/2019/NĐ-CP không còn phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành sau này liên quan đến phòng, chống WMD như Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022, Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp năm 2024, Luật Thanh tra năm 2025.

1.2. Những tồn tại, hạn chế về tổ chức thi hành pháp luật

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD về cơ bản đã đạt được những kết quả nhất định như đã đề cập ở phần trên. Tuy nhiên, công tác này ở một số cơ quan, đơn vị chưa được chú trọng thực hiện thường xuyên, nhiều nơi còn mang nặng tính hình thức, khẩu hiệu, nội dung, chương trình tập huấn một số đơn vị chất lượng còn yếu, nhiều nội dung phổ biến còn sơ sài, các chương trình lồng ghép trong các trường học về các loại WMD chưa dễ hiểu, gây khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức cũng như nhận thức của người dân, cán bộ, công chức có hoạt động liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD.

Tổ chức lực lượng và cơ quan nhà nước chuyên trách về phòng, chống phổ biến WMD đã cơ bản đáp ứng được các nhiệm vụ chính trị đặt ra. Tuy nhiên, việc phân định, quy định nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan nhà nước này còn một số điểm chưa bảo đảm tính thống nhất, phù hợp, đặc biệt là trong việc phối hợp, tiếp nhận, cung cấp và trao đổi thông tin liên quan đến chống tài trợ phổ biến WMD, làm giảm hiệu quả quản lý nhà nước.

1.2.3. Kinh phí đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho công tác phòng, chống phổ biến WMD còn chưa được bố trí tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị. Kinh phí phục vụ nghiên cứu khoa học, ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực này còn hạn chế, tỷ lệ trang thiết bị hiện đại, công nghệ cao còn thấp đã ảnh hưởng đến trực tiếp đến hiệu quả thực thi pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD. Chế độ, chính sách cho lực lượng, người làm

trong lĩnh vực phòng, chống phổ biến WMD còn chưa được quan tâm đúng mức, quy định chưa phù hợp trong khi hoạt động này có nhiều rủi ro cao đối với sức khỏe, tinh thần của người thực hiện.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Việc xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật nhằm tăng cường quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến WMD đã từng bước được bổ sung, hoàn thiện. Tuy nhiên, việc xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách, văn bản này chưa đầy đủ, đồng bộ, kịp thời; các chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động này mới chỉ dừng lại ở quy định trên văn bản; chưa có cơ chế phù hợp, chế độ, chính sách ưu tiên, khuyến khích cụ thể, phù hợp nhằm tạo môi trường thuận lợi để các cá nhân, tổ chức đóng góp, tham gia vào hoạt động này.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành chưa được tiến hành một cách thường xuyên gắn việc thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD với việc thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, nhiệm vụ chính trị của bộ, ngành, địa phương, đơn vị; chưa phát huy hết hiệu lực của các cấp chính quyền, các cơ quan chức năng, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong hoạt động quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến WMD. Chỉ đạo, điều hành ở một số địa phương, đơn vị chưa quyết liệt, đôi khi mang tính hình thức, nhiều địa phương chưa chú trọng công tác phòng, chống phổ biến WMD. Điều này đã làm giảm hiệu quả trong việc thực thi các quy định pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD.

Đây là lĩnh vực còn khá mới đối với nhiều cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp, do vậy, đội ngũ cán bộ, công chức, người làm công tác trong hoạt động phòng, chống phổ biến WMD còn thiếu số lượng, một số nơi còn yếu về chất lượng, thiếu về kinh nghiệm, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc được giao. Bên cạnh đó, phần lớn các cơ quan, tổ chức không có đơn vị chuyên trách về lĩnh vực phòng, chống phổ biến WMD mà chủ yếu là cán bộ, công chức kiêm nhiệm cũng là nguyên nhân dẫn đến những tồn tại, hạn chế trong thi hành pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD trong thời gian qua. Một số cơ quan, tổ chức, cá nhân còn coi công tác phòng, chống phổ biến WMD là nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Cơ chế phối hợp, mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng nhiều bộ, ngành và một số địa phương còn chưa triển khai một cách hiệu quả như cung cấp, trao đổi thông tin, chế độ báo cáo còn chưa được thực hiện đầy đủ, nghiêm túc hoặc có thực hiện nhưng báo cáo còn sơ sài, chưa phản ánh hết những hoạt động phòng, chống phổ biến WMD trong thực tiễn.

Ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phòng, chống phổ biến WMD còn hạn hẹp, chế độ chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Chính sách đối với người

làm công tác trong lĩnh vực này chưa được quy định, gây khó khăn trong việc thu hút và đào tạo nguồn nhân lực cho công tác này.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Dự báo tình hình

Thời gian tới, dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó đoán định; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, quyết liệt, tiềm ẩn nhiều yếu tố gây mất ổn định; xung đột vũ trang, mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo... leo thang, lan rộng, tác động, ảnh hưởng đến nhiều quốc gia. Khu vực ASEAN cơ bản ổn định nhưng tiềm ẩn nhiều nguy cơ phức tạp; phải đối mặt với nhiều thách thức do sự lôi kéo, tác động của các nước lớn. Trên biển Đông, các hoạt động tranh chấp chủ quyền, diễn ra quyết liệt hơn, nhất là hoạt động trên thực địa của Trung Quốc, Mỹ và đồng minh làm gia tăng căng thẳng, phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh trong khu vực. Các hoạt động phổ biến WMD tiếp tục diễn biến phức tạp, nguy cơ sử dụng WMD luôn hiện hữu; vấn đề WMD và quản lý xuất khẩu các mặt hàng lưỡng dụng tiếp tục được sử dụng để can thiệp vào công việc nội bộ của một số quốc gia.

Trong nước, thuận lợi là cơ bản, song còn nhiều khó khăn, thách thức; phát triển kinh tế - xã hội kết hợp bảo đảm an ninh quốc gia là mục tiêu trọng tâm của Nhà nước. Tuy nhiên, các thế lực thù địch, phản động vẫn tăng cường các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang; trên các tuyến biên giới, hoạt động tội phạm đặc biệt là tội phạm xuyên biên giới, khủng bố có chiều hướng phức tạp; thiên tai, dịch bệnh diễn biến thất thường; công tác quản lý các tác nhân hoá học, sinh học, phóng xạ, hạt nhân còn nhiều bất cập, tiềm ẩn nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến WMD.

2. Phương hướng, nhiệm vụ

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD bảo đảm các nguyên tắc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều ước quốc tế về phòng, chống phổ biến WMD mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động phòng, chống phổ biến WMD; chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và ứng phó kịp thời với các hành vi phổ biến WMD; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng thực thi pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống phổ biến WMD; gắn công tác phòng, chống phổ biến WMD với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội. Giải thích rõ các khái niệm liên quan đến phòng, chống WMD như khái niệm WMD, hàng hóa lưỡng dụng, quá cảnh, chuyển tải, dịch vụ môi giới liên quan đến hàng hóa lưỡng dụng và xác định rõ phạm vi của các hoạt động phòng, chống WMD và giao nhiệm vụ cụ thể cho các chủ thể tham

gia thực hiện hoạt động này.

Kế thừa các quy định của Nghị định số 81/2019/NĐ-CP và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong các quy định hiện hành về phòng, chống WMD như: Quy định về thủ tục liên quan đến cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép đối với các hoạt động liên quan đến phòng, chống WMD, kiểm soát thương mại chiến lược, kiểm soát biên giới và thực thi và nội luật hóa các quy định của công ước liên quan đến vũ khí hóa học, sinh học và an ninh hạt nhân; quy định cụ thể các hành vi bị cấm và làm rõ hơn các trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong hoạt động phòng, chống phổ biến WMD, quy định cụ thể hơn về phát hiện, báo cáo các hoạt động tài trợ phổ biến WMD, thanh tra, kiểm tra, cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng, chống WMD và khắc phục các bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện Nghị định số 81/2019/NĐ-CP.

Quy định về cấp phép cho việc sử dụng, nghiên cứu, vận chuyển các tác nhân sinh học, độc tố theo hướng cụ thể, chi tiết, bảo đảm việc kiểm soát chặt chẽ các tác nhân sinh học và độc tố cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức thực hiện các thủ tục đề nghị cấp giấy phép này. Mặt khác, bổ sung các thủ tục về cấp phép đối với việc sử dụng, vận chuyển, nghiên cứu, phát triển, mua bán các mặt hàng lưỡng dụng vì mục đích hòa bình.

Hoàn thiện pháp luật về chống tài trợ, phổ biến WMD thông qua việc khắc phục những bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện các quy định hiện hành; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp, khả thi của hệ thống pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng báo cáo thực hiện các nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định; nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật cũng như bảo đảm tính tương thích, phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

Hoàn thiện khung pháp lý về quản lý nhà nước đối với các hoạt động phòng, chống phổ biến WMD qua việc sửa đổi, bổ sung các quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước theo hướng bổ sung trách nhiệm về cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến hàng hóa lưỡng dụng, vật liệu hạt nhân, phóng xạ, sinh học, độc tố; xác định cơ quan có thẩm quyền chủ trì xây dựng các danh mục các mặt hàng liên quan đến WMD để làm cơ sở quản lý, kiểm soát, cấp phép; khắc phục những chồng chéo, bất cập của các quy định hiện hành về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến WMD. Bổ sung, xây dựng cơ chế tài chính, cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích cá nhân, tổ chức tham gia hoặc công tác trong lĩnh vực này cũng như bảo đảm nguồn kinh phí, cơ sở vật chất cho lực lượng chuyên môn về phòng, chống phổ biến WMD.

Bổ sung các chế tài xử lý về hình sự và xử lý vi phạm hành chính, cụ thể: Bổ sung các tội danh liên quan đến phổ biến, tài trợ phổ biến WMD; bổ sung

hành vi bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống phổ biến WMD để đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, trong đó các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực này phải được mô tả rõ ràng, đầy đủ, cụ thể để có thể nhận diện và dễ dàng thực hiện.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị định số 81/2019/NĐ-CP (kèm theo Quyết định số 432/QĐ-TTg); hoàn thành có hiệu quả và chất lượng các nội dung theo Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến WMD giai đoạn 2021-2025 (kèm theo Quyết định số 941/QĐ-TTg), Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam với FATF nhằm góp phần sớm đưa Việt Nam ra khỏi Danh sách giám sát tăng cường của FATF.

Tiếp tục thực hiện tốt các hoạt động nhằm nâng cao năng lực cho các lực lượng phòng, chống phổ biến WMD của các địa phương và Cơ quan thường trực 81, nâng cao hiệu quả công tác tham mưu, đề xuất dự báo tình hình bảo đảm sẵn sàng ứng phó kịp thời mọi tình huống, không để bị động bất ngờ; đẩy mạnh, mở rộng các hoạt động hợp tác quốc tế nhằm hoàn thiện các cơ chế trao đổi, chia sẻ thông tin và tranh thủ nguồn lực quốc tế trong hoàn thiện khung pháp lý và thực thi hiệu quả phòng, chống phổ biến WMD.

3. Giải pháp thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD

Tăng cường, đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD qua việc kết hợp nhiều hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật như: Phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật; tổ chức thi tìm hiểu pháp luật; lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và các đoàn thể, câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa tại cơ quan, đơn vị; xây dựng các chương trình giáo dục pháp luật có nội dung liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD. Đồng thời, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, tuyên truyền, phổ biến trên cổng thông tin điện tử của Bộ Quốc phòng, hoặc cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương liên quan đến hoạt động phòng, chống phổ biến WMD.

Tăng cường công tác phối hợp, công tác chỉ đạo, điều hành, kiện toàn các đơn vị, bộ máy làm công tác phòng, chống phổ biến WMD; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ, công chức kiêm nhiệm công tác này trong các bộ, ngành, địa phương; đẩy mạnh công tác phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin giữa các bộ, ngành, địa phương; xây dựng lực lượng sẵn sàng ứng phó với các sự cố liên quan đến WMD; nâng cao hiệu quả công tác tham mưu, đề xuất, dự báo tình hình bảo đảm sẵn sàng ứng phó kịp thời trong mọi tình

huống. Xây dựng chương trình huấn luyện, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, chương trình diễn tập có nội dung cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn cho các cán bộ, chiến sĩ, công chức, người làm công tác phòng, chống phổ biến WMD nhằm nâng cao năng lực cho các lực lượng này.

Bổ trí ngân sách, vốn bảo đảm đầu tư đầy đủ cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng công nghệ thông tin, các máy móc, ứng dụng công nghệ thông tin, phương tiện hiện đại phục vụ cho hoạt động chỉ đạo, điều hành cũng như tác nghiệp trong thực tiễn đối với hoạt động phòng, chống phổ biến WMD.

Đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế, mở rộng phạm vi hợp tác, đặc biệt trong việc hoàn thiện các cơ chế trao đổi, cung cấp và chuyển giao thông tin giữa cơ quan chức năng của Việt Nam và các tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài. Bên cạnh đó, tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật của các chuyên gia, đối tác nước ngoài trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD cũng như bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

V. KIẾN NGHỊ

Tiếp tục chỉ đạo các bộ, ngành liên quan tăng cường phối hợp trong thực hiện hoạt động phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến WMD; nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả trong thi hành trong lĩnh vực phòng, chống phổ biến WMD như ban hành các quy định về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống phổ biến WMD; hình sự hóa tội phổ biến, tội tài trợ phổ biến WMD; hoàn thiện cơ chế, hướng dẫn thanh tra, kiểm tra hoạt động phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến WMD; quy định chế độ chính sách cho lực lượng tham gia công tác phòng, chống phổ biến WMD; rà soát các quy định pháp luật có liên quan để kịp thời sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm khắc phục các bất cập, vướng mắc trong triển khai các quy định pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD trong thực tiễn.

Bộ Quốc phòng trân trọng báo cáo. /m

Nơi nhận:

- Như trên (để chỉ đạo);
- Văn phòng Chính phủ (để theo dõi);
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Đ/c Bộ trưởng BQP (để báo cáo);
- Đ/c TTMT - Thứ trưởng BQP;
- Đ/c Thứ trưởng Nguyễn Văn Gấu;
- BTTM, TCCT;
- C20, C79;
- Bình chủng Hóa học;
- Lưu: VT, CPC. B14. /m



Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu

Số: /BC-BQP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo 2
Ngày 21.5.2026**BÁO CÁO**

Về rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Bộ Quốc phòng đã tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt (dự thảo Luật). Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT**1. Mục đích, yêu cầu rà soát****a) Mục đích**

Việc rà soát nhằm xác định đầy đủ cơ sở chính trị, pháp lý và yêu cầu quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật; làm rõ những nội dung đã được pháp luật hiện hành điều chỉnh, những nội dung còn thiếu, chưa đầy đủ hoặc chưa phù hợp để đề xuất quy định ở cấp luật.

Kết quả rà soát là cơ sở để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật bảo đảm thể chế hóa đúng chủ trương, đường lối của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật, tương thích với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đồng thời phân định rõ phạm vi điều chỉnh của Luật với pháp luật chuyên ngành, khắc phục khoảng trống pháp lý, hạn chế trùng lặp, chồng chéo và bảo đảm tính khả thi khi tổ chức thi hành.

b) Yêu cầu

Việc rà soát phải được thực hiện khách quan, toàn diện, đúng phạm vi, có trọng tâm; bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của Hiến pháp, pháp luật hiện hành, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và nội dung của dự thảo Luật.

Kết quả rà soát phải xác định rõ nội dung đã được pháp luật hiện hành quy định để kế thừa, viện dẫn, phân định phạm vi áp dụng; nội dung còn thiếu, chưa thống nhất hoặc chưa phù hợp để đề xuất quy định trong dự thảo Luật, bảo đảm

tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, khả thi và không trùng lặp, chồng chéo với pháp luật chuyên ngành.

2. Phạm vi, đối tượng, nội dung rà soát

a) Phạm vi, đối tượng

Rà soát các nội dung có liên quan đến dự thảo Luật, tập trung vào các nhóm đối tượng sau: (1) Các văn kiện, nghị quyết của Đảng có liên quan đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hội nhập quốc tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; (2) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến phòng, chống phổ biến, quản lý, kiểm soát WMD; (3) Các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

b) Nội dung rà soát

Đánh giá mức độ phù hợp của dự thảo Luật với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hội nhập quốc tế và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Đánh giá tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật hiện hành; tính tương thích với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đồng thời xác định vướng mắc, bất cập và khoảng trống pháp lý liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD cần được quy định, chỉnh lý, hoàn thiện trong dự thảo Luật.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

Tổng số văn bản của Đảng có chủ trương, đường lối liên quan đến dự thảo Luật được rà soát là **13 văn bản** (có Phụ lục 01 kèm theo). Cụ thể như sau:

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định nhiệm vụ giữ vững quốc phòng, an ninh; bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, xung đột; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả. Nội dung này là cơ sở chính trị quan trọng để xây dựng cơ chế phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn từ sớm nguy cơ phổ biến và tài trợ phổ biến WMD.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2026 - 2030, trong đó nhấn mạnh yêu cầu củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc; thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác, phát triển; tiếp tục xây

dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Đây là định hướng trực tiếp để hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về phòng, chống phổ biến WMD trong giai đoạn mới.

Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đặt ra yêu cầu bảo vệ vững chắc Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, an ninh con người, an ninh kinh tế; chủ động nhận diện, phòng ngừa, xử lý các nguy cơ đe dọa quốc phòng, an ninh từ sớm, từ xa. Nội dung này là cơ sở để xác định phòng, chống phổ biến WMD là một yêu cầu của bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định yêu cầu thể chế hóa kịp thời, đầy đủ chủ trương của Đảng, quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền công dân; hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi; đồng thời yêu cầu *“luật hóa đến mức tối đa những vấn đề quan trọng của đất nước thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội”*. Đây là cơ sở để quy định ở cấp luật những vấn đề quan trọng về phòng, chống phổ biến WMD, nhất là các biện pháp có khả năng tác động đến quyền con người, quyền công dân, quyền tài sản và quyền tự do kinh doanh.

Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật đặt ra yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, xác định rõ những nội dung cần quy định trong luật và những nội dung giao cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết. Đây là căn cứ để xây dựng dự thảo Luật theo hướng quy định khung, nguyên tắc, ổn định, lâu dài; không quy định quá chi tiết các nội dung kỹ thuật, nghiệp vụ, quy trình, biểu mẫu thuộc phạm vi tổ chức thi hành.

Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đặt ra yêu cầu hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật theo hướng đồng bộ, thống nhất, minh bạch, dễ tiếp cận, dễ thực hiện; khắc phục mâu thuẫn, chồng chéo, khoảng trống pháp lý. Nội dung này là cơ sở để rà soát, phân định phạm vi điều chỉnh giữa dự thảo Luật với pháp luật chuyên ngành, bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo.

Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới xác định hội nhập quốc tế là động lực chiến lược; yêu cầu nâng cao năng lực thực thi cam kết, thỏa thuận quốc tế, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong nước phù hợp với nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam. Đây

là cơ sở để nội luật hóa, tổ chức thực hiện đầy đủ các điều ước quốc tế, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và chuẩn mực quốc tế có liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD.

Ng nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới xác định yêu cầu hoàn thiện cơ chế, nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức Việt Nam để bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, cơ quan nhà nước Việt Nam. Đây là cơ sở để thiết kế dự thảo Luật bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, khả thi và đáp ứng yêu cầu thi hành pháp luật trong tình hình mới.

Ng nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới đề ra nhiệm vụ *“xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển ứng dụng công nghệ sinh học”*; đồng thời yêu cầu bảo đảm an toàn sinh học, an ninh sinh học; *“chủ động ứng phó tình huống khủng bố bằng tác nhân sinh học, chiến tranh sử dụng vũ khí sinh học; xử lý chất độc hóa học”*. Nội dung này có liên quan trực tiếp đến yêu cầu kiểm soát rủi ro sinh học, hóa học trong phòng, chống phổ biến WMD.

Ng nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đề ra yêu cầu *“Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy ‘không quản được thì cấm’”*; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đây là cơ sở để dự thảo Luật tiếp cận theo hướng quản lý rủi ro, kiểm soát có trọng tâm, không cản trở hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo hợp pháp.

Ng nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân xác định người dân, doanh nghiệp được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề pháp luật không cấm; *“Quyền kinh doanh chỉ có thể bị hạn chế vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, môi trường và sức khỏe của cộng đồng và phải được quy định trong luật”*. Đây là căn cứ quan trọng để quy định rõ trong dự thảo Luật các biện pháp kiểm soát đặc thù có khả năng tác động đến quyền tự do kinh doanh, bảo đảm cần thiết, hợp lý, tương xứng và đúng thẩm quyền.

Ng nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định mục

tiêu bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và thực hiện cam kết quốc tế. Nội dung này có liên quan đến yêu cầu kiểm soát an toàn, an ninh đối với vật liệu, thiết bị, công nghệ, hoạt động có nguy cơ cao trong lĩnh vực năng lượng, trong đó có các lĩnh vực liên quan đến WMD.

Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước xác định yêu cầu *"Hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế; thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường kỷ luật - kỷ cương, phù hợp với các cam kết quốc tế"*. Nội dung này là cơ sở để hoàn thiện pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD theo hướng minh bạch, khả thi, gắn với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh và thực hiện cam kết quốc tế.

Qua rà soát, các chủ trương, đường lối của Đảng nêu trên đặt ra yêu cầu cần thiết xây dựng Luật Phòng, chống phổ biến WMD nhằm thể chế hóa nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý nguy cơ phổ biến và tài trợ phổ biến WMD; bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam; đồng thời bảo vệ quyền con người, quyền công dân, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh theo đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật.

Các chính sách trong dự thảo Luật cơ bản phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng; góp phần khắc phục khoảng trống pháp lý, tăng cường quản lý theo rủi ro, thiết lập biện pháp kiểm soát đặc thù đối với hoạt động có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến WMD, bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hội nhập quốc tế với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

Bộ Quốc phòng đã rà soát **30 văn bản quy phạm pháp luật** có liên quan đến dự thảo Luật, gồm: Hiến pháp năm 2013, 22 luật và 07 nghị định (có Phụ lục 02 kèm theo). Cụ thể như sau:

Các văn bản được rà soát bao gồm: Hiến pháp năm 2013; các luật, bộ luật có liên quan như Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Hình sự năm 2015, Luật Quốc phòng năm 2018, Luật An ninh quốc gia năm 2004, Luật Phòng, chống khủng bố năm 2013, Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022, Luật Quản lý ngoại thương năm 2017, Luật Hải quan năm 2014, Luật Hóa chất năm 2025, Luật Năng lượng nguyên tử năm 2008, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, Luật Khoa học và công nghệ năm 2013, Luật Công nghệ cao năm 2008, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật An toàn thông tin mạng năm 2015, Luật An ninh mạng năm 2018,

Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018, Luật Thanh tra năm 2025, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Luật Đầu tư năm 2020, Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp năm 2024; các nghị định có liên quan như Nghị định số 81/2019/NĐ-CP về phòng, chống phổ biến WMD, Nghị định số 33/2024/NĐ-CP về thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học, Nghị định số 24/2026/NĐ-CP về danh mục hóa chất, Nghị định số 26/2026/NĐ-CP về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa và các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành trong các lĩnh vực có liên quan.

Qua rà soát Hiến pháp năm 2013, chính sách của dự thảo Luật có cơ sở hiến định, phù hợp với yêu cầu bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Đối với các biện pháp có khả năng hạn chế quyền con người, quyền công dân, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, dự thảo Luật phải bảo đảm tuân thủ khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013: *"Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng"*. Đây là căn cứ quan trọng để quy định ở cấp luật các biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù trong phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến WMD.

Kết quả rà soát cho thấy, pháp luật hiện hành đã có nhiều quy định điều chỉnh từng lĩnh vực chuyên ngành có liên quan đến WMD, như quản lý hóa chất, năng lượng nguyên tử, vật liệu phóng xạ, công nghệ, hàng hóa lưỡng dụng, xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, tài chính, ngân hàng, phòng, chống khủng bố, phòng, chống rửa tiền, an ninh mạng, bảo vệ bí mật nhà nước, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm. Các quy định này là cơ sở để dự thảo Luật kế thừa, viện dẫn và phân định phạm vi áp dụng, bảo đảm không thay thế pháp luật chuyên ngành, không làm phát sinh trùng lặp, chồng chéo trong tổ chức thi hành.

Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chủ yếu điều chỉnh theo từng lĩnh vực riêng biệt, chưa hình thành khuôn khổ pháp lý thống nhất ở cấp luật về phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến WMD. Một số nội dung quan trọng như đánh giá, phân loại rủi ro; kiểm soát theo danh mục và ngoài danh mục; xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng; kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể; trừng phạt tài chính mục tiêu; chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu, cảnh báo sớm và phối hợp liên ngành chưa được quy định đầy đủ, đồng bộ.

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 về phòng, chống phổ biến WMD, tạo cơ sở pháp lý bước đầu cho công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến WMD. Tuy

nhiên, qua quá trình thực hiện, một số quy định của Nghị định chưa còn phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay; đồng thời, nhiều biện pháp trong lĩnh vực này có khả năng tác động trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh nên cần được quy định ở cấp luật để bảo đảm đúng thẩm quyền, có căn cứ áp dụng, phạm vi, trình tự, thủ tục và cơ chế bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Từ kết quả rà soát nêu trên, việc xây dựng Luật Phòng, chống phổ biến WMD là cần thiết nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý ở cấp luật; khắc phục khoảng trống, bất cập của pháp luật hiện hành; bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam; đồng thời tạo lập môi trường pháp lý minh bạch, ổn định, bảo đảm quản lý rủi ro có trọng tâm, trọng điểm, không cản trở hoạt động nghiên cứu khoa học, sản xuất, kinh doanh, chuyển giao công nghệ hợp pháp trong các lĩnh vực có liên quan đến WMD.

3. Điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

Bộ Quốc phòng đã tiến hành rà soát 11 điều ước quốc tế và 01 nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan đến phòng, chống phổ biến WMD mà Việt Nam là thành viên hoặc có nghĩa vụ thực hiện (có Phụ lục 01 kèm theo). Cụ thể như sau:

Các văn bản quốc tế được rà soát gồm: Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân - NPT; Hiệp ước Cấm thử hạt nhân toàn diện - CTBT; Công ước Cấm vũ khí hóa học - CWC; Công ước Cấm vũ khí sinh học và độc tố - BWC/BTWC; Nghị định thư Geneva năm 1925; Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân - CPPNM; Bản sửa đổi Công ước CPPNM; Công ước quốc tế về trấn áp hành vi khủng bố hạt nhân - ICSANT; Công ước quốc tế về trấn áp hành vi khủng bố bằng bom; Công ước quốc tế về trấn áp tài trợ khủng bố; Công ước ASEAN về chống khủng bố và Nghị quyết số 1540 năm 2004 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc.

Qua đối chiếu các nghĩa vụ quốc tế với nội dung chính sách của dự thảo Luật, các chính sách được đề xuất cơ bản bảo đảm tương thích với nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam về không phổ biến, giải trừ, kiểm soát, bảo đảm an toàn, an ninh đối với WMD, phương tiện mang, vật liệu, thiết bị, công nghệ và dịch vụ có liên quan. Đặc biệt, Nghị quyết số 1540 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc yêu cầu các quốc gia không hỗ trợ các chủ thể phi nhà nước phát triển, có được, sản xuất, sở hữu, vận chuyển, chuyển giao hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học và phương tiện mang các loại vũ khí này; đồng thời thiết lập các biện pháp kiểm soát trong nước phù hợp để ngăn chặn phổ biến WMD.

Các điều ước quốc tế trong lĩnh vực hạt nhân, hóa học, sinh học và chống khủng bố đặt ra yêu cầu quốc gia thành viên phải ban hành, duy trì và tổ chức thực hiện các biện pháp pháp luật, hành chính, kỹ thuật cần thiết để cấm, phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi phát triển, sản xuất, tàng trữ, sở hữu, vận chuyển, chuyển giao, sử dụng WMD hoặc vật liệu, thiết bị, công nghệ có liên quan; đồng thời kiểm soát xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, trung chuyển, tái xuất, môi giới, tài trợ, vận chuyển và cung cấp dịch vụ có nguy cơ phục vụ hoạt động phổ biến WMD.

Kết quả rà soát cho thấy, dự thảo Luật cần luật hóa các nghĩa vụ cốt lõi về: cấm phổ biến và tài trợ phổ biến WMD; quản lý, kiểm kê, bảo đảm an toàn, an ninh đối với vật liệu, thiết bị, công nghệ có liên quan; kiểm soát biên giới, xuất khẩu, quá cảnh, trung chuyển, tái xuất; kiểm soát chuyển giao công nghệ, bao gồm chuyển giao công nghệ phi vật thể; trừng phạt tài chính mục tiêu; hợp tác quốc tế, trao đổi thông tin, tương trợ tư pháp và hỗ trợ kỹ thuật trong phòng, chống phổ biến WMD.

Việc xây dựng Luật Phòng, chống phổ biến WMD là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ ở cấp luật để thực hiện thống nhất, hiệu quả các nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam; khắc phục khoảng trống giữa yêu cầu quốc tế với pháp luật trong nước; đồng thời bảo đảm các biện pháp phòng, chống phổ biến WMD được áp dụng đúng thẩm quyền, đúng căn cứ, có kiểm soát, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

4. Phụ lục: (Có Phụ lục 02 kèm theo).

Trên đây là Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

Bộ Quốc phòng trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lãnh đạo Bộ Quốc phòng;
- BTTM, TCCT;
- Cục Pháp chế BQP; Binh chủng Hóa học;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phụ lục 01
DANH MỤC VĂN BẢN RÀ SOÁT
(Kèm theo Báo cáo số _____/BC-BQP ngày _____ tháng _____ năm 2026 của BQP)

I. CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO LUẬT PHÒNG, CHỐNG PHÓ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

STT	Trích dẫn văn bản
1	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.
2	Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.
3	Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.
4	Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.
5	Bộ Chính trị, Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.
6	Bộ Chính trị, Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.
7	Bộ Chính trị, Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật.
8	Bộ Chính trị, Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.
9	Bộ Chính trị, Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới.
10	Bộ Chính trị, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
11	Bộ Chính trị, Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân.
12	Bộ Chính trị, Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
13	Bộ Chính trị, Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước.

**II. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO
LUẬT PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT**

STT	Trích dẫn văn bản
1	Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.
2	Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13.
3	Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 12/2017/QH14.
4	Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14.
5	Luật An ninh quốc gia số 32/2004/QH11.
6	Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH13.
7	Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15.
8	Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14.
9	Luật Hải quan số 54/2014/QH13.
10	Luật Hóa chất số 69/2025/QH15.
11	Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12.
12	Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14.
13	Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13.
14	Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12.
15	Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14.
16	Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13.
17	Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14.
18	Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14.
19	Luật Thanh tra số 84/2025/QH15.
20	Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13, được sửa đổi, bổ sung.
21	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14.
22	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14.
23	Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp số 38/2024/QH15.
24	Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

STT	Trích dẫn văn bản
25	Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học.
26	Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định danh mục hóa chất thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Hóa chất.
27	Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa.
28	Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương.
29	Nghị định số 53/2022/NĐ-CP ngày 15/8/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An ninh mạng.
30	Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước.

III. ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ, NGHỊ QUYẾT QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO LUẬT PHÒNG, CHỐNG PHÓ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT.

STT	Trích dẫn văn bản
1	Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT).
2	Hiệp ước Cấm thử hạt nhân toàn diện (CTBT).
3	Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học (CWC).
4	Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ vũ khí vi trùng (sinh học), độc tố và phá hủy chúng (BWC/BTWC).
5	Nghị định thư Geneva năm 1925 về cấm sử dụng trong chiến tranh các chất khí ngạt, độc hoặc tương tự và các phương tiện vi khuẩn.
6	Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân (CPPNM).
7	Bản sửa đổi Công ước Bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân (A/CPPNM).
8	Công ước quốc tế về trấn áp hành vi khủng bố hạt nhân (ICSANT).
9	Công ước quốc tế về trấn áp khủng bố bằng bom.
10	Công ước quốc tế về trấn áp tài trợ khủng bố.

STT	Trích dẫn văn bản
11	Công ước ASEAN về chống khủng bố.
12	Nghị quyết số 1540 (2004) của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về không phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Phụ lục 02

Nội dung rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt
(Kèm theo Báo cáo số /BC-BQP ngày tháng năm 2026 của Bộ Quốc phòng)

1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Chương I của dự thảo Luật (Điều 1 đến Điều 7) về phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ, nguyên tắc phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, nguyên tắc áp dụng pháp luật, chính sách của Nhà nước, hành vi bị nghiêm cấm và hợp tác quốc tế.	- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định nhiệm vụ giữ vững quốc phòng, an ninh; bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ chiến tranh, xung đột; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, hiệu quả. - Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng định hướng củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc Tổ quốc; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác, phát triển; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. - Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đặt ra yêu cầu chủ động nhận diện, phòng ngừa, xử lý nguy cơ đe dọa quốc phòng, an	Nội dung dự thảo Luật đã thể chế hóa Chính sách 1 phù hợp với chủ trương của Đảng về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ quyền con người, quyền công dân, quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh hợp pháp; đồng thời đáp ứng yêu cầu đổi mới tư duy lập pháp theo hướng luật quy định nguyên tắc, căn cứ, giới hạn, thẩm quyền, quyền và nghĩa vụ cơ bản. Đây là cơ sở chính trị để dự thảo Luật xác lập hệ nguyên tắc thống nhất; phân định phạm vi với pháp luật chuyên ngành; quy định rõ căn cứ áp dụng biện pháp có khả năng hạn chế quyền, bảo đảm cần thiết, hợp lý, tương xứng, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và có cơ chế kiểm tra, giám sát, khiếu nại, khởi kiện, bảo vệ bên thứ ba ngay tình.	Tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật các quy định về phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ, nguyên tắc phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, nguyên tắc áp dụng pháp luật, chính sách của Nhà nước, hành vi bị nghiêm cấm, hợp tác quốc tế; đồng thời quy định rõ căn cứ, phạm vi, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và cơ chế bảo vệ quyền đối với biện pháp có khả năng hạn chế quyền. Không quy định chi tiết các nội dung kỹ thuật, nghiệp vụ, biểu mẫu ở cấp luật; chỉ giao Chính phủ quy định chi tiết trong phạm vi căn cứ, biện pháp, quyền và nghĩa vụ đã được Luật xác định. Nội dung chỉnh lý cần bám sát bố cục, điều khoản của dự thảo Luật; thể hiện rõ nguyên tắc áp dụng pháp

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	ninh từ sớm, từ xa. - Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 yêu cầu thể chế hóa kịp thời, đầy đủ chủ trương của Đảng, quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền công dân; hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi; luật hóa đến mức tối đa những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội. - Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, xác định rõ nội dung quy định trong luật và nội dung giao cơ quan có thẩm quyền quy định chi tiết. - Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 yêu cầu hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật theo hướng đồng bộ, thống nhất, minh bạch, dễ tiếp cận, dễ thực hiện; khắc phục mâu thuẫn, chồng chéo, khoảng trống pháp lý. - Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân xác định quyền kinh doanh chỉ có thể bị hạn chế vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, môi trường, sức khỏe cộng đồng và phải được quy định trong luật.		luật, nguyên tắc bảo đảm quyền, căn cứ áp dụng biện pháp có nội dung hạn chế quyền và cơ chế bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, bên thứ ba ngay tình.
Chương II, Mục 1 của dự thảo Luật về quản lý rủi ro quốc gia; danh mục kiểm soát; hoạt	- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới yêu cầu nâng cao năng lực thực thi cam kết, thỏa thuận quốc tế; hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật	Nội dung dự thảo Luật thể chế hóa Chính sách 2 phù hợp với chủ trương quản lý theo rủi ro, kiểm soát có trọng tâm, trọng điểm; không cản trở hoạt	Chỉnh lý, hoàn thiện các điều của dự thảo Luật về quản lý rủi ro quốc gia; danh mục kiểm soát; hoạt động thuộc diện quản lý, kiểm soát;

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
động thuộc diện quản lý, kiểm soát; nguyên tắc, căn cứ và biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù; kiểm soát theo danh mục, ngoài danh mục; kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng; kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể; biện pháp ngăn chặn, phản ứng khẩn cấp; hệ thống tuân thủ nội bộ; chế độ ưu tiên đối với tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ; nghĩa vụ tuân thủ của tổ chức, cá nhân.	trong nước phù hợp với nghĩa vụ quốc tế. - Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 yêu cầu luật hóa những vấn đề quan trọng, nhất là vấn đề có liên quan đến quyền con người, quyền công dân. - Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 yêu cầu hoàn thiện cơ chế, nâng cao năng lực để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp. - Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học yêu cầu bảo đảm an toàn sinh học, an ninh sinh học; chủ động ứng phó tình huống khủng bố bằng tác nhân sinh học, chiến tranh sử dụng vũ khí sinh học, xử lý chất độc hóa học. - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, đồng thời bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin. - Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đặt ra yêu cầu bảo đảm an toàn, an ninh đối với năng lượng, vật liệu, thiết bị, công nghệ có nguy cơ cao. - Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025	động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, chuyển giao công nghệ hợp pháp; đồng thời đáp ứng yêu cầu thực hiện nghĩa vụ quốc tế về không phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Chính sách này khắc phục khoảng trống của pháp luật hiện hành ở các nội dung: danh mục kiểm soát thống nhất; kiểm soát ngoài danh mục khi có căn cứ rủi ro; xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng; kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể; biện pháp tạm dừng, từ chối, hạn chế hoạt động, giao dịch; nghĩa vụ tuân thủ, báo cáo, lưu giữ hồ sơ theo mức độ rủi ro.	nguyên tắc, căn cứ áp dụng biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù; kiểm soát theo danh mục và ngoài danh mục; kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng; kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể; biện pháp ngăn chặn, phản ứng khẩn cấp; nghĩa vụ tuân thủ của tổ chức, cá nhân. Bảo đảm các biện pháp kiểm soát đặc thù được lồng ghép với cơ chế quản lý chuyên ngành, không phát sinh thủ tục hành chính trùng lặp, không mở rộng đối tượng áp dụng đại trà, chỉ áp dụng khi có căn cứ rủi ro hoặc nghĩa vụ quốc tế rõ ràng. Nội dung chính lý cần thể hiện rõ căn cứ rủi ro, thẩm quyền, phạm vi, thời hạn, trình tự, thủ tục và cơ chế rà soát đối với biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù; không giao Chính phủ quy định thêm biện pháp hạn chế quyền ngoài căn cứ đã được Luật xác định.

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG	ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần/phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	yêu cầu bảo đảm quyền tự do kinh doanh, chỉ hạn chế quyền bằng luật trong trường hợp thật sự cần thiết.		
Chương II, Mục 2 và các chương về thông tin, dữ liệu, cảnh báo sớm, phối hợp thực hiện, quản lý nhà nước, kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm, bảo đảm nguồn lực và điều khoản thi hành của dự thảo Luật, bao gồm kiểm soát tài trợ phổ biến, trừng phạt tài chính mục tiêu, danh sách đối tượng bị chỉ định, phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch, bảo vệ bên thứ ba ngay tình, cơ sở dữ liệu, cơ quan đầu mối quốc gia và cơ chế phối hợp liên ngành.	- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 yêu cầu hoàn thiện cơ chế, nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức Việt Nam để bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ pháp lý quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. - Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin. - Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước yêu cầu hoàn thiện pháp luật đồng bộ, minh bạch, tháo gỡ điểm nghẽn thể chế, thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với cam kết quốc tế. - Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả, nâng cao năng lực thực thi cam kết quốc tế. - Nghị quyết số 44-NQ/TW ngày 24/11/2023 yêu cầu bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, chủ động nhận diện, phòng ngừa, xử lý nguy cơ an ninh phi truyền thống.	Nội dung dự thảo Luật thể chế hóa Chính sách 3 phù hợp với yêu cầu tổ chức thi hành pháp luật hiệu lực, hiệu quả; xây dựng cơ chế điều phối thống nhất, phối hợp liên ngành, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cảnh báo sớm và bảo đảm nguồn lực. Chính sách này làm rõ yêu cầu cần có cơ quan đầu mối quốc gia, cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan; cơ chế kiểm soát tài trợ phổ biến, trừng phạt tài chính mục tiêu, phong tỏa không chậm trễ; cơ sở dữ liệu, cảnh báo sớm; kiểm tra, thanh tra, giám sát; đào tạo, tuyên truyền, hợp tác quốc tế và bảo đảm điều kiện thi hành.	Chỉnh lý, hoàn thiện các quy định trong dự thảo Luật về kiểm soát tài trợ phổ biến; danh sách đối tượng bị chỉ định; phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch; bảo vệ bên thứ ba ngay tình; chia sẻ thông tin, dữ liệu, chế độ báo cáo; cơ sở dữ liệu, cảnh báo sớm; cơ quan đầu mối quốc gia; phối hợp liên ngành; kiểm tra, thanh tra, giám sát; xử lý vi phạm; bảo đảm nguồn lực. Chỉ quy định ở cấp luật các nguyên tắc, căn cứ, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ cơ bản; giao Chính phủ quy định chi tiết quy trình phối hợp, biểu mẫu, chế độ thông tin, dữ liệu và điều kiện bảo đảm thi hành. Nội dung chỉnh lý cần xác định rõ trách nhiệm của Chính phủ trong tổ chức thi hành, nguyên tắc phối hợp liên ngành, cơ chế thông tin, dữ liệu, cảnh báo sớm, kiểm tra, giám sát và bảo đảm nguồn lực; nội dung phân công cụ thể cho bộ, ngành được quy định chi tiết ở văn bản của Chính phủ.

2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Chương I của dự thảo Luật; các quy định về nguyên tắc bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh; căn cứ áp dụng biện pháp có nội dung hạn chế quyền; hợp tác quốc tế và áp dụng điều ước quốc tế.	1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội. - Điều 12 quy định: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.” - Khoản 2 Điều 14 quy định: “Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”.	Các quy định dự kiến trong dự thảo Luật về phòng, chống vũ khí hủy diệt hàng loạt nhằm bảo vệ quốc gia, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và thực hiện các điều ước quốc tế bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp.	Tiếp tục thể chế hóa ở cấp luật các căn cứ, nguyên tắc, thẩm quyền, phạm vi, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp có khả năng hạn chế quyền; bảo đảm phù hợp khoản 2 Điều 14 Hiến pháp và không giao văn bản dưới luật quy định thêm căn cứ hạn chế quyền. Ở giai đoạn xây dựng dự thảo Luật, nội dung này cần được thể hiện trực tiếp trong các điều về nguyên tắc, biện pháp, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và bảo vệ quyền; không chỉ dừng ở đánh giá sự cần thiết của chính sách.
Điều 2, Điều 9, Điều 13, Điều 15 của dự thảo Luật về hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công	2. Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 16/2023/QH15; Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 115/2025/QH15.	Luật chuyển giao công nghệ quy định danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; cấm chuyển giao công nghệ và	Chính lý, hoàn thiện cơ chế kiểm soát công nghệ; bổ sung nội dung giải thích từ ngữ liên quan

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát; hàng hóa lưỡng dụng; kiểm soát ngoài danh mục; kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể.	- Công nghệ hạn chế chuyển giao: (i) Sử dụng hóa chất độc hại hoặc phát sinh chất thải nguy hại đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; (ii) Tạo ra sản phẩm bằng phương pháp biến đổi gen; (iii) Sử dụng chất phóng xạ, tạo ra chất phóng xạ mà đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (các điểm b, c và d khoản 1 Điều 10). - Công nghệ cấm chuyển giao: (i) Công nghệ sử dụng hóa chất độc hại hoặc phát sinh chất thải không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường; (ii) Sử dụng chất phóng xạ, tạo ra chất phóng xạ không đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (các điểm d, đ khoản 1 Điều 11). - Những hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động chuyển giao công nghệ: "Lợi dụng chuyển giao công nghệ làm ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, sức khỏe con người, môi trường, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc; xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; hủy hoại tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học". (khoản 1 Điều 12).	ng nghiêm cấm lợi dụng chuyển giao công nghệ làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, sức khỏe con người, môi trường..., chưa quy định công nghệ lưỡng dụng có nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, do đó, nội dung dự thảo Luật được xây dựng khung công cụ kiểm soát pháp lý đối với hoạt động chuyển giao công nghệ có nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; xác lập cơ sở pháp lý, biện pháp ngăn chặn kịp thời, phát hiện sớm các hành vi vi phạm bảo đảm tăng cường biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù các hoạt động có nguy cơ dẫn đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, để bổ sung những khoảng trống pháp lý, bảo đảm kết nối về kiểm soát; không chồng chéo, mâu thuẫn Luật chuyển giao công nghệ	đến vũ khí hủy diệt hàng loạt về công nghệ, như: Người dùng cuối cùng, Nhà cung cấp hỗ trợ kỹ thuật. Cần chỉnh lý theo hướng kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể, dữ liệu kỹ thuật, phần mềm, bí quyết công nghệ khi có căn cứ rủi ro; đồng thời bảo đảm không trùng lặp với thủ tục chuyển giao công nghệ chuyên ngành.
Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 13, Điều 14	3. Luật hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15, quy định:	Luật hàng không dân dụng quy định bảo đảm an ninh	Chỉnh lý, hoàn thiện cơ chế kiểm soát danh mục

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
và Điều 16 của dự thảo Luật về danh mục kiểm soát, hoạt động vận chuyển, quá cảnh, trung chuyển, chuyển tải, kiểm soát theo danh mục, ngoài danh mục, xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng và phản ứng khẩn cấp.	- Điều 61 quy định vận chuyển hàng hóa nguy hiểm: (i) Hàng hóa nguy hiểm là hàng hóa có chứa vật hoặc chất có khả năng gây nguy hiểm cho sức khỏe, tính mạng của con người, sự an toàn của chuyến bay, tài sản hoặc môi trường thuộc danh mục hàng hóa nguy hiểm trong lĩnh vực hàng không dân dụng; (ii) Việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm được thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan; (iii) Việc vận chuyển bằng đường hàng không đối với vũ khí, dụng cụ chiến tranh, vật liệu phóng xạ chỉ được thực hiện khi cơ quan có thẩm quyền cấp phép. - Điểm đ khoản 1 Điều 94 quy định: "Đưa vật phẩm nguy hiểm vào tàu bay, cảng hàng không và khu vực hạn chế khác cho mục đích phạm tội. Vật phẩm nguy hiểm bao gồm vũ khí, đạn dược, chất cháy, chất dễ cháy, chất nổ, chất dễ nổ, chất độc hóa học và sinh học, chất phóng xạ và các vật hoặc chất khác có khả năng gây nguy hiểm hoặc được dùng để gây nguy hiểm cho sức khỏe, tính mạng của con người, an toàn của chuyến bay".	hàng không và việc vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường không đối với hàng hóa có chứa vật hoặc chất có khả năng gây nguy hiểm cho sức khỏe, tính mạng của con người, trong đó bao gồm: vũ khí, đạn dược, chất độc hóa học và sinh học, chất phóng xạ; chưa gắn với nghĩa vụ quốc tế về phòng, chống vũ khí hủy diệt hàng loạt; chưa có cơ chế phối hợp kiểm soát, do đó, nội dung dự thảo Luật tăng cường biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù các hoạt động có nguy cơ dẫn đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt nhằm xây dựng khung kiểm soát bao quát hàng hóa, dịch vụ trung gian và thiết lập nguyên tắc kiểm soát theo nghĩa vụ quốc tế, kết nối với cơ chế kiểm soát nhằm bổ sung khoảng trống pháp lý, bảo đảm thông nhất với Luật hàng không dân dụng	hàng hóa lưỡng dụng; giải thích rõ từ ngữ về phòng, chống vũ khí HDHL, như: vũ khí phóng xạ, vũ khí hạt nhân, quá cảnh. Cần chỉnh lý theo hướng Luật này không thay thế quy định về an ninh, an toàn hàng không, mà chỉ bổ sung căn cứ phối hợp, cảnh báo và kiểm soát đặc thù khi hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 16 và các quy định có liên quan của dự thảo Luật về biện pháp ngăn chặn, phản ứng khẩn cấp, phối hợp xử lý tình huống có nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.	4. Luật Tình trạng khẩn cấp số 104/2025/QH15, quy định: "Các biện pháp ứng phó sự cố về môi trường, hóa chất, bức xạ, hạt nhân, năng lượng hoặc các sự cố khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan" (khoản 2 Điều 13).	Nội dung dự thảo Luật tăng cường biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù các hoạt động có nguy cơ dẫn đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là xây dựng khung công cụ kiểm soát pháp lý thống nhất đối với các hoạt động có nguy cơ bị lợi dụng phục vụ phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, trong đó quy định hệ thống biện pháp kiểm soát áp dụng đối với hoạt động có nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; xác lập cơ sở pháp lý cho việc áp dụng biện pháp ngăn chặn kịp thời khi có căn cứ rủi ro, đồng thời quy định trách nhiệm tuân thủ và nghĩa vụ cung cấp, báo cáo thông tin của các chủ thể liên quan. Do vậy, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ Luật Tình trạng khẩn cấp; Luật Phòng bệnh; Luật Hải quan; Luật Thú y và Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật.	Quy định rõ trong dự thảo Luật biện pháp ngăn chặn, phản ứng khẩn cấp, cơ chế phối hợp và căn cứ áp dụng khi phát sinh nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; bảo đảm kết nối với pháp luật về tình trạng khẩn cấp và pháp luật chuyên ngành. Cần làm rõ quan hệ giữa biện pháp phản ứng khẩn cấp của dự thảo Luật với pháp luật về tình trạng khẩn cấp, phòng thủ dân sự, an toàn bức xạ, hạt nhân, hóa chất, sinh học để bảo đảm thống nhất khi tổ chức thi hành.

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 8 đến Điều 16 và các quy định về cảnh báo sớm, phối hợp liên ngành của dự thảo Luật liên quan đến kiểm soát rủi ro sinh học, hóa học, hải quan, kiểm dịch, biên giới và hoạt động có nguy cơ bị lợi dụng.	5. Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15 quy định: - "Dịch bệnh (còn gọi là dịch bệnh truyền nhiễm) là sự xuất hiện bệnh truyền nhiễm với số người mắc bệnh vượt quá số người mắc bệnh dự tính bình thường trong một khoảng thời gian xác định ở một khu vực nhất định" (khoản 12 Điều 2). - Những hành vi bị nghiêm cấm: "Cố ý phát tán, làm lây lan tác nhân gây bệnh truyền nhiễm" (điểm a khoản 8 Điều 8). 6. Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 quy định cấm đầu tư kinh doanh: "Kinh doanh các loại hóa chất, khoáng vật quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Luật này" (điểm b khoản 1 Điều 6) 7. Luật Hải quan năm 2014 quy định: - Kiểm soát hải quan là biện pháp tuần tra, điều tra, xác minh hoặc biện pháp nghiệp vụ khác do cơ quan hải quan áp dụng để phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới và hành vi khác vi phạm pháp luật về hải quan (khoản 11 Điều 4) - Hoạt động giám sát hải quan: "Trong trường hợp bất khả kháng mà không bảo đảm được nguyên trạng hàng hóa, niêm phong hải quan hoặc không vận chuyển hàng hóa theo đúng tuyến đường, lộ trình, thời gian thì sau khi áp dụng các biện pháp cần thiết để hạn chế và ngăn ngừa tổn thất xảy ra phải thông báo ngay với cơ quan hải quan để xử lý; trường hợp không thể thông báo ngay với cơ	Nội dung dự thảo Luật tăng cường biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù các hoạt động có nguy cơ dẫn đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là xây dựng khung công cụ kiểm soát pháp lý thống nhất đối với các hoạt động có nguy cơ bị lợi dụng phục vụ phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, trong đó quy định hệ thống biện pháp kiểm soát áp dụng đối với hoạt động có nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; xác lập cơ sở pháp lý cho việc áp dụng biện pháp ngăn chặn kịp thời khi có căn cứ rủi ro, đồng thời quy định trách nhiệm tuân thủ và nghĩa vụ cung cấp, báo cáo thông tin của các chủ thể liên quan. Do vậy, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ Luật Tình trạng khẩn cấp; Luật Phòng bệnh; Luật Hải quan; Luật Thú y và Luật Bảo vệ và kiểm dịch	Quy định rõ trong dự thảo Luật biện pháp ngăn chặn, phản ứng khẩn cấp, cơ chế phối hợp và căn cứ áp dụng khi phát sinh nguy cơ phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; bảo đảm kết nối với pháp luật về tình trạng khẩn cấp và pháp luật chuyên ngành. Cần làm rõ quan hệ giữa biện pháp phản ứng khẩn cấp của dự thảo Luật với pháp luật về tình trạng khẩn cấp, phòng thủ dân sự, an toàn bức xạ, hạt nhân, hóa chất, sinh học để bảo đảm thống nhất khi tổ chức thi hành.

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	quan hải quan thì tùy theo địa bàn thích hợp thông báo với cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển để xác nhận (khoản 6 Điều 40) - Kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới: "Hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới phải chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan; nơi không có cơ quan hải quan thì chịu sự kiểm tra, giám sát của Bộ đội biên phòng theo quy định của Luật này" (khoản 2 Điều 51). - Trách nhiệm phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới: "... trường hợp có căn cứ xác định hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới, phương tiện vận tải chở hàng hóa buôn lậu, vận chuyển trái phép qua biên giới đang di chuyển từ địa bàn hoạt động hải quan ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan thì cơ quan hải quan tiếp tục truy đuổi, thông báo cho cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường trên địa bàn để phối hợp, đồng thời áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý theo quy định của pháp luật. Việc dừng, truy đuổi phương tiện vận tải nước ngoài đang đi trong vùng biển Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật biển Việt Nam" (khoản 1 Điều 88) 8. Luật Thú y số 79/2015/QH13, được sửa đổi bởi Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật số 146/2025/QH15 - Trách nhiệm quản lý về thú y: "Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nông	thực vật.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	ng nghiệp và Môi trường¹³ trong việc bảo đảm quốc phòng, an ninh liên quan đến phòng, chống dịch bệnh động vật và kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chỉ đạo Bộ đội biên phòng, Cảnh sát biển phối hợp với cơ quan hữu quan phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép động vật, sản phẩm động vật, thuốc thú y qua biên giới (khoản 8 Điều 8) - Các hành vi bị nghiêm cấm: Nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật từ quốc gia, vùng lãnh thổ đang có dịch bệnh nguy hiểm trên loài động vật mắc cảm với bệnh dịch đó (khoản 13 Điều 13) - Mẫu bệnh phẩm không được phép đưa vào Việt Nam hoặc mẫu bệnh phẩm không được bao gói, bảo quản, vận chuyển theo quy định, không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, có nguy cơ phát tán và gây ô nhiễm môi trường phải được tiêu hủy theo quy định của pháp luật về thú y, phòng, chống bệnh truyền nhiễm và bảo vệ môi trường (khoản 3 Điều 52) - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu hoặc cấm xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp sau đây: “Động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu được xác định mang mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, có nguy cơ làm lây lan dịch bệnh đến động vật nuôi trong nước, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người; bị cảnh báo, không đáp ứng các quy định của Việt Nam; ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	xuất khẩu của Việt Nam” (điểm a khoản 1 Điều 61); 9. Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 được sửa đổi bởi Luật số 35/2018/QH14; Luật số 146/2025/QH15 - Trách nhiệm quản lý: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường 13 ban hành quy định về bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong trường hợp bảo đảm quốc phòng và an ninh (điểm e khoản 3 Điều 7) Các hành vi cấm: Phát tán sinh vật gây hại.(khoản 4 Điều 13) - Thuốc bảo vệ thực vật không được đăng ký vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam bao gồm: (i) Thuốc trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam; (ii) Thuốc bảo vệ thực vật có nguy cơ cao ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, vật nuôi, hệ sinh thái, môi trường (điểm a, b khoản 1 Điều 49); Thuốc bảo vệ thực vật bị loại khỏi Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam trong trường hợp sau đây:(i) Có bằng chứng khoa học về thuốc bảo vệ thực vật gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, vật nuôi, hệ sinh thái, môi trường; (ii) Thuốc bảo vệ thực vật hiệu lực thấp đối với sinh vật gây hại;		
Điều 15, Điều 17, Điều 18 và các quy định có liên quan của dự thảo Luật về kiểm	10. Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15, quy định: - "Công nghệ cao là công nghệ có hàm lượng cao về nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tích hợp các thành tựu khoa học tiên tiến, có tính đột phá, tạo ra	Các quy định của dự thảo Luật bảo đảm thống nhất kiểm soát chặt chẽ các hoạt động có nguy cơ liên quan	Bổ sung cơ chế kiểm soát công nghệ lưỡng dụng, trí tuệ nhân tạo, công nghệ cao, dữ liệu kỹ

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
soát chuyên giao công nghệ phi vật thể, hệ thống tuân thủ nội bộ, đánh giá, công nhận và áp dụng chế độ ưu tiên đối với tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ.	sản phẩm, dịch vụ có chất lượng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường (khoản 1 Điều 3). - Các hành vi bị nghiêm cấm: "Lợi dụng hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược để xâm phạm lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; gây hậu quả xấu đến quốc phòng, an ninh, đạo đức xã hội, sức khỏe cộng đồng và môi trường (khoản 1 Điều 10). 11. Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15, quy định: - Điều 3 quy định: (i) Trí tuệ nhân tạo là việc thực hiện bằng điện tử các năng lực trí tuệ của con người, bao gồm học tập, suy luận, nhận thức, phán đoán và hiểu ngôn ngữ tự nhiên (khoản 1); (ii) Người bị ảnh hưởng là tổ chức, cá nhân bị tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, tính mạng, sức khỏe, tài sản, uy tín hoặc cơ hội tiếp cận dịch vụ do việc triển khai hoặc do kết quả đầu ra của hệ thống trí tuệ nhân tạo (khoản 7; (iii) Sự cố nghiêm trọng là sự kiện xảy ra trong hoạt động của hệ thống trí tuệ nhân tạo, gây ra hoặc có nguy cơ gây ra thiệt hại đáng kể đến tính mạng, sức khỏe, quyền con người, tài sản, an ninh mạng, trật tự công cộng, môi trường hoặc làm gián đoạn hoạt động của hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia. - Các hành vi bị nghiêm cấm: "Sử dụng yếu tố giả mạo hoặc mô phỏng người, sự kiện thật để lừa dối hoặc thao túng nhận thức, hành vi của con người một cách có chủ đích và có hệ thống, gây tổn hại nghiêm trọng đến quyền,	đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh hợp pháp trong các lĩnh vực khoa học - công nghệ có liên quan; góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển các ngành công nghệ cao, thiết lập các nguyên tắc, biện pháp phòng ngừa, phát hiện ngăn chặn hành vi phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.	thuật, phần mềm, bí quyết công nghệ theo phương pháp quản lý rủi ro; không cản trở nghiên cứu, đổi mới sáng tạo hợp pháp.

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	lợi ích hợp pháp của con người (điểm b khoản 2 Điều 7). 12. Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, quy định: Các hành vi bị cấm: Cố ý không tuân thủ quy định trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo hoặc cố ý che giấu rủi ro khi thực hiện nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng công nghệ gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài nguyên, môi trường, đa dạng sinh học, sức khỏe cộng đồng (khoản 4 Điều 14).		
Điều 2, Điều 8 đến Điều 16 và Điều 19 của dự thảo Luật về vũ khí hóa học, hóa chất nguy hiểm, danh mục kiểm soát, kiểm soát theo danh mục, ngoài danh mục, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, nghĩa vụ cung cấp, báo cáo và lưu giữ thông tin.	13. Luật Hóa chất số 69/2025/QH15, quy định: - Hóa chất nguy hiểm là hóa chất gây hại cho con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường và có ít nhất một đặc tính nguy hiểm theo nguyên tắc phân loại do Thủ trưởng cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước ở trung ương về hóa chất (sau đây gọi chung là Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về hóa chất) quy định; (ii) Chất độc là hóa chất mà thông qua tác động hóa học của nó lên các quá trình sống có thể gây tử vong, mất năng lực tạm thời hoặc gây tổn thương vĩnh viễn cho con người, theo các tiêu chí cụ thể do Chính phủ quy định; (iii) Sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm là sản phẩm, hàng hóa trong điều kiện sử dụng hợp lý và đúng mục đích vẫn tiềm ẩn khả năng gây hại cho con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường do thành phần hóa học trong sản phẩm, hàng hóa (các khoản 4, 5 và 6 Điều 2).	Luật Hóa chất quy định về Hóa chất nguy hiểm; chất độc; sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm; quy định các hành vi bị nghiêm cấm và phạm vi, yêu cầu đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, hóa chất cấm. Luật Hóa chất chưa quy định về hóa chất sử dụng chế tạo vũ khí hủy diệt hàng loạt là vũ khí hóa học.	Tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát, trong đó: Bổ sung giải thích từ ngữ về vũ khí hóa học; hóa chất băng; chất chống bạo loạn; cơ quan xác định vũ khí hủy diệt hàng loạt; chế độ kiểm soát hóa chất bảo đảm kiểm soát phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	- Các hành vi bị nghiêm cấm: (i) Không cung cấp hoặc cố ý cung cấp không đầy đủ, không kịp thời, sai lệch thông tin về đặc tính nguy hiểm của hóa chất; sản phẩm, hàng hóa chứa hóa chất nguy hiểm; việc mất, thất thoát hóa chất nguy hiểm; sự cố hóa chất; (ii) Sản xuất, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa có hàm lượng hóa chất nguy hiểm không tuân thủ quy định của Luật này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường; (iii) Sản xuất, kinh doanh, sử dụng hóa chất làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường; xâm phạm an ninh quốc gia, an ninh hóa chất, trật tự, an toàn xã hội; quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân (các khoản 3, 5 và 7 Điều 3). - Phạm vi, yêu cầu đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, hóa chất cấm: (1) Phạm vi, yêu cầu đối với hóa chất có điều kiện được quy định như sau: (i) Hóa chất có điều kiện gồm chất và hỗn hợp chất nguy hiểm thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện do Chính phủ ban hành; (ii) Hoạt động hóa chất đối với hóa chất có điều kiện phải tuân thủ quy định về an toàn, bảo vệ môi trường quy định tại Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.; (2) Phạm vi, yêu cầu đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được quy định như sau: (i) Hóa chất cần kiểm soát đặc biệt gồm chất và hỗn hợp chất nguy hiểm thuộc Danh mục hóa chất cần kiểm soát đặc biệt do Chính phủ ban hành, gồm: hóa chất thuộc đối tượng kiểm soát để thực thi điều ước quốc tế		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	về hóa chất mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; hóa chất có khả năng gây hại đến quốc phòng, an ninh, an toàn xã hội, con người, cơ sở vật chất, tài sản, môi trường; (ii) Hoạt động hóa chất đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải tuân thủ quy định về an toàn, bảo vệ môi trường quy định tại Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; có lĩnh vực, loại hình, quy mô, thời hạn phù hợp với giấy phép sản xuất, kinh doanh; được kiểm soát về mục đích sử dụng; (iii) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tồn trữ, vận chuyển, sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt có nghĩa vụ kiểm soát nghiêm ngặt số lượng; phòng, chống thất thoát, sự cố hóa chất; tuân thủ điều ước quốc tế về hóa chất mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; (3) Phạm vi, yêu cầu đối với hóa chất cấm được quy định như sau: (i) Hóa chất cấm là hóa chất nguy hiểm được quy định tại Danh mục hóa chất, khoáng vật cấm ban hành theo quy định của Luật Đầu tư; (ii) Tổ chức, cá nhân không được thực hiện hoạt động hóa chất đối với hóa chất cấm, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này; (iii) Tổ chức được phép sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, vận chuyển, tồn trữ hóa chất cấm theo mục đích quy định tại Luật Đầu tư, Luật Quản lý ngoại thương và luật khác có liên quan; được phép xuất khẩu hóa chất cấm trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 12 của Luật này; (iv) Tổ chức sản xuất, nhập khẩu, sử dụng, tồn trữ hóa chất cấm phải lập sổ theo dõi theo quy định của Bộ, cơ quan ngang Bộ; quản lý nghiêm ngặt số lượng, bảo		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	đảm không để xảy ra thất thoát, sự cố hóa chất; (v) Tổ chức, cá nhân không được tạm nhập, tái xuất, tạm xuất, tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh hóa chất cấm (Điều 9). - Khoản 3 Điều 12 quy định các trường hợp được xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt bao gồm: (i) Tổ chức sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được xuất khẩu hóa chất do chính tổ chức đó sản xuất theo Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và Giấy phép xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt; (ii) Tổ chức kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất theo Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và Giấy phép xuất khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, Giấy phép nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt để phục vụ mục đích kinh doanh; (iii) Tổ chức, cá nhân sử dụng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt đã thực hiện công bố loại hóa chất và mục đích sử dụng hóa chất trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất được nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo Giấy phép nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt để phục vụ mục đích sử dụng của tổ chức, cá nhân đó. - Điều 13 quy định vận chuyển hóa chất: (i) Tổ chức, cá nhân vận chuyển hóa chất nguy hiểm phải tuân thủ các quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm của pháp luật về đường bộ, trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt, hàng không, hàng hải; yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này, Điều 33, điểm c khoản 1 Điều 38 của Luật này và quy định khác của pháp		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	luật có liên quan. Khi xảy ra sự cố, tổ chức, cá nhân vận chuyển hóa chất nguy hiểm phải thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân và Ban chỉ huy phòng thủ dân sự nơi gần nhất (khoản 2); (ii) Hoạt động vận chuyển hóa chất cần kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 9 của Luật này (khoản 3).		
Các quy định của dự thảo Luật về kiểm soát tài trợ phổ biến, giao dịch đáng ngờ, danh sách đối tượng bị chỉ định, phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch, trách nhiệm của tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân có liên quan và chia sẻ thông tin theo pháp luật về phòng, chống rửa tiền.	14. Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15, quy định: - Khoản 2 Điều 1 quy định: "Việc phòng, chống hành vi rửa tiền của tổ chức, cá nhân có mục đích tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt được thực hiện theo quy định của Luật này, quy định của pháp luật hình sự và pháp luật về phòng, chống khủng bố, phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt". - Khoản 2 Điều 35 quy định: "Cơ quan hải quan, bộ đội biên phòng có trách nhiệm thu thập, lưu trữ các thông tin khai báo quy định tại khoản 1 Điều này và cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi có yêu cầu hoặc khi có nghi ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt". - Khoản 3 Điều 47 quy định: "Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong công tác phòng, chống rửa tiền; chỉ đạo việc phối hợp công tác phòng, chống rửa tiền và công tác phòng, chống tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy	Luật Phòng, chống rửa tiền quy định hành vi rửa tiền của tổ chức, cá nhân có mục đích tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; trách nhiệm của các cơ quan liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Qua rà soát, Luật Phòng, chống rửa tiền chỉ quy định đầy đủ về vũ khí hủy diệt hàng loạt và các biện pháp phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Do vậy, nội dung dự thảo Luật về tăng cường biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù các hoạt	Hoàn thiện pháp lý về chống rửa tiền tài trợ phòng, chống vũ khí hủy diệt hàng loạt, trong đó: Bổ sung làm rõ về: Tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; Dịch vụ tài chính hoặc các dịch vụ liên quan khác; nguồn tài chính cho phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; phát hiện tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tiếp nhận, xử lý tin báo về tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và Chính phủ phân công trách nhiệm quản lý theo lĩnh

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	diệt hàng loạt". - Điều 50 quy định trách nhiệm của Bộ Quốc phòng: (i) Trao đổi thông tin, tài liệu về hoạt động rửa tiền nhằm tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong nước và nước ngoài với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (khoản 1); (ii) Chủ trì lập danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định có liên quan đến phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (khoản 2).	động có nguy cơ dẫn đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; hoàn thiện cơ chế tổ chức thực thi, nguồn lực phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt nhằm hỗ trợ, tăng cường phối hợp kiểm soát phòng, chống rửa tiền có nguy cơ tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.	vực và thiết lập nguyên tắc phối hợp, thanh tra, kiểm tra và giám sát. Đối với tài trợ phổ biến, dự thảo Luật cần quy định nguyên tắc, căn cứ, phạm vi kiểm soát, trừng phạt tài chính mục tiêu, phong tỏa không chậm trễ; nghĩa vụ nhận biết, báo cáo giao dịch đáng ngờ tiếp tục thực hiện theo pháp luật về phòng, chống rửa tiền.
Điều 6, Điều 16 và các quy định về kiểm soát tài trợ phổ biến, trừng phạt tài chính mục tiêu, hợp tác quốc tế, phối hợp phòng, chống khủng bố có liên quan đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.	15. Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH13, quy định: - Điểm c khoản 1 Điều 3 quy định: "Hướng dẫn chế tạo, sản xuất, sử dụng hoặc chế tạo, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán vũ khí, vật liệu nổ, chất phóng xạ, chất độc, chất cháy và các công cụ, phương tiện khác nhằm phục vụ cho việc thực hiện hành vi quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này". - Điểm b khoản 2 Điều 21 quy định: "Quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ". - Điều 30 quy định biện pháp chống khủng bố: (i) Bao	Luật Phòng, chống khủng bố chưa quy định về các hành vi khủng bố sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt, cũng như các vấn đề liên quan đến phòng, chống khủng bố sử dụng VKHHDHL; do đó, các chính sách về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt nhằm xây dựng khung công cụ kiểm soát hoạt động có nguy cơ bị lợi dụng phục vụ phổ biến vũ khí hủy diệt	Hoàn thiện pháp lý, trong đó bổ sung hành vi liên quan đến phát triển, sản xuất, chế tạo, tàng trữ, chuyển giao vũ khí hủy diệt hàng loạt, biện pháp kiểm soát vũ khí hủy diệt hàng loạt

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	vây, truy tìm, khống chế, bắt giữ đối tượng khủng bố; vô hiệu hóa vũ khí, công cụ, phương tiện sử dụng để thực hiện khủng bố (điểm d khoản 2); (ii) Tấn công, tiêu diệt đối tượng khủng bố, phá hủy vũ khí, công cụ, phương tiện đang được sử dụng để khủng bố (điểm d khoản 2).	hàng loạt, không mâu thuẫn với Luật Phòng, chống khủng bố	
Điều 2, Điều 8 đến Điều 16 của dự thảo Luật về vật liệu hạt nhân, vật liệu phóng xạ, thiết bị, công nghệ hạt nhân, danh mục kiểm soát, kiểm soát theo rủi ro và phản ứng khẩn cấp.	16. Luật Năng lượng nguyên tử số 94/2025/QH15, quy định: - Điều 4 quy định: (i) An toàn bức xạ là việc thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn nguồn bức xạ, chống lại tác hại của bức xạ, ngăn ngừa sự cố hoặc giảm thiểu hậu quả của chiếu xạ đối với con người, môi trường (khoản 1); (ii) An toàn hạt nhân là việc thực hiện biện pháp bảo đảm tuân thủ điều kiện vận hành, ngăn ngừa sự cố hoặc giảm thiểu hậu quả sự cố do thiết bị hạt nhân, vật liệu hạt nhân gây ra cho con người, môi trường (khoản 3). - Khoản 1 Điều 9 quy định: "Lợi dụng, lạm dụng hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử để xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, can thiệp vào công việc nội bộ, đe dọa an ninh và lợi ích quốc gia; xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, gây tổn hại cho sức khỏe, tính mạng con người, môi trường". - Điều 19 quy định yêu cầu về an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân: (i) Báo cáo ngay cho một trong các cơ quan sau: cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ	Luật Năng lượng nguyên tử quy định an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân; hành vi lợi dụng, lạm dụng hoạt động trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử để xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; đe dọa an ninh và lợi ích quốc gia; xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, gây tổn hại cho sức khỏe, tính mạng con người, môi trường và yêu cầu về an ninh nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân mà chưa đề cập đến vấn đề về sử dụng phóng xạ để chế tạo vũ khí hủy diệt hàng loạt. Do vậy, thiết lập các chính sách về tăng cường biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù các hoạt động có nguy cơ dẫn đến	Hoàn thiện pháp lý, bổ sung giải thích làm rõ về Cơ sở hạt nhân; quy định ngăn ngừa và chống phổ biến vũ khí hạt nhân và phóng xạ nhằm, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	khí hủy diệt hàng loạt, cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, cơ quan công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất (điểm a khoản 3); (ii) Tổ chức, cá nhân phát hiện nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân bị thất lạc, bị chiếm đoạt, bị phá hoại, bị bỏ rơi, bị chuyển giao bất hợp pháp, chưa được khai báo phải báo ngay cho một trong các cơ quan sau: cơ quan an toàn bức xạ và hạt nhân quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, cơ quan công an, Ủy ban nhân dân nơi gần nhất (khoản 4). - Khoản 1 Điều 28 quy định: "Tổ chức, cá nhân khi vận chuyển vật liệu phóng xạ phải lập và thực hiện kế hoạch bảo đảm an toàn, an ninh và kế hoạch ứng phó sự cố trong vận chuyển vật liệu phóng xạ". - Điểm a khoản 3 Điều 36 về quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng và nhiên liệu hạt nhân đã qua sử dụng phải tuân thủ quy định: "Bảo vệ con người và môi trường khỏi các nguy hại phóng xạ, các nguy hại khác và không tạo gánh nặng cho thế hệ tương lai".	phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; cơ chế tổ chức thực thi, nguồn lực phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là cần thiết; bảo đảm không mâu thuẫn với Luật Năng lượng nguyên tử.	
Điều 6, Điều 9 đến Điều 16 của dự thảo Luật về cấm, quản lý, kiểm soát vật liệu,	17. Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 quy định về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; nguyên tắc, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân	Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ chưa quy định về vũ khí hủy diệt hàng loạt, các thành phần	Hoàn thiện pháp lý, trong đó bổ sung quy định về khái niệm vũ khí hủy diệt hàng loạt, cơ quan xác

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
thiết bị, công nghệ, phương tiện có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.	trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền con người, quyền công dân và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. - Khoản 1 Điều 2 quy định: “Vũ khí là thiết bị, phương tiện hoặc tổ hợp những thiết bị, phương tiện được chế tạo, sản xuất có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe con người, phá hủy kết cấu vật chất, bao gồm: vũ khí quân dụng, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, súng săn”. - Điểm a khoản 1 Điều 2 quy định: “Súng bắn điện, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, từ trường, laze, lưới; súng phóng dây mìn; súng bắn đạn nhựa, nổ, cao su, hơi cay, pháo hiệu, hiệu lệnh, đánh dấu và đạn sử dụng cho các loại súng này; phương tiện xịt hơi cay, hơi ngạt, chất độc, chất gây mê, chất gây ngứa; lựu đạn khói, lựu đạn cay, quả nổ; dùi cui điện, dùi cui cao su, dùi cui kim loại; khóa số tám, bàn chông, dây đinh gai; áo giáp; găng tay điện, găng tay bắt dao; lá chắn, mũ chống đạn; thiết bị áp chế bằng âm thanh; ghê thăm vắn đối tượng đặc biệt thuộc danh mục do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành”. 18. Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; được sửa đổi bởi Luật số 12/2017/QH14; Luật số 86/2025/QH15 quy định: - Tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân: Cưỡng ép, lôi kéo, tuyển mộ, đào tạo, huấn luyện phần tử khủng bố; chế tạo, cung cấp vũ khí cho phần tử	tiền chất, vật liệu liên quan để tạo ra vũ khí hủy diệt hàng loạt, cũng như các quy định liên quan đến phòng, chống vũ khí hủy diệt hàng loạt, trong đó, thiết kế nội dung về nguyên tắc áp dụng, công tác phối hợp kiểm soát vừa kế thừa, vừa lồng ghép các cơ chế, quy định hiện hành; bảo đảm không mâu thuẫn với Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Bộ luật Hình sự; Luật Xử lý vi phạm hành chính.	định là vũ khí hủy diệt hàng loạt, cơ chế kiểm soát phòng, chống vũ khí hủy diệt hàng loạt

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	khủng bố; (điểm b khoản 2 Điều 113) - Tội chống loài người: Người nào trong thời bình hay trong chiến tranh mà thực hiện hành vi tiêu diệt hàng loạt dân cư của một khu vực, phá hủy nguồn sống, phá hoại cuộc sống văn hóa, tinh thần của một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ độc lập, có chủ quyền, làm đảo lộn nền tảng của một xã hội nhằm phá hoại xã hội đó hoặc thực hiện hành vi diệt chủng khác hoặc thực hiện hành vi diệt sinh, diệt môi trường tự nhiên, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình (khoản 1 Điều 422). 19. Luật Xử lý vi phạm hành chính 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Hải quan số 54/2014/QH13, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 88/2025/QH15, quy định: - Biện pháp khắc phục hậu quả: (i) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; (điểm c khoản 1 Điều 28); (ii) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại; (điểm d khoản 1 Điều 28); - Khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh: “Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải thực hiện biện pháp để khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện” Điều 31.		

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	- Điều 32. Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện. - Điều 33. Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại hoặc tang vật khác thuộc đối tượng bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật; nếu cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không tự nguyện thực hiện thì bị cưỡng chế thực hiện.		
Điều 10, Điều 13, Điều 16 và các quy định về phối hợp liên ngành, cảnh báo sớm, xử lý nguy cơ tại khu vực biên giới, cửa khẩu, lối mở biên giới.	20. Luật Biên phòng Việt Nam số 66/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung Luật số 98/2025/QH15, quy định: - Nhiệm vụ biên phòng: "Xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân trong nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng khu vực phòng thủ cấp tỉnh, phòng thủ khu vực biên giới, phòng thủ dân sự; phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn ở khu vực biên giới" (khoản 5 Điều 5). - Phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng: "Tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý các tình huống về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật; phòng, chống, ứng phó, khắc	Luật Biên phòng Việt Nam quy định về nhiệm vụ biên phòng; cơ chế thực thi nhiệm vụ biên phòng; hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai biên giới, khu vực biên giới, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền; hợp tác quốc tế về biên phòng. Do đó, các chính sách nhằm thiết lập quy định về nguyên tắc để tăng cường kiểm soát buôn bán, vận chuyển hàng hóa trái phép	Hoàn thiện pháp lý, trong đó quy định về kiểm soát biên giới, quy định việc thực hiện Nghị quyết ; trách nhiệm các bộ, ngành có liên quan

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	phục sự cố, thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn ở khu vực biên giới, cửa khẩu" (điểm b khoản 3 Điều 10). - Hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai biên giới, khu vực biên giới, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền: "Ngăn chặn thiên tai, hòa hoãn, lũ lụt, dịch bệnh lan truyền qua biên giới" (điểm c khoản 1 Điều 11). - Hợp tác quốc tế về biên phòng: (i) Đàm phán, giải quyết các vấn đề, vụ việc về biên giới, cửa khẩu; tuần tra biên giới; kiểm soát xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu, qua lại biên giới theo quy định của pháp luật; phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật; (ii) Phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn (các điểm c, d khoản 1 Điều 12). - Điểm b khoản 1 Điều 19 quy định: "Quản lý, bảo vệ biên giới tăng cường được áp dụng khi có sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội quan trọng diễn ra ở khu vực biên giới, cửa khẩu, hai bên biên giới; tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội một số địa bàn ở khu vực biên giới diễn biến phức tạp; địa bàn ngoại biên, khu vực biên giới đang tiến hành diễn tập quân sự, an ninh, trật tự, xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn hoặc đang tiến hành hoạt động truy bắt tội phạm mà đối tượng phạm tội có thể vượt qua biên giới; khi lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới của nước có chung đường biên giới đề nghị".	qua biên giới nhằm phòng ngừa phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, cơ chế hợp tác quốc tế với các nước chung biên giới, bảo đảm thống nhất với Luật Biên phòng Việt Nam.	

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 10, Điều 13, Điều 16 và các quy định về phối hợp thực hiện, hợp tác quốc tế, kiểm soát hoạt động trên biển có nguy cơ phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.	21. Luật Cảnh sát biển Việt Nam số 33/2018/QH14, quy định: - Nhiệm vụ của Cảnh sát biển Việt Nam: "Đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn trên biển; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn và tham gia khắc phục sự cố môi trường biển" (khoản 3 Điều 8). - Hợp tác quốc tế của cảnh sát biển: (i) Phòng, chống tội phạm ma túy, mua bán người, mua bán vũ khí trái phép, khủng bố, hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh bất hợp pháp, buôn bán, vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới, khai thác hải sản bất hợp pháp và tội phạm, vi phạm pháp luật khác trên biển trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát biển Việt Nam; (ii) Phòng, chống ô nhiễm và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường biển; kiểm soát bảo tồn các nguồn tài nguyên biển; bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái biển; phòng, chống, cảnh báo thiên tai; hỗ trợ nhân đạo, ứng phó thảm họa; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn trên biển trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát biển Việt Nam (khoản 2, 3 Điều 20). - Công tác phối hợp: (i) "Bảo vệ tài nguyên, môi trường biển; bảo vệ tài sản của Nhà nước, tổ chức, cá nhân; tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của cá nhân hoạt động hợp pháp trên biển; (ii) Phòng, chống thiên tai; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn và ứng phó, khắc phục sự cố môi	Luật Cảnh sát biển Việt Nam quy định việc đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn trên biển; hợp tác quốc tế của cảnh sát biển; phòng, chống tội phạm ma túy, mua bán người, mua bán vũ khí trái phép, khủng bố, hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh bất hợp pháp, buôn bán, vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới ...do đó, nội dung các chính sách biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù các hoạt động có nguy cơ dẫn đến phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; cơ chế tổ chức thực thi, nguồn lực phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt nhằm thiết lập quy định về nguyên tắc để tăng cường kiểm soát buôn bán, vận chuyển hàng hóa trái phép trên biển về phòng ngừa phổ biến vũ khí hủy diệt hàng	Hoàn thiện pháp lý, trong đó quy định về kiểm soát cảng biển, đường hàng hải, đường thủy nội địa của Việt Nam., cấp phép hàng hóa lưỡng dụng, trách nhiệm của các cơ quan liên quan

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	trường biên (các khoản 3, 5 Điều 24).	loạt; bảo đảm phù hợp với các quy định Luật Cảnh sát biển Việt Nam.	
Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 16 và Điều 19 của dự thảo Luật về danh mục kiểm soát, hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh, trung chuyển, chuyển tải, cung ứng dịch vụ, xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng và nghĩa vụ tuân thủ.	22. Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 quy định: - Biện pháp cấm xuất khẩu khi hàng hóa thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Liên quan đến quốc phòng, an ninh chưa được phép xuất khẩu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (ii) Theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. (điểm a, c khoản 1 Điều 9). - Biện pháp cấm nhập khẩu khi hàng hóa thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Liên quan đến quốc phòng, an ninh chưa được phép nhập khẩu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; (ii) Gây nguy hại đến sức khỏe, an toàn của người tiêu dùng; (iii) Gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục; (iv) Gây nguy hại đến môi trường, đa dạng sinh học, có nguy cơ cao mang theo sinh vật gây hại, đe dọa an ninh lương thực, nền sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; (v) Theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. (khoản 2 Điều 9). - Cấm kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu đối với hàng hóa thuộc các trường hợp sau đây: (i) Hàng hóa là chất thải nguy hại, phế liệu, phế thải; (ii) Hàng hóa có	Luật Quản lý ngoại thương quy định biện pháp cấm xuất khẩu; biện pháp cấm nhập khẩu; cấm kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu chưa quy định hàng hóa lưỡng dụng có nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, do đó, nội dung dự thảo Luật được xây dựng khung công cụ kiểm soát pháp lý đối với hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa có nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; bảo đảm tăng cường kiểm soát hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa lưỡng dụng bất hợp pháp; xây dựng cơ chế phối hợp kiểm soát, phòng ngừa vũ khí hủy diệt hàng loạt và thống nhất với Luật Quản lý ngoại thương.	Hoàn thiện pháp lý, trong đó, bổ sung về giải thích hàng hóa lưỡng dụng, cơ quan cấp phép hàng hóa lưỡng dụng; danh mục hàng hóa lưỡng dụng

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, dịch bệnh, ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng con người (điểm a, d khoản 1 Điều 40). - Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là đối tượng phải kiểm tra: "Hàng hóa có tiềm ẩn khả năng gây mất an toàn hoặc hàng hóa có khả năng gây mất an toàn theo thông tin cảnh báo từ các tổ chức quốc tế, khu vực, nước ngoài (điểm b khoản 1 Điều 65).		
Điều 2, Điều 9, Điều 10, Điều 13 và Điều 16 của dự thảo Luật về vật liệu hạt nhân, cơ sở hạt nhân, bảo vệ thực thể, an ninh hạt nhân, kiểm soát theo danh mục, ngoài danh mục và phản ứng khẩn cấp.	23. Nghị định số 316/2025/NĐ-CP ngày 10/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Năng lượng nguyên tử về nhà máy điện hạt nhân, lò phản ứng hạt nhân nghiên cứu. - Bảo vệ thực thể là các biện pháp kỹ thuật, hành chính được áp dụng để ngăn ngừa, phát hiện, trì hoãn và ứng phó đối với các hành vi chiếm đoạt trái phép, tiếp cận trái phép hoặc phá hoại cơ sở hạt nhân, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân và các đối tượng được bảo vệ khác, nhằm bảo đảm an ninh hạt nhân (khoản 10 Điều 3). - Việc vận hành nhà máy điện hạt nhân phải bảo đảm an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân, an ninh hạt nhân và bảo vệ môi trường là ưu tiên hàng đầu; bảo đảm lợi ích của hoạt động vận hành lớn hơn các rủi ro tiềm ẩn đối với con người, xã hội và môi trường (khoản 1 Điều 35).	Bảo đảm phù hợp, thống nhất	Bảo đảm liên thông với pháp luật năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ, an ninh hạt nhân; bổ sung cơ chế báo cáo, cảnh báo, kiểm soát vật liệu hạt nhân, nguồn phóng xạ, thiết bị, công nghệ, dịch vụ liên quan theo rủi ro.
Điều 9 và các quy định có liên quan của dự thảo Luật về danh mục	24. Nghị định số 24/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định danh mục hóa chất thuộc phạm vi	Bảo đảm phù hợp, thống nhất	Bảo đảm thống nhất với danh mục hóa chất chuyên ngành; quy định

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
kiểm soát, kế thừa danh mục hóa chất chuyên ngành, phân loại mức độ rủi ro và cập nhật, công bố, khai thác danh mục.	điều chỉnh của Luật Hóa chất quy định: "Danh mục hóa chất cơ bản thuộc lĩnh vực công nghiệp hóa chất trọng điểm (Phụ lục I); Danh mục hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện (Phụ lục II); Danh mục hoá chất cần kiểm soát đặc biệt (Phụ lục III); Danh mục hóa chất phải xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (Phụ lục IV) (Điều 3).		danh mục kiểm soát về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo hướng kế thừa, lồng ghép, không làm phát sinh danh mục, thủ tục trùng lặp.
Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 16 của dự thảo Luật về biện pháp quản lý, kiểm soát đối với hoạt động thuộc diện kiểm soát, kiểm soát hóa chất theo danh mục, ngoài danh mục, xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng và phản ứng khẩn cấp.	25. Nghị định số 26/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về quản lý hoạt động hóa chất và hóa chất nguy hiểm trong sản phẩm, hàng hóa - Điều kiện chung về đảm bảo an toàn trong sản xuất hóa chất (Điều 4) - Điều kiện chung về đảm bảo an toàn trong kinh doanh hóa chất (Điều 5) - Điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện (Điều 7) - Điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện (Điều 8) - Xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất có điều kiện (Điều 10) - Điều kiện sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt (Điều 11) - Điều kiện kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt (Điều 12) - Điều kiện sản xuất hóa chất cấm (Điều 16) - Xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cấm (Điều 18)	Bảo đảm phù hợp, thống nhất	Kế thừa điều kiện sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, quản lý hóa chất nguy hiểm; bổ sung cơ chế kiểm soát đặc thù khi có căn cứ rủi ro về phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Điều 2, Điều 6, Điều 9, Điều 13, Điều 14 và Điều 16 của dự thảo Luật về vũ khí hóa học, hóa chất độc, tiền chất, hàng hóa lưỡng dụng, danh mục kiểm soát, kiểm soát ngoài danh mục và nghĩa vụ tuân thủ Công ước CWC.	26. Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/3/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hoá học - Vũ khí hoá học được định nghĩa theo Công ước cấm vũ khí hoá học bao gồm các loại sau đây, riêng biệt hoặc trong tổ hợp: (i) Các hóa chất độc và tiền chất của chúng, trừ trường hợp được sử dụng cho những mục đích không bị cấm theo Công ước cấm vũ khí hóa học với số lượng và chủng loại phù hợp với các mục đích đó; (ii) Dạn được và thiết bị được thiết kế chuyên biệt để gây tử vong hoặc gây tác hại khác thông qua độc tính của các hoá chất độc nêu tại điểm a khoản này. Độc tính của các hóa chất có thể phát sinh khi sử dụng các loại đạn dược và/hoặc thiết bị này (điểm a, b khoản 1 Điều 4). - Hóa chất độc được định nghĩa theo Công ước cấm vũ khí hóa học là bất kỳ hóa chất nào, thông qua phản ứng hóa học của hóa chất đó lên quá trình sống, có thể gây tử vong, tê liệt tạm thời hoặc tác hại lâu dài đối với con người và động vật. Khái niệm này được áp dụng cho tất cả các loại hóa chất có đặc tính nêu trên, không phân biệt nguồn gốc, phương pháp sản xuất và cơ sở sản xuất, kể cả quân sự hoặc phi quân sự (khoản 2 Điều 4).	Bảo đảm phù hợp, thống nhất	Kết nối quy định thực hiện Công ước Cấm vũ khí hóa học với cơ chế quản lý rủi ro, danh mục kiểm soát, chia sẻ dữ liệu, phối hợp liên ngành và hợp tác quốc tế trong dự thảo Luật.
Điều 10, Điều 13, Điều 14 và Điều 16 của dự thảo Luật về hoạt động xuất khẩu,	27. Nghị định số 89/2018/NĐ-CP ngày 25/6/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới. - Hàng hóa thuộc diện kiểm dịch y tế là các sản phẩm hữu	Bảo đảm phù hợp, thống nhất	Bảo đảm thống nhất với kiểm dịch y tế biên giới; bổ sung nguyên tắc chia sẻ thông tin, cảnh báo

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
nhập khẩu, quá cảnh, vận chuyển mẫu, tác nhân sinh học, xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng và xử lý nguy cơ khẩn cấp tại cửa khẩu.	hình có khả năng mang tác nhân gây bệnh, mang trung gian truyền bệnh truyền nhiễm được nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh qua cửa khẩu kể cả bưu phẩm, bưu kiện, hàng tiêu dùng trên phương tiện vận tải (khoản 1 Điều 2) - Mẫu vi sinh y học là các mẫu máu, huyết thanh, huyết tương, nước tiểu, phân, dịch tiết cơ thể người và các mẫu khác từ người có chứa chất lây nhiễm, các chủng vi sinh vật có khả năng gây bệnh cho người (khoản 3 Điều 2)		sớm, phối hợp kiểm soát mẫu bệnh phẩm, tác nhân sinh học, độc tố khi có nguy cơ phổ biến vũ khí sinh học.
Các quy định của dự thảo Luật về kiểm soát tài trợ phổ biến, giao dịch đáng ngờ, danh sách đối tượng bị chỉ định, phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch, trách nhiệm của tổ chức tài chính và chia sẻ thông tin với cơ quan có thẩm quyền.	28. Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền Căn cứ đề nghị ngờ hoặc phát hiện các bên liên quan tới giao dịch thuộc Danh sách đen để trì hoãn giao dịch khi thuộc một trong các trường hợp sau: (i) Cá nhân liên quan tới giao dịch có một trong các nhóm thông tin: họ và tên, ngày, tháng, năm sinh hoặc họ và tên, năm sinh, quốc tịch hoặc họ và tên, địa chỉ hoặc tên và địa chỉ hoặc tên và số Hộ chiếu hoặc tên và số Chứng minh nhân dân, số Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân trùng khớp với thông tin của cá nhân thuộc Danh sách đen và trên cơ sở các thông tin thu thập được tin rằng cá nhân đó liên quan tới khủng bố, tài trợ khủng bố, phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; (ii) Tổ chức liên quan tới giao dịch có một trong các thông tin: tên giao dịch, số giấy phép thành lập, mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế trùng khớp với thông tin của tổ chức thuộc Danh sách đen và trên cơ sở các thông tin thu thập được tin rằng tổ chức đó liên quan	Bảo đảm phù hợp, thống nhất	Bảo đảm thống nhất với cơ chế trì hoãn giao dịch, nhận diện đối tượng thuộc Danh sách đen; bổ sung cơ chế danh sách đối tượng bị chỉ định, phong tỏa không chậm trễ, hạn chế giao dịch và bảo vệ bên thứ ba ngay tình. Cần chỉnh lý quy định về danh sách đối tượng bị chỉ định, cơ chế cập nhật, thông báo, phong tỏa, giải tỏa, bảo vệ bên thứ ba ngay tình, khiếu nại, khởi kiện và bồi thường theo quy định của pháp

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo văn bản)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	tới khủng bố, tài trợ khủng bố, phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (khoản 1 Điều 12).		luật.
Các quy định của dự thảo Luật về xử lý vi phạm, trách nhiệm tuân thủ, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.	29. Nghị định số 340/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng. "Vi phạm quy định về phòng, chống rửa tiền; phòng, chống tài trợ khủng bố; phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt" (điểm m khoản 2 Điều 1).	Bảo đảm phù hợp, thống nhất	Giao Chính phủ quy định chi tiết xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực liên quan; bảo đảm thống nhất với nguyên tắc xử lý vi phạm của dự thảo Luật và pháp luật chuyên ngành.
Toàn bộ dự thảo Luật, trọng tâm là các quy định luật hóa từ Nghị định số 81/2019/NĐ-CP về nguyên tắc, biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, kiểm soát, xử lý hành vi phổ biến, tài trợ phổ biến, phối hợp liên ngành, hợp tác quốc tế và bảo đảm nguồn lực.	30. Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Nghị định số 81/2019/NĐ-CP đã tạo cơ sở pháp lý bước đầu cho phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; quy định một số nội dung về nguyên tắc, trách nhiệm, biện pháp phòng, chống phổ biến, phối hợp thực hiện và hợp tác quốc tế.	Qua rà soát, một số quy định của Nghị định không còn đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý hiện nay; nhiều biện pháp trong lĩnh vực này có khả năng tác động trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh nên cần được quy định ở cấp luật để bảo đảm đúng thẩm quyền, có căn cứ áp dụng, phạm vi, trình tự, thủ tục và cơ chế bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.	Kế thừa các nội dung còn phù hợp của Nghị định số 81/2019/NĐ-CP; luật hóa các vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội, nhất là nguyên tắc, căn cứ, biện pháp quản lý, kiểm soát đặc thù, kiểm soát tài trợ phổ biến, trừng phạt tài chính mục tiêu, phối hợp liên ngành, thông tin, dữ liệu, cảnh báo sớm, nguồn lực và trách nhiệm tổ chức thi hành.

3. Điều ước quốc tế, nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc có liên quan đến dự thảo Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (chính sách/dự thảo văn bản tương thích với điều ước quốc tế)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
Chương I của dự thảo Luật về phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ, nguyên tắc phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, hành vi bị nghiêm cấm, hợp tác quốc tế; các quy định đặt nền tảng để thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam theo Nghị quyết số 1540 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và các điều ước quốc tế về không phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.	(1) Nghị quyết số 1540 (2004) của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc xác định việc phổ biến và sở hữu vũ khí hủy diệt hàng loạt bởi chủ thể phi nhà nước là mối đe dọa đối với hòa bình và an ninh quốc tế; yêu cầu tất cả quốc gia không cung cấp bất kỳ hình thức hỗ trợ nào cho chủ thể phi nhà nước trong việc phát triển, thu nhận, chế tạo, sở hữu, vận chuyển, chuyển giao hoặc sử dụng vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học và phương tiện mang. (2) Nghị quyết số 1540 yêu cầu các quốc gia ban hành, thực thi luật phù hợp và hiệu quả để cấm chủ thể phi nhà nước thực hiện các hành vi nêu trên; thiết lập biện pháp kiểm soát trong nước, kiểm soát biên giới, kiểm soát xuất khẩu, tái xuất, quá cảnh, trung chuyển, tài trợ và dịch vụ liên quan. (3) Các điều ước quốc tế về không phổ biến, giải trừ, kiểm soát vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học như NPT, CTBT, CWC, BWC/BTWC, Nghị định thư Geneva năm 1925 đều đặt ra yêu cầu tôn trọng mục đích hòa bình, ngăn ngừa phát triển, sản xuất, tàng trữ, chuyển giao, sử dụng vũ khí hủy diệt hàng loạt.	Nội dung dự thảo Luật thể chế hóa Chính sách I tương thích với nghĩa vụ quốc tế về không hỗ trợ chủ thể phi nhà nước; ban hành và thực thi khuôn khổ pháp luật trong nước; bảo đảm chỉ áp dụng biện pháp hạn chế quyền khi có căn cứ luật định, cần thiết, hợp lý, tương xứng và có cơ chế bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp. Việc quy định nguyên tắc, phạm vi điều chỉnh, hành vi bị nghiêm cấm, hợp tác quốc tế, nguyên tắc áp dụng pháp luật và bảo vệ quyền của tổ chức, cá nhân là cần thiết để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc có trách nhiệm thực hiện.	Chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Luật theo hướng quy định các quy định về nguyên tắc phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; hành vi bị nghiêm cấm; áp dụng điều ước quốc tế; hợp tác quốc tế; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh hợp pháp; bảo vệ bên thứ ba ngay tình và cơ chế khiếu nại, khởi kiện, yêu cầu bồi thường khi biện pháp được áp dụng trái pháp luật. Cần chỉnh lý các điều khoản của dự thảo Luật để bảo đảm nội luật hóa rõ nghĩa vụ không hỗ trợ chủ thể phi nhà nước, phòng

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (chính sách/dự thảo văn bản tương thích với điều ước quốc tế)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
			ngừa, phát hiện, ngăn chặn phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; đồng thời bảo đảm các biện pháp hạn chế quyền có căn cứ trực tiếp trong Luật.
Chương II, Mục 1 của dự thảo Luật về quản lý rủi ro, danh mục kiểm soát, kiểm soát theo danh mục và ngoài danh mục, xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể, biện pháp ngăn chặn, phản ứng khẩn cấp và nghĩa vụ tuân thủ của tổ chức, cá nhân.	- Nghị quyết số 1540 yêu cầu thiết lập, duy trì các biện pháp kiểm soát phù hợp đối với vật liệu liên quan, kiểm soát biên giới, xuất khẩu, tái xuất, quá cảnh, trung chuyển, tài trợ và dịch vụ liên quan; kiểm soát việc cung cấp tài chính, vận chuyển, môi giới và các hình thức hỗ trợ khác. - NPT, CTBT đặt ra nghĩa vụ không phổ biến hạt nhân, không thử hạt nhân và hợp tác kiểm chứng. - CWC yêu cầu cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng vũ khí hóa học; kiểm soát hóa chất độc, tiền chất, khai báo và thanh sát. - BWC/BTWC và Nghị định thư Geneva năm 1925 đặt ra nghĩa vụ cấm vũ khí sinh học, độc tố, vũ khí hóa học, ngăn ngừa sử dụng và phổ biến. - Công ước quốc tế về trấn áp hành vi khủng bố hạt nhân, Công ước về trấn áp hành vi khủng bố bằng bom, Công ước quốc tế về trấn	Nội dung dự thảo Luật thể chế hóa Chính sách 2 tương thích với nghĩa vụ kiểm soát hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ, tài chính và giao dịch có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Pháp luật chuyên ngành hiện đã điều chỉnh một số lĩnh vực như hóa chất, hạt nhân, hải quan, ngoại thương, chuyển giao công nghệ, phòng, chống rửa tiền, phòng, chống khủng bố nhưng chưa có khuôn khổ cấp luật thống nhất về kiểm soát theo danh mục, kiểm soát ngoài danh mục, xác minh người sử dụng cuối cùng, kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể, tài trợ phổ biến và biện pháp ngăn chặn theo rủi ro.	Chính lý, hoàn thiện dự thảo Luật để quy định hệ thống biện pháp quản lý rủi ro, danh mục kiểm soát, hoạt động thuộc diện kiểm soát, kiểm soát theo danh mục và ngoài danh mục, kiểm soát người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể, nghĩa vụ tuân thủ, báo cáo, lưu giữ hồ sơ, tạm dừng, từ chối, hạn chế hoạt động, giao dịch khi có căn cứ rủi ro; đồng thời bảo đảm lồng ghép với pháp

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (chính sách/dự thảo văn bản tương thích với điều ước quốc tế)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
	áp tài trợ khủng bố và Công ước ASEAN về chống khủng bố yêu cầu các quốc gia phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý, hợp tác quốc tế đối với hành vi nguy hiểm liên quan đến vật liệu, thiết bị, tài chính, hỗ trợ khủng bố.		luật chuyên ngành, không tạo thủ tục trùng lặp. Cần chỉnh lý các quy định về danh mục kiểm soát, kiểm soát ngoài danh mục, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, chuyển giao công nghệ phi vật thể, lưu giữ hồ sơ, báo cáo và cơ chế tuân thủ nội bộ theo hướng quản lý rủi ro.
Chương II, Mục 2 và các chương về thông tin, dữ liệu, cảnh báo sớm, phối hợp thực hiện, quản lý nhà nước, kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm, bảo đảm nguồn lực và điều khoản thi hành; trọng tâm là kiểm soát tài trợ phổ biến, trừng phạt tài chính mục tiêu, danh sách đối tượng bị chỉ định, phong tỏa tài sản,	- Công ước về bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân (CPPNM) và Bản sửa đổi CPPNM yêu cầu bảo vệ thực thể vật liệu hạt nhân, cơ sở hạt nhân; hình sự hóa hành vi vi phạm; hợp tác, hỗ trợ trong thu hồi, bảo vệ vật liệu hạt nhân bị mất trộm, cướp, chiếm đoạt bất hợp pháp; phòng ngừa, phát hiện, ứng phó hành vi phá hoại. - Công ước quốc tế về trấn áp hành vi khủng bố hạt nhân yêu cầu hình sự hóa, phòng ngừa, điều tra, truy tố hành vi sử dụng, đe dọa sử dụng vật liệu phóng xạ, thiết bị hạt nhân hoặc phá hoại cơ sở hạt nhân nhằm gây thiệt hại nghiêm trọng.	Nội dung dự thảo Luật thể chế hóa Chính sách 3 tương thích với nghĩa vụ quốc tế về tổ chức thực thi, phối hợp liên ngành, trao đổi thông tin, cảnh báo sớm, hợp tác quốc tế, bảo đảm an ninh, an toàn đối với vật liệu hạt nhân, hóa học, sinh học, phóng xạ; phòng ngừa, phát hiện, xử lý tài trợ phổ biến và thực hiện trừng phạt tài chính mục tiêu. Nội dung này cần được thể hiện ở cấp luật để bảo đảm cơ sở pháp lý cho cơ quan đầu mối quốc gia, cơ chế phối hợp liên ngành, chia sẻ dữ liệu, phong	Hoàn thiện các quy định về kiểm soát tài trợ phổ biến, trừng phạt tài chính mục tiêu, danh sách đối tượng bị chỉ định, phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch, giải tỏa tài sản, bảo vệ bên thứ ba ngay tình; cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu, cảnh báo sớm; cơ quan đầu mối quốc gia; phối hợp liên

QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN	QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN	ĐÁNH GIÁ (chính sách/dự thảo văn bản tương thích với điều ước quốc tế)	ĐỀ XUẤT XỬ LÝ
hạn chế giao dịch và bảo vệ bên thứ ba ngay tình.	- Công ước quốc tế về trấn áp tài trợ khủng bố, Công ước ASEAN về chống khủng bố và các nghị quyết có liên quan của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc yêu cầu phong tỏa, ngăn chặn tài sản, giao dịch, tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin, hợp tác quốc tế. - Hiệp ước Khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân đặt ra yêu cầu hợp tác khu vực, trao đổi thông tin, làm rõ tình huống nghi ngờ vi phạm.	tòa không chậm trễ, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và bảo đảm nguồn lực thi hành.	ngành; hợp tác quốc tế; kiểm tra, thanh tra, giám sát; xử lý vi phạm và bảo đảm nguồn lực thi hành. Cần chỉnh lý quy định về cơ quan đầu mối quốc gia, cơ chế phối hợp liên ngành, trao đổi thông tin, hợp tác quốc tế, cơ sở dữ liệu, cảnh báo sớm, thanh tra, kiểm tra và bảo đảm nguồn lực để bảo đảm khả năng thi hành sau khi Luật được ban hành.

Dự thảo 2
Ngày 21.5.2026

Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2026

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN,
PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM
 BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC
CỦA DỰ ÁN LUẬT PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN
VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Quốc phòng - Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc của dự án Luật Phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (dự án Luật). Kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ

1. Bối cảnh xây dựng dự án Luật

Việc xây dựng dự án Luật được đặt ra trong bối cảnh tình hình quốc tế, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp; nguy cơ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD), vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ có liên quan và tài trợ phổ biến WMD ngày càng đa dạng, tinh vi, có tính xuyên quốc gia, gắn với sự phát triển nhanh của khoa học, công nghệ, thương mại quốc tế, logistics, tài chính, ngân hàng và chuyển giao công nghệ.

Trên bình diện quốc tế, Nghị quyết số 1540 năm 2004 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và các điều ước quốc tế có liên quan đặt ra yêu cầu các quốc gia phải thiết lập khuôn khổ pháp luật và cơ chế kiểm soát trong nước hiệu quả nhằm ngăn chặn việc phổ biến WMD, vật liệu, thiết bị, công nghệ có liên quan, nhất là nguy cơ các chủ thể phi nhà nước tiếp cận, sở hữu, chuyển giao, sử dụng hoặc tài trợ cho hoạt động phổ biến. Đồng thời, các chuẩn mực quốc tế về phòng, chống tài trợ phổ biến WMD cũng đòi hỏi quốc gia phải có cơ chế nhận diện, đánh giá, kiểm soát rủi ro; áp dụng trừng phạt tài chính mục tiêu; phong tỏa, hạn chế, giải tỏa tài sản và kiểm soát giao dịch có nguy cơ theo nguyên tắc kịp thời, hiệu quả, minh bạch và phù hợp với pháp luật.

Ở trong nước, pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đã bước đầu được thiết lập thông qua Nghị định số 81/2019/NĐ-CP ngày 11/11/2019 của Chính phủ về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và các quy định trong pháp luật chuyên ngành về hóa chất, quản lý ngoại thương, hải quan, năng lượng nguyên tử, chuyển giao công nghệ, phòng, chống rửa tiền, phòng, chống khủng bố và các lĩnh vực có liên quan. Các văn bản này đã tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý, kiểm soát theo từng ngành, lĩnh vực; góp phần thực hiện nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam và phục vụ yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Trong đó, Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 đã có quy định về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, bao gồm việc xác định danh sách tổ chức, cá nhân bị chỉ định có liên quan đến phổ biến và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; đồng thời tại Điều 65 quy định việc áp dụng các quy định của Luật này trong phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để kiểm soát rủi ro tài trợ phổ biến trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và các ngành, nghề phi tài chính có liên quan.

Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy hệ thống pháp luật hiện hành còn phân tán, chủ yếu điều chỉnh theo từng lĩnh vực chuyên ngành, chưa hình thành một đạo luật thống nhất điều chỉnh đầy đủ, đồng bộ các nguyên tắc, chính sách, biện pháp và cơ chế phối hợp trong phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến WMD. Một số nội dung có tính đặc thù như quản lý rủi ro quốc gia, kiểm soát theo danh mục và ngoài danh mục, xác minh người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, kiểm soát chuyển giao công nghệ phi vật thể, trừng phạt tài chính mục tiêu, phong tỏa tài sản, cảnh báo sớm, chia sẻ dữ liệu và phối hợp liên ngành chưa được quy định đầy đủ ở cấp luật.

Bên cạnh đó, nhiều biện pháp phòng, chống phổ biến và tài trợ phổ biến WMD có khả năng tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh, quyền tiếp cận thông tin và quyền khiếu nại, khởi kiện. Do đó, những vấn đề về căn cứ áp dụng, nguyên tắc, thẩm quyền, phạm vi, giới hạn, cơ chế rà soát, chấm dứt biện pháp và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể bị tác động cần được quy định ở cấp luật, bảo đảm phù hợp với khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành và đáp ứng yêu cầu kiểm soát quyền lực trong tổ chức thi hành.

Trong bối cảnh Chính phủ đang đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy chuyển đổi số, chia sẻ dữ liệu và quản lý nhà nước theo rủi ro, dự án Luật cần được xây dựng theo hướng quy định khung, mang tính nguyên tắc, ổn định, lâu dài; không thiết lập thủ tục hành chính độc lập nếu yêu cầu quản lý có thể được kế thừa, lồng ghép trong thủ tục hành chính chuyên ngành hiện hành. Trường hợp thật sự cần bổ sung yêu cầu về thông

tin, hồ sơ, xác minh, báo cáo, rà soát hoặc giải tỏa thì phải có căn cứ rui ro rõ ràng, áp dụng có trọng tâm, trọng điểm, không áp dụng đại trà, không làm phát sinh tầng nấc trung gian hoặc gánh nặng tuân thủ không hợp lý cho người dân, doanh nghiệp. Cách tiếp cận này phù hợp với Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026.

Từ yêu cầu nêu trên, việc xây dựng dự án Luật là cần thiết nhằm thiết lập cơ sở pháp lý thống nhất ở cấp luật; thể chế hóa chủ trương bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; bảo đảm thực hiện đầy đủ, có trách nhiệm các cam kết quốc tế của Việt Nam; đồng thời khắc phục tình trạng phân tán, thiếu liên thông trong pháp luật hiện hành. Luật được xây dựng theo hướng quản lý rui ro, phòng ngừa là chính, kiểm soát có trọng tâm, trọng điểm, kết hợp giữa quản lý nhà nước thống nhất với phân công, phối hợp liên ngành và ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

Trên cơ sở đó, việc đánh giá thủ tục hành chính, phân quyền, phân cấp, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới và thực hiện chính sách dân tộc trong dự án Luật được thực hiện nhằm nhận diện đầy đủ các nội dung có khả năng phát sinh yêu cầu quản lý khi tổ chức thi hành Luật; bảo đảm các quy định dự kiến ban hành là cần thiết, hợp pháp, hợp lý, khả thi, không chồng chéo với pháp luật chuyên ngành, không làm phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Mục đích, yêu cầu đánh giá

Việc đánh giá được thực hiện nhằm rà soát sự phù hợp các nội dung có khả năng phát sinh yêu cầu về thủ tục hành chính trong dự thảo Luật; phân tích sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý, chi phí tuân thủ và khả năng tổ chức thực hiện; đồng thời làm rõ yêu cầu về phân quyền, phân cấp, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới và thực hiện chính sách dân tộc trong hồ sơ dự án Luật.

Quá trình đánh giá bảo đảm các yêu cầu: Bám sát mục tiêu chính sách của dự án Luật; tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm tính thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành; lấy quản lý rui ro làm trọng tâm; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và chia sẻ dữ liệu, đơn giản hóa hồ sơ, trình tự, thời hạn giải quyết; hạn chế tối đa việc phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết cho người dân, doanh nghiệp và cơ quan, tổ chức có liên quan.

Việc đánh giá thủ tục hành chính trong dự án Luật không chỉ nhằm nhận diện các yêu cầu có khả năng làm phát sinh thủ tục hành chính, mà còn nhằm xác định khả năng kế thừa, lồng ghép, tích hợp với thủ tục hành chính hiện hành. Trên cơ sở đó, các nội dung có khả năng phát sinh yêu cầu thực hiện được phân loại thành bốn nhóm: (1) Nhóm có thể lồng ghép trực tiếp vào thủ tục hiện hành; (2) Nhóm cần bổ sung tiêu chí rủi ro, cơ chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu trong quá trình thực hiện thủ tục hiện hành; (3) Nhóm thuộc quy trình quản lý nhà nước, phối hợp liên ngành, không phải thủ tục hành chính đối với người dân, doanh nghiệp; (4) Nhóm có tính đặc thù, liên quan trực tiếp đến hạn chế quyền, cần được quy định nguyên tắc tại Luật và giao quy định chi tiết tại văn bản dưới luật.

II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá tác động thủ tục hành chính

a) Nhận diện nội dung có khả năng làm phát sinh yêu cầu về thủ tục hành chính

Dự thảo Luật không quy định trực tiếp thủ tục hành chính độc lập với đầy đủ các yếu tố cấu thành quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. Dự thảo Luật chỉ quy định nguyên tắc, căn cứ áp dụng, thẩm quyền, nhóm biện pháp quản lý, kiểm soát, quyền và nghĩa vụ cơ bản của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Tuy nhiên, do tính chất đặc thù của lĩnh vực phòng, chống phổ biến WMD, một số quy định của dự thảo Luật có thể làm phát sinh yêu cầu mang tính thủ tục trong quá trình tổ chức thi hành, gồm: (1) Yêu cầu cung cấp, bổ sung, xác minh thông tin về hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ, người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, tuyến vận chuyển, bên giao, bên nhận, nước xuất khẩu, nước nhập khẩu, thông số kỹ thuật; (2) Yêu cầu tạm dừng xử lý hồ sơ, tạm dừng thông quan, tạm dừng hoặc từ chối hoạt động, giao dịch để xác minh rủi ro; (3) Yêu cầu rà soát, giải tỏa, chấm dứt biện pháp phong tỏa, hạn chế giao dịch, hạn chế tài sản; (4) Yêu cầu xem xét áp dụng chế độ ưu tiên đối với tổ chức, doanh nghiệp có hệ thống tuân thủ nội bộ; (5) Yêu cầu báo cáo, cung cấp, chia sẻ, cập nhật, khai thác dữ liệu phục vụ đánh giá rủi ro quốc gia, cảnh báo sớm, kiểm soát tài trợ phổ biến WMD và phối hợp liên ngành.

b) Định hướng lồng ghép, tích hợp các yêu cầu có khả năng phát sinh thủ tục hành chính

Qua rà soát, đối chiếu với hệ thống thủ tục hành chính hiện hành có liên quan đến lĩnh vực phòng, chống phổ biến WMD, các yêu cầu dự kiến trong dự thảo Luật không được thiết kế thành thủ tục hành chính độc lập, mà được định hướng lồng ghép, tích hợp vào thủ tục hành chính chuyên ngành hiện hành trong các lĩnh vực hóa chất, hải quan, quản lý ngoại thương, năng lượng nguyên tử,

chuyển giao công nghệ, tài chính, ngân hàng và các lĩnh vực có liên quan. Các yêu cầu này chủ yếu mang tính bổ trợ, được kích hoạt trên cơ sở rủi ro, áp dụng có trọng tâm, trọng điểm, không áp dụng đại trà đối với hoạt động hợp pháp, thông thường. Dự thảo Luật không đặt ra thủ tục cấp phép độc lập trong lĩnh vực phòng, chống phổ biến WMD, mà chỉ thiết lập cơ sở pháp lý để cơ quan có thẩm quyền tích hợp yêu cầu kiểm soát rủi ro phổ biến, tài trợ phổ biến WMD vào quá trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý chuyên ngành.

Việc lồng ghép các yêu cầu nêu trên phải bảo đảm phù hợp với chủ trương cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ; đồng thời không làm thay đổi bản chất của thủ tục hành chính chuyên ngành, không mở rộng đối tượng áp dụng một cách đại trà, không làm phát sinh thêm giấy phép, xác nhận, chấp thuận hoặc điều kiện đầu tư, kinh doanh trá hình. Trường hợp cần bổ sung yêu cầu về thông tin, tài liệu, xác minh hoặc tham vấn thì chỉ được áp dụng khi có căn cứ rủi ro rõ ràng, như: thuộc danh mục kiểm soát; có dấu hiệu rủi ro cụ thể; có cảnh báo của cơ quan có thẩm quyền; có yêu cầu thực hiện nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; hoặc có căn cứ xác định hoạt động, hàng hóa, công nghệ, dịch vụ, giao dịch có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến hoặc tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Đối với các nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân như tạm dừng, từ chối, hạn chế hoạt động, giao dịch; phong tỏa, hạn chế, giải tỏa tài sản; áp dụng trừng phạt tài chính mục tiêu, dự thảo Luật quy định trực tiếp căn cứ, nguyên tắc, phạm vi, thẩm quyền áp dụng, quyền kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện, cơ chế rà soát, chấm dứt biện pháp, bảo vệ bên thứ ba ngay tình và trách nhiệm bồi thường khi áp dụng trái pháp luật. Chính phủ chỉ quy định chi tiết về trình tự, hồ sơ, biểu mẫu, phương thức thông báo, phối hợp và tổ chức thực hiện.

Như vậy, các nội dung có khả năng làm phát sinh yêu cầu về thủ tục hành chính trong dự thảo Luật là cần thiết, có mục tiêu quản lý rõ ràng, gắn với yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội và thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam. Tuy nhiên, các yêu cầu này được thiết kế theo nguyên tắc lồng ghép, kế thừa, sử dụng lại hồ sơ, dữ liệu, quy trình và cơ sở dữ liệu hiện có; chỉ bổ sung ở mức cần thiết, có căn cứ rủi ro, không tạo tầng nấc trung gian và không làm phát sinh gánh nặng tuân thủ không hợp lý cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức có liên quan. Cụ thể:

Thứ nhất, đối với kiểm soát hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ thuộc diện kiểm soát hoặc có nguy cơ bị lợi dụng để phổ biến WMD

Yêu cầu bổ sung thông tin về người sử dụng cuối cùng, mục đích sử dụng cuối cùng, tuyến vận chuyển, bên giao, bên nhận, nước xuất khẩu, nước nhập khẩu hoặc thông số kỹ thuật có thể được lồng ghép vào thủ tục hải quan, thủ tục cấp phép xuất khẩu, nhập khẩu, thủ tục kiểm tra chuyên ngành, thủ tục quản lý hóa chất, thủ tục quản lý nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân, thủ tục chuyển giao công nghệ và các thủ tục quản lý chuyên ngành có liên quan.

Trong lĩnh vực hải quan, Luật Hải quan năm 2014 đã quy định cơ chế quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan (Điều 17); hồ sơ hải quan (Điều 24); thời hạn nộp hồ sơ hải quan (Điều 25); đăng ký tờ khai hải quan (Điều 30), trong đó có tờ khai hải quan điện tử. Do đó, yêu cầu kiểm soát rủi ro phổ biến WMD cần được lồng ghép trong khuôn khổ thủ tục hải quan hiện hành, thông qua việc sàng lọc, đối chiếu danh mục kiểm soát, cảnh báo rủi ro, yêu cầu xác minh hoặc tham vấn cơ quan có thẩm quyền; không thiết lập thủ tục cấp phép độc lập đối với hoạt động đã được điều chỉnh bằng thủ tục hải quan.

Trong lĩnh vực quản lý ngoại thương, Luật Quản lý ngoại thương năm 2017 đã quy định biện pháp quản lý theo giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu và quản lý theo điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu (Điều 29); yêu cầu việc áp dụng biện pháp quản lý theo giấy phép, theo điều kiện phải công khai, minh bạch, tiết kiệm thời gian, chi phí của cơ quan quản lý nhà nước và thương nhân (Điều 30). Vì vậy, yêu cầu kiểm soát rủi ro phổ biến WMD cần được tích hợp vào thủ tục quản lý ngoại thương hiện có, không hình thành giấy phép mới cùng điều chỉnh một hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu.

Trong lĩnh vực hóa chất, Luật Hóa chất năm 2025 và các văn bản quy định chi tiết đã có cơ chế quản lý hoạt động hóa chất, an toàn hóa chất, an ninh hóa chất, khai báo hóa chất nhập khẩu, cấp phép đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, hóa chất cấm và cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất. Do đó, nội dung phòng, chống phổ biến WMD trong lĩnh vực hóa chất cần được lồng ghép thông qua tiêu chí rủi ro, danh mục kiểm soát, cảnh báo, kết nối và chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu chuyên ngành hóa chất; không đặt ra thủ tục báo cáo, cấp phép hoặc khai báo hóa chất mới nêu thông tin, dữ liệu đã có trong thủ tục hóa chất hiện hành.

Thứ hai, đối với kiểm soát ngoài danh mục

Kiểm soát ngoài danh mục là nội dung có tính đặc thù, có thể làm phát sinh yêu cầu tạm dừng xử lý hồ sơ, tạm dừng thông quan, bổ sung thông tin, xác minh hoặc tham vấn liên ngành khi hàng hóa, công nghệ, dịch vụ không thuộc danh mục kiểm soát nhưng có dấu hiệu rủi ro cụ thể. Tuy nhiên, bản chất của kiểm soát ngoài danh mục không phải là thiết lập thủ tục cấp phép mới áp dụng đại trà đối

với mọi hàng hóa, công nghệ, dịch vụ ngoài danh mục, mà là cơ chế kiểm soát được kích hoạt theo rủi ro cụ thể.

Định hướng quy phạm đối với nội dung này là lồng ghép vào thủ tục hải quan, quản lý ngoại thương, cấp phép chuyên ngành, kiểm tra chuyên ngành và chuyển giao công nghệ. Luật cần quy định trực tiếp căn cứ áp dụng, thẩm quyền, phạm vi, thời hạn tạm dừng, nguyên tắc thông báo, cơ chế rà soát và quyền khiếu nại, khởi kiện của tổ chức, cá nhân. Chính phủ chỉ quy định chi tiết về biểu mẫu thông tin, phương thức tham vấn, trao đổi dữ liệu và phối hợp xử lý. Cách thiết kế này bảo đảm phù hợp với khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 về yêu cầu hạn chế quyền con người, quyền công dân phải được quy định bằng luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và các lý do hiến định khác.

Thứ ba, đối với hệ thống tuân thủ nội bộ và chế độ ưu tiên đối với tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ

Dự thảo Luật có thể làm phát sinh yêu cầu đánh giá, phân loại hoặc công nhận tổ chức, doanh nghiệp có hệ thống quản trị rủi ro tốt để được ưu tiên xử lý hồ sơ, giảm tần suất kiểm tra, tăng cường hậu kiểm hoặc hỗ trợ kỹ thuật. Đây là cơ chế khuyến khích tuân thủ, không phải điều kiện bắt buộc để tổ chức, doanh nghiệp được sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển giao công nghệ hoặc thực hiện hoạt động hợp pháp khác.

Việc thiết kế nội dung này phải bảo đảm phù hợp với Điều 7 Luật Đầu tư năm 2020 về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Theo đó, dự thảo Luật không quy định hệ thống tuân thủ nội bộ hoặc chế độ ưu tiên là điều kiện đầu tư, kinh doanh; không biến cơ chế khuyến khích tuân thủ thành thủ tục hành chính mang tính “xin - cho”. Trường hợp cần quy định thủ tục đánh giá, công nhận thì thủ tục đó phải được thiết kế theo nguyên tắc tự nguyện, đơn giản, minh bạch, có lợi ích rõ ràng cho doanh nghiệp, thực hiện bằng phương thức điện tử, gắn với phân loại rủi ro và không làm phát sinh gánh nặng tuân thủ không hợp lý.

Thứ tư, đối với kiểm soát tài trợ phổ biến, báo cáo giao dịch đáng ngờ, phong tỏa tài sản, hạn chế giao dịch và giải tỏa tài sản

Nội dung này cần phân biệt rõ giữa nghĩa vụ báo cáo, nhận biết khách hàng theo pháp luật về phòng, chống rửa tiền với biện pháp đặc thù về trừng phạt tài chính mục tiêu trong dự thảo Luật. Điều 65 Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 đã quy định tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan áp dụng các quy định từ Điều 9 đến Điều 40 của Luật này để nhận biết khách hàng, thu thập, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng, xây dựng quy định nội bộ, báo cáo, cung cấp, lưu trữ thông tin, hồ sơ, tài liệu về

phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Do đó, dự thảo Luật không thiết lập chế độ báo cáo tài chính mới, mà tích hợp tiêu chí rủi ro tài trợ phổ biến, danh sách chỉ định, cảnh báo, yêu cầu phong tỏa, hạn chế và giải tỏa tài sản vào quy trình hiện hành của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

Đối với biện pháp phong tỏa, hạn chế giao dịch, giải tỏa tài sản, đây là nhóm biện pháp tác động trực tiếp đến quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Vì vậy, Luật phải quy định trực tiếp căn cứ, nguyên tắc “không chậm trễ”, thẩm quyền, phạm vi, thời hạn, quyền được thông báo trong trường hợp được phép thông báo, quyền kiến nghị, khiếu nại, khởi kiện, cơ chế rà soát, giải tỏa, chấm dứt biện pháp, bảo vệ bên thứ ba ngay tình, bảo đảm nhu cầu thiết yếu và trách nhiệm bồi thường khi áp dụng trái pháp luật. Trình tự, hồ sơ, biểu mẫu, phương thức thông báo, phối hợp xử lý giao Chính phủ quy định chi tiết nhưng không được bổ sung căn cứ, điều kiện, thẩm quyền hoặc biện pháp hạn chế quyền ngoài quy định của Luật.

Thứ năm, đối với đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến WMD

Đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến WMD là quy trình quản lý nhà nước, liên ngành, không phải thủ tục hành chính áp dụng trực tiếp đối với người dân, doanh nghiệp. Dự thảo Luật cần quy định thẩm quyền, chu kỳ, nội dung, nguyên tắc phối hợp, trách nhiệm cung cấp, chia sẻ, cập nhật thông tin giữa các cơ quan nhà nước; đồng thời xác định rõ việc sử dụng kết quả đánh giá rủi ro làm căn cứ cảnh báo, hướng dẫn tuân thủ, phân loại rủi ro và lựa chọn biện pháp quản lý phù hợp.

Trường hợp cần dữ liệu từ tổ chức, cá nhân, cơ quan có thẩm quyền phải ưu tiên khai thác từ báo cáo, hồ sơ, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã có; chỉ yêu cầu cung cấp bổ sung khi có căn cứ rủi ro cụ thể hoặc khi pháp luật chuyên ngành đã quy định nghĩa vụ cung cấp, báo cáo. Cách tiếp cận này bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, đồng thời hạn chế tối đa việc phát sinh thủ tục hành chính, chế độ báo cáo hoặc nghĩa vụ cung cấp thông tin không cần thiết cho người dân, doanh nghiệp.

c) Định hướng số hóa, tích hợp khai báo và kết nối dữ liệu điện tử

Các yêu cầu về khai báo, cung cấp, cập nhật, đối chiếu, xác minh, cảnh báo, thông báo, rà soát, phong tỏa, hạn chế giao dịch, giải tỏa tài sản và xử lý cảnh báo cần được thiết kế theo hướng điện tử hóa, tích hợp, liên thông và sử dụng lại dữ liệu đã có, không thiết lập thêm kênh tiếp nhận hồ sơ độc lập trong lĩnh vực phòng, chống phổ biến WMD.

Nội dung thông tin, dữ liệu cần tích hợp bao gồm: Hàng hóa, mã HS, thành phần, thông số kỹ thuật, mục đích sử dụng, người sử dụng cuối cùng, tuyến vận

chuyển, bên giao, bên nhận, nước xuất khẩu, nước nhập khẩu; giấy phép chuyên ngành, kết quả kiểm tra chuyên ngành; cảnh báo rủi ro, danh mục kiểm soát, danh sách chỉ định; kết quả phong tỏa, hạn chế giao dịch, giải tỏa tài sản và kết quả xử lý cảnh báo. Việc tích hợp được thực hiện thông qua hệ thống hải quan điện tử, Công thông tin một cửa quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin phòng, chống rửa tiền và cơ sở dữ liệu quốc gia về phòng, chống phổ biến WMD.

Cơ sở pháp lý cho việc tích hợp, kết nối điện tử đã được quy định trong pháp luật hiện hành. Cụ thể: khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP quy định việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, Công thông tin một cửa quốc gia và hệ thống xử lý chuyên ngành; Điều 4 Nghị định này quy định chức năng tiếp nhận, chuyển, lưu trữ, phản hồi chứng từ điện tử, thông tin khai và kết quả xử lý. Đây là cơ sở pháp lý trực tiếp để tích hợp yêu cầu kiểm soát rủi ro phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt vào cơ chế một cửa quốc gia, bảo đảm không phát sinh thêm đầu mối, kênh tiếp nhận hoặc quy trình xử lý hồ sơ độc lập.

Bên cạnh đó, Điều 4 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP quy định việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý như các hình thức khác; không yêu cầu tổ chức, cá nhân khai, nộp lại dữ liệu mà cơ quan thực hiện thủ tục hành chính đang quản lý hoặc đã được cơ quan nhà nước khác sẵn sàng chia sẻ; tối đa hóa các bước thực hiện trên môi trường điện tử và không làm tăng phí, lệ phí ngoài quy định. Điều 7, Điều 8, Điều 9 và Điều 13 Luật Giao dịch điện tử năm 2023 quy định về hình thức thể hiện, giá trị pháp lý, giá trị như văn bản và khả năng lưu trữ của thông điệp dữ liệu. Các quy định này là căn cứ để thiết kế việc khai báo, cập nhật, đối chiếu, cảnh báo, thông báo, xác minh, rà soát và giải tỏa theo phương thức điện tử, bảo đảm giá trị pháp lý của dữ liệu điện tử và kết quả xử lý trên môi trường số.

Như vậy, các yêu cầu có khả năng phát sinh thủ tục hành chính trong dự thảo Luật được định hướng tích hợp trên nền tảng số, kế thừa dữ liệu từ các thủ tục, hồ sơ, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hiện có; hạn chế tối đa việc yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, tài liệu đã có trong hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước. Việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu phải bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng phạm vi; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

d) Kết luận về đánh giá tác động thủ tục hành chính

Trên cơ sở rà soát, có thể xác định dự thảo Luật không thiết lập thủ tục hành chính độc lập trong lĩnh vực phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Các

yêu cầu có khả năng phát sinh trong quá trình thi hành Luật chủ yếu là yêu cầu mang tính hỗ trợ quản lý, kiểm soát rủi ro, xác minh, chia sẻ thông tin, kết nối dữ liệu hoặc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể bị tác động.

Các yêu cầu này được định hướng xử lý theo nguyên tắc lồng ghép vào thủ tục chuyên ngành hiện hành, kế thừa hồ sơ, dữ liệu, quy trình và cơ sở dữ liệu đã có; chỉ bổ sung khi thật sự cần thiết, có căn cứ rủi ro rõ ràng, không áp dụng đại trà và không làm phát sinh gánh nặng tuân thủ không hợp lý cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức có liên quan.

Đối với nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, dự thảo Luật xác định các căn cứ, nguyên tắc, thẩm quyền, phạm vi áp dụng và cơ chế bảo vệ quyền ở cấp luật; các nội dung kỹ thuật, nghiệp vụ, biểu mẫu, phương thức thực hiện và phối hợp liên ngành được giao Chính phủ quy định chi tiết, bảo đảm không bổ sung căn cứ, điều kiện, thẩm quyền hoặc biện pháp hạn chế quyền ngoài quy định của Luật.

Do dự thảo Luật chỉ quy định nguyên tắc, căn cứ áp dụng, nhóm biện pháp quản lý, kiểm soát và giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung kỹ thuật, nghiệp vụ, quy trình, biểu mẫu, phương thức thực hiện khi tổ chức thi hành, nên tại giai đoạn xây dựng dự án Luật chưa có đủ cơ sở để xác định, thống kê và lượng hóa riêng đối với từng thủ tục hành chính cụ thể.

Đồng thời, trong bối cảnh Chính phủ đang đẩy mạnh rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và chuyển đổi số, việc xác định ngay phương án thiết kế hoặc lồng ghép từng yêu cầu quản lý của Luật vào từng thủ tục hành chính hiện hành chưa bảo đảm đầy đủ cơ sở thực tiễn và tính khả thi. Cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ tiếp tục rà soát, đánh giá trong quá trình xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật; bảo đảm thủ tục hành chính, nếu phát sinh, đáp ứng yêu cầu về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý, chi phí tuân thủ, điều kiện bảo đảm thực hiện, khả năng số hóa, chia sẻ dữ liệu; không trùng lặp với pháp luật chuyên ngành và không làm phát sinh thủ tục hành chính không cần thiết.

2. Việc phân quyền, phân cấp

Dự án Luật điều chỉnh lĩnh vực có tính chất liên ngành, liên quan trực tiếp đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, quản lý ngoại thương, hải quan, tài chính, ngân hàng, khoa học, công nghệ và thực hiện nghĩa vụ quốc tế của Việt Nam. Do đó, việc phân quyền, phân cấp trong dự án Luật được thiết kế theo hướng vừa bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất ở trung ương, vừa phát huy tính chủ động, kịp thời, sát thực tiễn của cơ quan, đơn vị trực tiếp tổ chức thực hiện.

Đối với các nội dung có tính chiến lược, chính sách quốc gia, yêu cầu thống nhất cao hoặc liên quan đến thực hiện nghĩa vụ quốc tế, dự thảo Luật xác định thuộc thẩm quyền quản lý, chỉ đạo, điều phối thống nhất của Chính phủ. Các nội dung này bao gồm: Quản lý rủi ro quốc gia; đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến WMD; ban hành, cập nhật danh mục kiểm soát; xác định cơ chế kiểm soát theo danh mục và ngoài danh mục; áp dụng trừng phạt tài chính mục tiêu; thiết lập cơ sở dữ liệu quốc gia; cảnh báo sớm; hợp tác quốc tế; cơ chế phối hợp liên ngành và phân công cơ quan đầu mối quốc gia.

Đối với các nhiệm vụ mang tính tổ chức thực hiện như: Tiếp nhận, xử lý thông tin; kiểm tra, xác minh; cập nhật, khai thác dữ liệu; theo dõi tuân thủ; phối hợp xử lý tình huống phát sinh; kiểm tra, thanh tra, giám sát theo lĩnh vực, địa bàn thì cần được phân công, phân cấp cho cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý theo ngành, lĩnh vực và địa phương. Việc phân công, phân cấp phải bảo đảm rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ đầu mối chủ trì, rõ cơ quan phối hợp, rõ thời hạn xử lý và cơ chế kiểm tra, giám sát.

Dự án Luật tiếp cận theo hướng không quy định cụ thể, cứng hóa chức năng, nhiệm vụ của từng bộ, ngành trong Luật; chỉ xác định nguyên tắc, cơ chế điều phối và trách nhiệm chung. Theo đó, cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống vũ khí WMD có chức năng tham mưu, giúp Chính phủ chỉ đạo, điều phối, đôn đốc, theo dõi, tổng hợp tình hình, hướng dẫn tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống phổ biến WMD; không làm thay, không thay thế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, ngành, chính quyền địa phương và cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật. Nội dung cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế hoạt động và điều kiện bảo đảm hoạt động của cơ quan đầu mối quốc gia được giao Chính phủ quy định chi tiết để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với yêu cầu quản lý trong từng giai đoạn.

Việc phân quyền, phân cấp trong dự án Luật gắn với điều kiện bảo đảm thực hiện. Chỉ thực hiện phân cấp đối với những nhiệm vụ mà cơ quan, đơn vị được giao có đủ năng lực chuyên môn, nhân lực, cơ sở dữ liệu, hạ tầng công nghệ thông tin, quy trình phối hợp và cơ chế kiểm tra, giám sát. Không thực hiện phân cấp hình thức hoặc phân cấp khi chưa đủ điều kiện, vì có thể dẫn đến áp dụng không thống nhất, kéo dài thời gian xử lý, phát sinh thủ tục trung gian hoặc làm giảm hiệu quả kiểm soát rủi ro.

Để bảo đảm tính khả thi, dự án Luật được hoàn thiện theo hướng: Quy định trong Luật vai trò thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ, nguyên tắc phân định trách nhiệm, cơ chế điều phối thống nhất và vai trò của cơ quan đầu mối quốc gia về phòng, chống phổ biến WMD; đồng thời giao Chính phủ quy định chi

tiết việc phân công, phân cấp, quy trình phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo, trách nhiệm của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và điều kiện bảo đảm thực hiện. Cách tiếp cận này phù hợp với yêu cầu không làm phát sinh chồng chéo, trùng lặp trong thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm quản lý thống nhất, đồng bộ, kịp thời, đồng thời phát huy trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực thi trong phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự án Luật có nội dung gắn trực tiếp với yêu cầu ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý nhà nước. Đây là lĩnh vực có tính chất liên ngành, liên thông, đòi hỏi khả năng thu thập, phân tích, xử lý, chia sẻ thông tin kịp thời để nhận diện, đánh giá, cảnh báo và kiểm soát rủi ro phổ biến, tài trợ phổ biến WMD, trong đó có đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ phổ biến WMD theo chu kỳ hoặc đột xuất.

Nội dung thúc đẩy khoa học, công nghệ và chuyển đổi số đã được thể hiện trong dự thảo Luật về chính sách của Nhà nước về phòng, chống phổ biến WMD; trong đó, xác định yêu cầu phát triển nguồn nhân lực; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, cơ sở dữ liệu, cảnh báo sớm phục vụ phòng, chống phổ biến WMD. Đồng thời, dự thảo Luật đã quy định các nội dung về chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia, cảnh báo sớm và phối hợp liên ngành, tạo cơ sở pháp lý để xây dựng phương thức quản lý hiện đại, dựa trên dữ liệu và quản lý rủi ro.

Việc ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong dự án Luật được thể hiện trên một số phương diện chủ yếu sau:

Thứ nhất, ứng dụng công nghệ số trong quản lý rủi ro quốc gia về phòng, chống phổ biến WMD: Việc nhận diện, đánh giá, phân loại, cập nhật thông tin rủi ro cần được thực hiện trên nền tảng dữ liệu số, bảo đảm xử lý thông tin nhanh, chính xác, liên thông giữa cơ quan có liên quan. Kết quả đánh giá rủi ro là căn cứ để xác định đối tượng, hoạt động thuộc diện kiểm soát; lựa chọn biện pháp quản lý, kiểm soát; cảnh báo sớm; hướng dẫn tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghĩa vụ nhận diện, đánh giá, kiểm soát rủi ro tài trợ phổ biến và áp dụng trừng phạt tài chính mục tiêu.

Thứ hai, xây dựng, kết nối và khai thác cơ sở dữ liệu phục vụ phòng, chống phổ biến WMD: Dự thảo Luật đã đặt ra yêu cầu chia sẻ, cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu liên quan đến tổ chức, cá nhân, hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ, giao dịch tài chính, danh sách đối tượng bị chỉ định, danh mục kiểm soát, thông tin cấp phép, kiểm tra, thanh tra, giám sát, xử lý vi phạm và cảnh

báo rủi ro. Việc thiết lập cơ sở dữ liệu và cơ chế kết nối, liên thông có ý nghĩa quan trọng trong việc khắc phục tình trạng phân tán thông tin, tăng cường phối hợp liên ngành và nâng cao hiệu quả cảnh báo sớm.

Thứ ba, thúc đẩy số hóa thủ tục, hồ sơ, chế độ báo cáo và phương thức phối hợp giữa các cơ quan nhà nước: Việc thực hiện các thủ tục liên quan đến kiểm soát hàng hóa, công nghệ, giao dịch tài chính, xác minh người sử dụng cuối cùng, báo cáo giao dịch đáng ngờ, áp dụng và rà soát biện pháp kiểm soát được thiết kế theo hướng điện tử hóa, chuẩn hóa biểu mẫu, chia sẻ dữ liệu, sử dụng lại thông tin đã có. Nguyên tắc này phù hợp với định hướng “một lần cung cấp - nhiều lần sử dụng”, hạn chế yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp lại thông tin, dữ liệu đã được báo cáo, cập nhật, chia sẻ hợp pháp trong hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước.

Thứ tư, ứng dụng công nghệ trong cảnh báo sớm, phát hiện dấu hiệu bất thường và hỗ trợ ra quyết định: Đối với lĩnh vực có rủi ro cao, biến động nhanh như phòng, chống phổ biến WMD, việc ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu, kết nối thông tin, đối chiếu danh sách, sàng lọc giao dịch, cảnh báo dấu hiệu rủi ro là cần thiết để phát hiện sớm hành vi lợi dụng hoạt động dân sự, thương mại, khoa học, công nghệ, tài chính, ngân hàng nhằm phổ biến hoặc tài trợ phổ biến WMD.

Thứ năm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực tuân thủ của tổ chức, doanh nghiệp: Dự thảo Luật khuyến khích tổ chức, cá nhân xây dựng hệ thống tuân thủ nội bộ, chủ động phòng ngừa, phát hiện, báo cáo và phối hợp xử lý rủi ro. Việc ứng dụng công nghệ trong hệ thống tuân thủ nội bộ của doanh nghiệp giúp nâng cao năng lực tự kiểm soát, giảm chi phí tuân thủ, tăng khả năng đáp ứng yêu cầu quản lý rủi ro, đồng thời tạo cơ sở để xem xét áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp có năng lực tuân thủ tốt.

Bên cạnh tác động tích cực, việc ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong dự án Luật cũng đặt ra yêu cầu kiểm soát chặt chẽ về bảo mật, an toàn thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác, bí mật kinh doanh, dữ liệu cá nhân và quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Dự thảo Luật đã xác định nguyên tắc việc chia sẻ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu phải đúng thẩm quyền, đúng mục đích, đúng phạm vi; không sử dụng thông tin, dữ liệu trái mục đích hoặc vượt quá phạm vi được phép.

Tổng thể, dự án Luật có tác động tích cực đối với việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Các quy định của dự thảo Luật tạo cơ sở pháp lý để chuyển đổi phương thức quản lý từ quản lý hành chính thủ công, phân tán sang quản lý dựa trên dữ liệu, quản lý theo rủi ro, cảnh báo sớm và phối hợp liên ngành. Để bảo đảm tính khả thi, dự thảo Luật được

hoàn thiện theo hướng: Quy định rõ nguyên tắc xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác cơ sở dữ liệu; đẩy mạnh số hóa thủ tục, chế độ báo cáo; sử dụng lại dữ liệu đã có; đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết về tiêu chuẩn kỹ thuật, phương thức kết nối, bảo mật, phân quyền truy cập, trách nhiệm cập nhật, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu trong phòng, chống phổ biến WMD.

4. Việc bảo đảm bình đẳng giới

Nội dung của dự thảo Luật chủ yếu điều chỉnh các biện pháp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, quản lý rủi ro đối với hàng hóa, công nghệ, giao dịch và tổ chức, cá nhân có liên quan; không quy định riêng biệt làm phát sinh sự phân biệt đối xử giữa nam và nữ. Các thủ tục, biện pháp quản lý, kiểm soát và cơ chế bảo vệ quyền lợi hợp pháp đều được áp dụng thống nhất theo tiêu chí khách quan về tính chất hoạt động, mức độ rủi ro và căn cứ pháp lý, không dựa trên giới tính.

Quá trình xây dựng và hoàn thiện dự thảo Luật, Cơ quan chủ trì soạn thảo sẽ tiếp tục quán triệt yêu cầu lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong kỹ thuật lập pháp và tổ chức thực hiện, nhất là trong sử dụng ngôn ngữ quy phạm trung tính về giới; bảo đảm khả năng tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục, khiếu nại, kiến nghị, giải trình của mọi chủ thể và không đặt ra điều kiện, tiêu chuẩn hoặc quy trình có khả năng tạo ra bất lợi gián tiếp đối với một giới. Trên cơ sở rà soát hiện nay, có thể xác định dự án Luật không có nội dung làm ảnh hưởng bất lợi đến việc bảo đảm bình đẳng giới.

5. Việc thực hiện chính sách dân tộc

Dự thảo Luật chủ yếu điều chỉnh các nguyên tắc, chính sách, biện pháp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, quản lý rủi ro đối với hàng hóa, vật liệu, thiết bị, công nghệ, dịch vụ, giao dịch tài chính và các hoạt động có liên quan. Nội dung dự thảo Luật không quy định chính sách riêng, điều kiện riêng, thủ tục riêng hoặc biện pháp áp dụng khác đối với đồng bào, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Các biện pháp quản lý, kiểm soát, thủ tục hành chính và cơ chế bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trong dự thảo Luật được áp dụng thống nhất đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên phạm vi cả nước, căn cứ vào tính chất hoạt động, mức độ rủi ro, yêu cầu phòng, chống phổ biến, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt và quy định của pháp luật. Vì vậy, dự án Luật không làm phát sinh sự phân biệt đối xử, không tạo ra tác động bất lợi riêng đối với đồng bào dân tộc thiểu số hoặc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thi hành Luật cần chú trọng bảo đảm khả năng tiếp cận thông tin, tiếp cận thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến và

cơ chế hỗ trợ tuân thủ đối với người dân, tổ chức, doanh nghiệp ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn khi có liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Luật. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hướng dẫn thực hiện cần được tổ chức bằng hình thức phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa bàn, bảo đảm dễ hiểu, dễ tiếp cận, không làm phát sinh rào cản trong thực hiện quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân.

Đối với các thủ tục hành chính, chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, chia sẻ dữ liệu, xác minh, kiểm tra, giám sát nếu được quy định chi tiết trong văn bản dưới luật, cần bảo đảm nguyên tắc đơn giản, minh bạch, thuận tiện; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công trực tuyến, sử dụng lại dữ liệu đã có; đồng thời có hình thức hỗ trợ phù hợp đối với địa bàn còn hạn chế về hạ tầng số, năng lực tiếp cận thông tin hoặc điều kiện thực hiện thủ tục.

Đối với hoạt động đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực, hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng hệ thống tuân thủ nội bộ, cần quan tâm đến đặc thù của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động tại vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới; bảo đảm các chủ thể này được tiếp cận bình đẳng với thông tin cảnh báo, hướng dẫn tuân thủ, cơ chế hỗ trợ và chính sách ưu tiên theo quy định của pháp luật.

Trên cơ sở rà soát, có thể xác định dự án Luật không có nội dung trái với chính sách dân tộc, không làm phát sinh vấn đề cần xử lý riêng về chính sách dân tộc. Tuy nhiên, trong quá trình hoàn thiện dự thảo Luật và xây dựng văn bản quy định chi tiết, cần tiếp tục quán triệt yêu cầu bảo đảm bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, hỗ trợ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bảo đảm mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đều được tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục, hưởng cơ chế hỗ trợ và được bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

III. PHỤ LỤC

(Kèm theo Bản đánh giá này Phụ lục: Rà soát thủ tục hành chính hiện hành có liên quan đến phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt)./.

Phụ lục
RÀ SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN ĐẾN
PHÒNG, CHỐNG PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

(Kèm theo bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc của dự án luật phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt)

TT	Lĩnh vực	Tên thủ tục hành chính	Văn bản QPPL quy định	Cơ quan thực hiện	Đối tượng áp dụng	Thủ tục hồ sơ
1.	Hóa chất/Công ước CWC	Cấp Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1	Luật Hóa chất; Nghị định số 33/2024/NĐ-CP; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Công Thương theo phân cấp, phân quyền.	Tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất hóa chất Bảng 1.	Văn bản đề nghị; bản thuyết minh điều kiện sản xuất; giấy tờ về quyền sử dụng đất, nhà xưởng, kho; bằng chuyên môn của người phụ trách kỹ thuật; quyết định công nhận huấn luyện an toàn hóa chất; văn bản về môi trường; văn bản nghiệm thu/kiểm tra PCCC; cam kết sản xuất hóa chất Bảng 1 đúng mục đích đặc biệt như nghiên cứu, y tế, dược phẩm, điều tra tội phạm, quốc phòng, an ninh.
2.	Hóa chất/Công ước CWC	Cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3	Luật Hóa chất; Nghị định số 33/2024/NĐ-CP; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Công Thương theo phân cấp, phân quyền.	Tổ chức kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3.	Văn bản đề nghị; kê khai điểm kinh doanh; văn bản về môi trường; văn bản về PCCC; bản thuyết minh điều kiện kinh doanh; giấy tờ về kho, địa điểm kinh doanh hoặc hợp đồng mua bán; kê khai thiết bị, phương tiện bảo hộ, an toàn; bằng chuyên môn của người phụ trách an toàn; quyết định công nhận huấn luyện an toàn hóa chất; cam kết kinh doanh hóa chất Bảng 2, Bảng 3 cho mục đích không bị cấm.
3.	Hóa chất/Công ước CWC	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1, Bảng 2, Bảng 3	Nghị định số 33/2024/NĐ-CP; Nghị định số 146/2025/NĐ-CP.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/Sở Công Thương theo phân cấp, phân quyền.	Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng.	Văn bản đề nghị cấp phép; bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh; hợp đồng, thỏa thuận, hóa đơn hoặc vận đơn thể hiện tên, số lượng hóa chất, thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu và quốc gia liên quan; phiếu an toàn hóa chất bằng tiếng Việt.

TT	Lĩnh vực	Tên thủ tục hành chính	Văn bản QPPL quy định	Cơ quan thực hiện	Đối tượng áp dụng	Thủ tục hồ sơ
4.	Hóa chất/tiền chất công nghiệp	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp	Luật Hóa chất; Nghị định số 113/2017/NĐ-CP; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.	Cục Hóa chất, Bộ Công Thương.	Tổ chức xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất công nghiệp.	Văn bản đề nghị; bản sao giấy tờ đăng ký thành lập đối với trường hợp xuất khẩu, nhập khẩu lần đầu; bản sao hợp đồng, thỏa thuận, đơn đặt hàng, bản ghi nhớ hoặc hóa đơn ghi rõ tên, số lượng tiền chất; báo cáo tình hình xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán, sử dụng giấy phép đã cấp gần nhất đối với tiền chất công nghiệp Nhóm 1.
5.	Hóa chất nhập khẩu	Khai báo hóa chất nhập khẩu	Nghị định số 113/2017/NĐ-CP; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP; quy định về Cơ chế một cửa quốc gia.	Cục Hóa chất, Bộ Công Thương; thực hiện qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.	Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hóa chất thuộc diện khai báo.	Thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu theo mẫu; hóa đơn mua bán hóa chất; phiếu an toàn hóa chất bằng tiếng Việt; trường hợp không có hóa đơn thương mại thì sử dụng giấy báo hàng về cảng thay cho hóa đơn.
6.	Hóa chất nguy hiểm trong công nghiệp	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	Luật Hóa chất; Nghị định số 113/2017/NĐ-CP; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP.	Sở Công Thương.	Tổ chức, cá nhân kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	Văn bản đề nghị; giấy đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh; kê khai địa điểm kinh doanh; văn bản về môi trường; văn bản về PCCC; bản vẽ mặt bằng; giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc thuê kho; kê khai thiết bị kỹ thuật, phương tiện bảo hộ; bằng chuyên môn của người phụ trách an toàn; quyết định huấn luyện an toàn hóa chất; phiếu an toàn hóa chất.
7.	Năng lượng nguyên tử, phóng xạ, hạt nhân	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ đối với nhập khẩu nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân	Luật Năng lượng nguyên tử; Nghị định số 142/2020/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN.	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Bộ Khoa học và Công nghệ.	Tổ chức, cá nhân nhập khẩu nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân.	Đơn đề nghị; giấy tờ pháp lý của tổ chức, cá nhân; phiếu khai nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân; báo cáo đánh giá an toàn; tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất; hợp đồng mua bán hoặc thỏa thuận chuyển giao, tiếp nhận; hợp đồng ủy thác nếu có; cam kết trả lại nguồn hoặc bảo đảm tài chính xử lý nguồn đã qua sử dụng.
8.	Năng lượng nguyên tử,	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ đối với xuất khẩu	Luật Năng lượng nguyên tử; Nghị định số 142/2020/NĐ-CP;	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Bộ Khoa học và	Tổ chức, cá nhân xuất khẩu nguồn phóng xạ, vật liệu	Đơn đề nghị; giấy tờ pháp lý; phiếu khai báo nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân; tài liệu chứng minh xuất xứ; hợp đồng mua bán hoặc thỏa

TT	Lĩnh vực	Tên thủ tục hành chính	Văn bản QPPL quy định	Cơ quan thực hiện	Đối tượng áp dụng	Thủ tục hồ sơ
	phóng xạ, hạt nhân	nguồn phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân	Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN; Thông tư số 287/2016/TT-BTC.	Công nghệ.	hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân.	thuận chuyển giao, tiếp nhận; đối với một số nguồn, vật liệu, thiết bị phải có văn bản cho phép nhập khẩu của nước nhập khẩu.
9.	Năng lượng nguyên tử, phóng xạ	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ đối với sử dụng thiết bị bức xạ	Luật Năng lượng nguyên tử; Nghị định số 142/2020/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN.	Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, Bộ KH & CN hoặc cơ quan được phân cấp theo quy định.	Tổ chức, cá nhân sử dụng thiết bị bức xạ.	Đơn đề nghị; giấy tờ pháp lý; phiếu khai nhân viên bức xạ và người phụ trách an toàn; chứng chỉ nhân viên bức xạ; giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ; phiếu khai thiết bị bức xạ; tài liệu kỹ thuật; báo cáo đánh giá an toàn; biên bản kiểm xạ; kế hoạch ứng phó sự cố.
10.	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ	Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; Thông tư số 23/2024/TT-BCT.	Cục Hóa chất, Bộ Công Thương.	Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ.	Văn bản đề nghị; bản sao hợp đồng, đơn đặt hàng hoặc hóa đơn mua bán tiền chất thuốc nổ; bản thuyết minh quy trình sản xuất, thử nghiệm hoặc đề cương nghiên cứu đối với trường hợp nhập khẩu để trực tiếp sử dụng cho sản xuất, nghiên cứu, thử nghiệm.
11.	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp Giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ	Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15; Thông tư số 23/2024/TT-BCT.	Cục Hóa chất, Bộ Công Thương.	Doanh nghiệp kinh doanh tiền chất thuốc nổ.	Văn bản đề nghị; bảng kê khai hệ thống kho, bến cảng, nhà xưởng và văn bản cho phép đưa công trình vào sử dụng; danh sách phương tiện chuyên dùng và giấy phép lưu hành; kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với kho, phương tiện vận chuyển tiền chất thuốc nổ.
12.	Chuyển giao công nghệ, công nghệ lưỡng dụng	Chấp thuận chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao	Luật Chuyển giao công nghệ; Nghị định hướng dẫn về chuyển giao công nghệ.	Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ, Bộ KH&CN	Tổ chức, cá nhân có hoạt động chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao.	Văn bản đề nghị; giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý; tài liệu giải trình về công nghệ; tài liệu giải trình điều kiện sử dụng công nghệ; tài liệu giải trình sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; giấy ủy quyền nếu nộp thông qua đại diện.

TT	Lĩnh vực	Tên thủ tục hành chính	Văn bản QPPL quy định	Cơ quan thực hiện	Đối tượng áp dụng	Thủ tục hồ sơ
13.	Chuyển giao công nghệ, công nghệ lưỡng dụng	Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ	Luật Chuyển giao công nghệ; Nghị định hướng dẫn về chuyển giao công nghệ.	Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ.	Tổ chức, cá nhân chuyển giao công nghệ thuộc trường hợp phải cấp phép.	Văn bản đề nghị cấp phép kèm cam kết; giấy tờ pháp lý; hợp đồng chuyển giao công nghệ và bản dịch nếu có; danh mục tài liệu công nghệ, máy móc, thiết bị; văn bản bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ nếu có; tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm; giải trình điều kiện sử dụng công nghệ; văn bản định giá công nghệ nếu sử dụng vốn nhà nước; giấy ủy quyền nếu có.
14.	Chuyển giao công nghệ, công nghệ lưỡng dụng	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ	Luật Chuyển giao công nghệ; Nghị định hướng dẫn về chuyển giao công nghệ;.	Bộ Khoa học và Công nghệ; BQP đối với công nghệ thuộc bí mật nhà nước về quốc phòng hoặc sử dụng ngân sách đặc thù quốc phòng.	Bên giao hoặc bên nhận công nghệ thuộc trường hợp phải đăng ký.	Văn bản đề nghị đăng ký; bản gốc hoặc bản sao chứng thực hợp đồng chuyển giao công nghệ, kèm bản dịch nếu có; giấy tờ về đầu tư, kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động; giấy tờ chứng minh tư cách người đại diện; văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp sử dụng vốn nhà nước; giấy ủy quyền nếu có.
15.	Y tế, an toàn sinh học	Cấp mới Giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III	Nghị định số 103/2016/NĐ-CP; văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan; quyết định công bố TTHC của Bộ Y tế.	Sở Y tế.	Doanh nghiệp, tổ chức có cơ sở xét nghiệm an toàn sinh học cấp III.	Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận; bản kê khai nhân sự; bản kê khai thiết bị y tế; báo cáo bảo trì, bảo dưỡng thiết bị xét nghiệm đối với trường hợp phải nộp; phương án phòng ngừa, xử lý sự cố an toàn sinh học; giấy tờ chứng minh việc thành lập và hoạt động của cơ sở xét nghiệm.
16.	Y tế, an toàn sinh học	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II	Nghị định số 103/2016/NĐ-CP và văn bản sửa đổi, bổ sung; quyết định công bố TTHC của Bộ Y tế.	Sở Y tế.	Cơ sở xét nghiệm an toàn sinh học cấp I, cấp II.	Bản tự công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học theo mẫu; tài liệu kèm theo theo quy định về điều kiện an toàn sinh học.
17.	Y tế, kiểm dịch y tế, mẫu bệnh phẩm	Cấp phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm bệnh truyền nhiễm; kiểm dịch y tế đối	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP; quy định về kiểm dịch y tế và văn bản công	Bộ Y tế/Cục Phòng bệnh; Trung tâm kiểm dịch y tế quốc tế	Tổ chức, cơ sở y tế, cơ sở nghiên cứu nhập khẩu mẫu bệnh phẩm, mẫu vi	Văn bản đề nghị cấp phép nhập khẩu; văn bản phê duyệt đề tài, dự án, đề cương nghiên cứu hoặc thỏa thuận hợp tác; giấy tờ chứng minh điều kiện an toàn sinh học của cơ sở xét nghiệm; khi làm kiểm dịch tại

TT	Lĩnh vực	Tên thủ tục hành chính	Văn bản QPPL quy định	Cơ quan thực hiện	Đối tượng áp dụng	Thủ tục hồ sơ
		với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người	bổ thủ tục hành chính của Bộ Y tế.	tại cửa khẩu đối với khâu kiểm dịch.	sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người.	cửa khẩu có giấy khai báo y tế và giấy phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm đối với mẫu có liên quan đến người.
18.	Hải quan, xuất khẩu, nhập khẩu	Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện giấy phép hoặc kiểm tra chuyên ngành	Luật Hải quan; Nghị định, thông tư hướng dẫn thủ tục hải quan; quy định chuyên ngành về giấy phép, kiểm tra chuyên ngành.	Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục.	Tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; trong đó có hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành.	Tờ khai hải quan; hóa đơn thương mại; vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải; giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hoặc văn bản cho phép của cơ quan chuyên ngành; kết quả kiểm tra chuyên ngành; chứng từ chứng minh đủ điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu; hợp đồng ủy thác nếu có; chứng từ xuất xứ trong trường hợp phải nộp.
19.	Tài chính - ngân hàng, phòng chống tài trợ phổ biến	Cấp đổi Giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi tham gia hệ thống thanh toán quốc tế	Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 và văn bản liên quan về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; Quy định của Ngân hàng Nhà nước về cấp phép hoạt động ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Ngân hàng Nhà nước khu vực theo thẩm quyền.	Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.	Hồ sơ cấp đổi, bổ sung giấy phép; văn bản chấp thuận hoạt động ngoại hối; quy định nội bộ về quản lý rủi ro phòng, chống rửa tiền; tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến VKHDHL; thuyết minh giải pháp kỹ thuật, an toàn hệ thống thông tin; tài liệu chứng minh tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập hợp pháp; cam kết hoặc tài liệu về việc được phép thực hiện hoạt động tại nước ngoài; báo cáo đáp ứng điều kiện đối với trường hợp đã tham gia hệ thống trước thời điểm quy định mới có hiệu lực.